

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tân Uyên, năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG

Ngày ... tháng ... năm ...

SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Ngày ... tháng ... năm ...

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

MỤC LỤC

Trang

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết phải tiến hành lập KHSDD 2025	1
2. Bối cảnh xây dựng KHSDD 2025 của thành phố Tân Uyên	1
3. Mục đích, nội dung kế hoạch sử dụng đất	3
3.1. Mục đích kế hoạch sử dụng đất	3
3.2. Nội dung kế hoạch sử dụng đất	3
4. Các sản phẩm giao nộp	3
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	4
1.1. Điều kiện tự nhiên.....	4
1.1.1. Vị trí địa lý	4
1.1.2. Địa hình.....	5
1.1.3. Khí hậu.....	5
1.1.4. Thủy văn	6
1.1.5. Các nguồn tài nguyên	6
1.1.5.1. Tài nguyên đất	6
1.1.5.2. Tài nguyên nước	7
1.1.5.3. Tài nguyên khoáng sản	7
1.1.5.4. Tài nguyên nhân văn.....	8
1.1.6. Phân tích hiện trạng môi trường	8
1.2. Kinh tế - xã hội	9
1.2.1. Về phát triển kinh tế	9
1.2.1.1. Công nghiệp.....	9
1.2.1.2. Thương mại – dịch vụ.....	10
1.2.1.3. Nông - lâm nghiệp	10
1.2.3. Thực trạng phát triển giao thông	11
1.2.3.1. Giao thông đường bộ	11
1.2.3.2. Giao thông đường thủy	13
1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.....	13
1.3.1. Thuận lợi.....	13
1.3.2. Hạn chế	13
1.3.3. Áp lực đối với đất đai	14
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHSDD NĂM 2024	14
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	14
2.1.1. Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án.....	14
2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân	24
2.1.3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất	27
2.1.3.1. Chỉ tiêu đất nông nghiệp.....	27
2.1.3.2. Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp.....	29
2.1.3.3. Kết quả thực hiện kế hoạch khai thác đất chưa sử dụng	33
2.2. Những tồn tại và nguyên nhân trong việc thực hiện KHSDD năm 2024 ...	33
2.2.1. Những tồn tại	33

2.2.2. Nguyên nhân khách quan.....	33
2.2.3. Nguyên nhân chủ quan	34
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025.....	34
3.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	34
3.1.1. Công trình, dự án thực hiện trong năm 2025	34
3.1.2. Nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân năm 2025	35
3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	36
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 do tính phân bổ	37
3.2.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp	37
3.2.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp.....	38
3.2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất 2025 do thành phố Tân Uyên xác định	45
3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	45
3.4. Diện tích đất cần thu hồi.....	52
3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	55
3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch	55
3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm KHSDD.....	55
3.8. Sự phù hợp của kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Tân Uyên so với quy định của Luật Đất đai quy định về việc lập KHSDD hàng năm.....	56
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHSDD.....	57
4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	57
4.1.1. Tăng cường các hoạt động bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực quản lý về môi trường cho hệ thống tổ chức trong lĩnh vực môi trường	57
4.1.2. Tăng cường hoạt động giám sát môi trường.....	57
4.1.3. Thích ứng với biến đổi khí hậu.....	58
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	58
4.2.1. Giải pháp về vốn	58
4.2.2. Tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai..	59
4.2.3. Tăng cường đầu tư ứng dụng KHCN trong quản lý đất đai	59
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện KHSDD.....	59
4.3.1. Công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất	59
4.3.2. Trách nhiệm các ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	60
4.3.3. Tăng cường công tác giám sát thực hiện KHSDD	60
4.4. Các giải pháp khác	61
4.4.1. Giải pháp về chính sách	61
4.4.2. Các biện pháp cụ thể trong quản lý đất đai.....	62
4.4.3. Biện pháp phối hợp.....	62
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	63

DANH MỤC BẢNG TRONG BÁO CÁO

Trang

Bảng 1: Phân loại và quy mô diện tích các loại đất (theo diện tích điều tra)	6
Bảng 2: Hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ thành phố Tân Uyên	12
Bảng 3: Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2024 Tp. Tân Uyên.....	15
Bảng 4: Danh mục công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2024 Tp. Tân Uyên ..	15
Bảng 5: Danh mục công trình, dự án chuyển tiếp sang năm 2025 Tp. Tân Uyên.....	16
Bảng 6: Danh mục công trình, dự án loại bỏ khỏi KHSDĐ 2025 Tp. Tân Uyên.....	22
Bảng 7: Kết quả thực hiện CMĐSDĐ của hộ gia đình cá nhân năm 2024	26
Bảng 8: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 Tp. Tân Uyên	28
Bảng 9: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 Tp. Tân Uyên	35
Bảng 10: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 Tp. Tân Uyên.....	36
Bảng 11: Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2025 Tp. Tân Uyên.....	39
Bảng 12: Kế hoạch sử dụng đất phát triển hạ tầng năm 2025 Tp. Tân Uyên.....	42
Bảng 13: Danh mục công trình giao thông thực hiện năm 2025 Tp. Tân Uyên.....	42
Bảng 14: Danh mục công trình đất thủy lợi thực hiện năm 2025 Tp. Tân Uyên	43
Bảng 15: Danh mục công trình đất năng lượng thực hiện năm 2025 Tp. Tân Uyên	43
Bảng 16: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 Tp. Tân Uyên	46
Bảng 17: Kế hoạch chuyển mục đích SDĐ của tổ chức năm 2025 Tp. Tân Uyên ...	48
Bảng 18: Kế hoạch CMĐSDĐ của hộ gia đình, cá nhân năm 2025 Tp. Tân Uyên ..	50
Bảng 19: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 Tp. Tân Uyên – tỉnh Bình Dương.....	53

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

KCN:	Khu công nghiệp
CCN:	Cụm công nghiệp
CMĐSDĐ:	Chuyển mục đích sử dụng đất
DTTN:	Diện tích tự nhiên
GCNQSĐĐ:	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
GĐ:	Giai đoạn
GDP:	Tổng sản phẩm nội địa
GTSX:	Giá trị sản xuất
HĐND:	Hội đồng nhân dân
KCN:	Khu công nghiệp
QHSDĐ:	Quy hoạch sử dụng đất
KHSDĐ:	Kế hoạch sử dụng đất
KTXH:	Kinh tế xã hội
NN:	Nông nghiệp
NTTS:	Nuôi trồng thủy sản
PNN:	Phi nông nghiệp
QH, KHSDĐ:	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
SD:	Sử dụng
SXNN:	Sản xuất nông nghiệp
TW:	Trung ương
XLCT:	Xử lý chất thải
XLNT:	Xử lý nước thải
UBND:	Ủy ban nhân dân

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết phải tiến hành lập KHSDD 2025

Đất đai là tài sản chung quý giá của mỗi quốc gia, vừa là tư liệu vừa là đối tượng sản xuất và cũng là nơi xây dựng các công trình phục vụ phát triển kinh tế, dân sinh và quốc phòng an ninh. Quá trình khai thác sử dụng đất đai luôn gắn liền với quá trình phát triển của xã hội. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất càng cao, trong khi đó đất đai lại có hạn và ngày càng trở nên quý giá. Chính vì vậy, việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bền vững luôn là nhu cầu cấp thiết, đòi hỏi phải cân nhắc kỹ càng và hoạch định khoa học.

Luật Đất đai năm 2024 đã dành trọn Chương V với 18 điều (từ điều 60 đến điều 77) để quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trong đó quy định kỳ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là 10 năm (Điều 62) và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm; Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh (Điều 61).

Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất... trong năm 2025 trên địa bàn thành phố Tân Uyên, theo quy định tại Khoản 2, Điều 13, Luật Đất đai năm 2024 và Khoản 1, Điều 44, Nghị định 102/2024/NĐ-CP cần thiết phải tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất.

- Tên dự án: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Tân Uyên.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Bối cảnh xây dựng KHSDD 2025 của thành phố Tân Uyên

Luật Đất đai năm 2024 chính thức có hiệu lực từ ngày 01/8/2024, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Tuy nhiên, cho đến nay Bộ Tài nguyên và Môi trường vẫn chưa ban hành thông tư hướng dẫn việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, do đó việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong việc triển khai thực hiện theo quy định mới của Luật Đất đai.

Theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP thì căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện là kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh; quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch đô thị đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện. Tuy nhiên, để áp dụng các quy định nêu trên cho việc xây

dự kiến kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Tân Uyên còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc:

- Kế hoạch sử dụng đất của tỉnh Bình Dương hiện chưa được phê duyệt.

- Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thành phố Tân Uyên đến năm 2040 được phê duyệt từ tháng 01/2024 hiện không còn phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 03/8/2024, đang phải tiến hành điều chỉnh.

- Quy hoạch phân khu của 06 phường (Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Thái Hòa, Thạnh Phước, Khánh Bình, Tân Hiệp) được phê duyệt từ năm 2016, hiện mới chỉ có phường Thái Hòa đã được điều chỉnh và phê duyệt vào tháng 6/2024, 05 phường còn lại chưa được điều chỉnh; có 04 phường chưa có quy hoạch phân khu (Tân Vĩnh Hiệp, Phú Chánh, Hội Nghĩa, Vĩnh Tân); quy hoạch xây dựng nông thôn mới của hai xã Bạch Đằng, Thạnh Hội được phê duyệt từ năm 2013.

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Tân Uyên được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt từ tháng 01/2022. Tuy nhiên, hiện nay có một số dự án mới phát sinh trong quy hoạch tỉnh mà không có trong quy hoạch sử dụng đất của thành phố Tân Uyên.

Xuất phát từ những khó khăn, vướng mắc nêu trên, để đảm bảo việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch năm 2025 của thành phố Tân Uyên được hoàn thành trong năm 2024, trước mắt nội dung hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Tân Uyên sẽ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (hệ thống báo cáo, số liệu, bản đồ sẽ được thực trên nền quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của Thành phố đã được phê duyệt, đúng với quy định của Luật Đất đai); Đồng thời, sẽ cập nhật, bổ sung thêm một số dự án mới phát sinh trong các đề án quy hoạch cùng cấp hoặc quy hoạch của cấp trên mà đã được phê duyệt sau thời điểm quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Tân Uyên được phê duyệt (tháng 01/2022) và có văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền yêu cầu đưa công trình, dự án vào triển khai thực trong năm 2025. Trong quá trình lập kế hoạch sử dụng đất, khi có văn bản hướng dẫn khác thay thế Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT, thành phố Tân Uyên sẽ tiến hành chỉnh sửa theo hướng dẫn mới theo quy định.

Các đề án quy hoạch đã được phê duyệt sau thời điểm phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Tân Uyên để làm căn cứ pháp lý cập nhật, bổ sung danh mục công trình, dự án vào hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Tân Uyên gồm:

- Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 03/8/2024.

- Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thành phố Tân Uyên đến năm 2040, đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 26/01/2024.

3. Mục đích, nội dung kế hoạch sử dụng đất

3.1. Mục đích kế hoạch sử dụng đất

- Đánh giá kết quả, những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Thành phố. Phân bổ đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2025 trên địa bàn thành phố Tân Uyên.

- Tạo căn cứ pháp lý để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất... trong năm 2025 cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn thành phố Tân Uyên.

3.2. Nội dung kế hoạch sử dụng đất

Nội dung kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật Đất đai năm 2024:

- Diện tích các loại đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch và được xác định đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm; dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi;

- Diện tích các loại đất, danh mục các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai;

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 của Luật Đất đai;

- Giải pháp, nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

4. Các sản phẩm giao nộp

Loại sản phẩm, yêu cầu về nội dung, tính pháp lý và kỹ thuật của các sản phẩm bao gồm:

- Báo cáo thuyết minh kèm theo các loại bản đồ A4 và phụ biểu số liệu.

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025, tỷ lệ 1/25.000.
- Các bản đồ chuyên đề kèm theo.
- CD ghi các sản phẩm trên (báo cáo, số liệu, các loại bản đồ số).

Các sản phẩm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ nhân sao và lưu giữ tại:

- + UBND tỉnh Bình Dương : 01 bộ;
- + Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương : 01 bộ;
- + UBND thành phố Tân Uyên : 01 bộ;
- + Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tân Uyên : 01 bộ.
- + UBND cấp xã : 01 bộ.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Tân Uyên là một trong 09 đơn vị hành chính của tỉnh Bình Dương, thuộc Khu đô thị Trung tâm của tỉnh cùng với thành phố Thủ Dầu Một và thành phố Bến Cát. Diện tích tự nhiên (DTTN) toàn thành phố 19.176ha; dân số năm 2023 là 509.279 người, mật độ dân số 2.656 người/km² (Niên giám thống kê Bình Dương, 2023). Thành phố Tân Uyên có 12 đơn vị hành chính cấp xã (10 phường, 02 xã), gồm các phường: Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Thái Hòa, Thạnh Phước, Khánh Bình, Tân Hiệp, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa, Phú Chánh, Vĩnh Tân và các xã: Bạch Đằng, Thạnh Hội.

Vị trí địa lý thành phố Tân Uyên được xác định như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai.
- Phía Tây giáp thành phố Thủ Dầu Một và thành phố Bến Cát.
- Phía Nam giáp thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An và tỉnh Đồng Nai.
- Phía Bắc giáp huyện Bắc Tân Uyên.

Nằm ở trung tâm Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí thuận lợi để phát triển công nghiệp, đô thị và dịch vụ. Có mối liên hệ giao thông đối ngoại rất thuận lợi nhờ có các tuyến giao thông thủy bộ của Tỉnh, Quốc gia và gần với các đầu mối giao thông như sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay Biên Hòa, cảng sông Đồng Nai và cảng biển Thị Vải thuộc Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong chiến lược phát triển hệ thống giao thông của vùng Tp.HCM, có nhiều tuyến giao thông quan trọng của vùng đi qua địa bàn thành phố như:

- Trục giao thông Bắc Nam từ Tp. HCM – Bình Dương – Bình Phước.

- Đường vành đai 4 tạo lực phát triển công nghiệp Đông Bắc của vùng Tp.HCM đi qua thành phố, qua cầu Thủ Biên nối với hệ thống cảng biển Vũng Tàu (Thị Vải, Sao Mai).

- Mạng lưới các tuyến đường tỉnh, kết nối với các trục đường chính và kết nối các huyện trong tỉnh.

Bên cạnh đó, Tân Uyên nằm bên sông Đồng Nai là nguồn nước cung cấp nước rất quan trọng cho vùng Tp.HCM và là tuyến cảnh quan rất tiềm năng cho phát triển du lịch.

Với những lợi thế về địa kinh tế như trên Tân Uyên có điều kiện rất thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch nhanh cơ cấu sử dụng đất theo hướng tích cực, tăng nhanh hiệu quả sử dụng đất....

1.1.2. Địa hình

Địa hình của Tân Uyên có đặc điểm tương đồng với địa hình tỉnh Bình Dương (thấp dần từ phía Bắc xuống phía Nam), nền địa hình chuyển tiếp từ vùng cao ở phía Đông Bắc xuống Tây Nam, vùng đồng bằng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai có cao độ phổ biến từ 5-15m so với mực nước biển. Đặc biệt, có dải đất nghiêng chạy dọc theo sông Đồng Nai và các cù lao ven sông có nhiều cảnh quan để khai thác phát triển du lịch.

1.1.3. Khí hậu

- Tân Uyên nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gần xích đạo, có 02 mùa mưa và khô, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Bình quân 2.262 giờ nắng/năm (6,2 giờ/ngày); năng lượng bức xạ dồi dào, bình quân 75 - 80 Kcal/cm²/năm.

- Nhiệt độ trung bình năm (từ năm 2019-2023) ở trạm Sở Sao phổ biến ở mức từ 27,7⁰C đến 28,2⁰C, năm có nhiệt độ trung bình cao nhất là năm 2020 (28,2⁰C), năm có nhiệt độ thấp nhất là năm 2021 (27,7⁰C). Nhiệt độ bình quân các tháng trong năm 2023 khoảng 28,1⁰C.

- Lượng mưa trung bình hàng năm (từ năm 2019-2023) khoảng 2.003mm và chủ yếu phân bố vào mùa mưa, chiếm khoảng 85-95% tổng lượng mưa trong năm; mưa nhiều và mưa tập trung từ tháng 6 đến tháng 10, đã gây nên tình trạng ngập úng.

- Rất ít thiên tai về khí hậu, biến động thời tiết đáng kể nhất ở Tân Uyên cũng như vùng Nam bộ là tình trạng hạn cục bộ trong mùa mưa (mùa mưa đến muộn hoặc kết thúc sớm hoặc có các đợt hạn trong mùa mưa); nhưng những biến động này chủ yếu ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp. Việc xây hồ giữ nước cho mùa khô là giải pháp quan trọng để phát huy các ảnh hưởng tích cực và khắc phục những hạn chế về điều kiện khí hậu trên địa bàn thành phố cũng như với toàn vùng Đông Nam bộ.

1.1.4. Thủy văn

Hệ thống sông suối trên địa bàn thành phố Tân Uyên chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều. Trên địa bàn thành phố Tân Uyên có sông Đồng Nai chảy qua, đồng thời có hệ thống các suối, đặc biệt suối Cái là suối lớn nhất trải dài từ Tây Bắc xuống Đông Nam của thành phố, cung cấp nước và là hệ thống thoát nước tự nhiên ra sông Đồng Nai.

1.1.5. Các nguồn tài nguyên

1.1.5.1. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra thoái hóa đất kỳ đầu năm 2015 tỉnh Bình Dương do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương thực hiện, trên địa bàn thành phố Tân Uyên có 03 nhóm đất chính như sau:

Bảng 1: Phân loại và quy mô diện tích các loại đất (theo diện tích điều tra)

Số TT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)
1	Nhóm đất đỏ vàng	Fp	1.578
2	Nhóm đất phèn	Sp	1.191
3	Nhóm đất xám	Xg	196
4	<i>Sông, suối, ao, hồ</i>		<i>719</i>
5	<i>Diện tích không điều tra</i>		<i>15.492</i>
	Tổng diện tích tự nhiên		19.176

Nguồn: Kết quả điều tra thoái hóa đất kỳ đầu năm 2015 tỉnh Bình Dương – Sở TN&MT năm 2016.

(1). Nhóm đất đỏ vàng: Có diện tích là 1.578ha. Nhóm đất đỏ vàng được hình thành trên các loại đá trầm tích hay mac ma hoặc trên các mẫu chất cở, phân bố trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, có quá trình phá hủy khoáng sét, rửa trôi các Cation kiềm, kiềm thổ và có sự tích tụ tương đối sắt – nhôm trong tầng đất nền (tầng B), làm cho đất có các tông màu vàng đỏ chủ đạo. Nhìn chung, nhóm đất đỏ vàng có địa chất ổn định, nền đất chắc thích hợp cho xây dựng công trình phi nông nghiệp và trồng các loại cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, đặc biệt thích hợp trồng cao su.

(2). Nhóm đất phèn: Có diện tích là 1.191ha. Phân bố chủ yếu ở các vùng ngập nước trên địa bàn thành phố.

(3). Nhóm đất xám: Có diện tích khoảng 196ha. Nhóm đất xám được hình thành chủ yếu trên các đá mẹ, mẫu chất đã có tuổi, thượng cổ hoặc bằng Pleistocene thượng (QIII), có thành phần cơ giới nhẹ, phân bố trong điều kiện khí hậu nhiệt đới và đủ hoặc dư ẩm bề mặt trong một khoảng thời gian nhất định cho phép các quá trình phá hủy khoáng sét và rửa trôi – tích tụ sét xảy ra, đã giữ lại một cách tương đối các cấp hạt cát, thịt trong các lớp bề mặt làm cho đất có các màu xám – xám sáng chủ đạo. Nhóm đất xám ở Tân Uyên chủ yếu là đất xám gley, phân bố ven suối Cái và các suối nhỏ trong thành phố. Về tiềm năng sử dụng: Đất xám gley phân bố ở địa hình thấp, dễ bị ngập trong mùa mưa nên chỉ có thể phát triển cây trồng ngắn ngày.

1.1.5.2. Tài nguyên nước

a). Nguồn nước mặt

Thành phố Tân Uyên có nguồn nước mặt dồi dào được cung cấp bởi sông Đồng Nai và các suối trên địa bàn, đặc biệt là suối Cái chảy dọc từ Tây Bắc xuống Đông Nam của thành phố chảy ra sông Đồng Nai. Sông Đồng Nai có diện tích lưu vực khoảng 21.100 km², đoạn chảy qua thành phố Tân Uyên có chiều dài khoảng 18km, có khả năng khai thác với lưu lượng 28.000m³/ngày.

Nguồn nước mặt của hệ thống sông Đồng Nai có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng KTTĐPN nói chung và của Bình Dương, Tân Uyên nói riêng. Là nguồn cung cấp nước cho nhà máy thủy điện Trị An và cung cấp nước sinh hoạt, nước cho sản xuất công nghiệp cho phần lớn các khu đô thị, công nghiệp trong vùng KTTĐPN.

b). Nước dưới đất

Theo tài liệu đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương cho thấy, thành phố Tân Uyên tồn tại 02 khu vực chính:

- Khu vực nước dưới đất có trữ lượng trung bình: Phân bố ở phía Nam thành phố. Các giếng đào có lưu lượng: 0,05 - 0,6 l/s, những nơi gặp mạch nước thì lưu lượng có thể đạt 1,3 – 5,0 l/s, bề dày tầng chứa nước từ 10 - 12m.

- Khu vực nghèo nước dưới đất: Phân bố ở phía Bắc thành phố. Lưu lượng các giếng đào từ 0,05 - 4,0 l/s; song do bề dày tầng chứa nước mỏng lại xuất hiện khá sâu nên khó khai thác.

Ngoài ra, ở các khu vực đất thấp, trũng giong, thường xuất hiện những mạch lộ, nước ngầm từ dưới lòng đất trào lên. Có thể tận dụng nguồn nước này để tưới cho cây trồng.

Nhìn chung, trữ lượng nước ngầm tuy không lớn, nhưng có chất lượng tốt, độ sâu trung bình 30 - 50m. Nước ngầm là nguồn tài nguyên quý giá, cần phải thận trọng trong quá trình sử dụng và được quản lý khai thác một cách có hiệu quả cao. Trong đó, cần ưu tiên khai thác nước ngầm phục vụ sinh hoạt và công nghiệp ở nông thôn, những nơi có nguồn nước ngầm giàu có thể khai thác phục vụ tưới cây ăn quả đặc sản, rau, hoa cây kiểng và cho chăn nuôi. Trong quá trình khai thác và sử dụng nước ngầm cần hết sức tiết kiệm và tránh bị ô nhiễm. Các khu vực có nhiều khu công nghiệp và đô thị tập trung nên sử dụng nước mặt qua hệ thống cấp nước tập trung.

1.1.5.3. Tài nguyên khoáng sản

Theo tài liệu quy hoạch thăm dò khai thác sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Dương, trên địa bàn thành phố Tân Uyên có các loại khoáng sản như sau:

- *Sét gạch ngói*: Có trữ lượng lớn, khoảng 14,7 triệu m³. Phân bố chủ yếu ở Tân Hiệp, Khánh Bình, Thạnh Phước, Vĩnh Tân.

- *Cát xây dựng*: Phân bố ở sông Đồng Nai đoạn từ Cù Lao Rùa đến hết ranh phường Uyên Hưng.

- *Sét chịu lửa làm gốm*: Phân bố chủ yếu ở Tân Phước Khánh và Tân Vĩnh Hiệp, là loại nguyên liệu có giá trị kinh tế cao, làm gốm sứ và sử dụng trong luyện kim.

1.1.5.4. Tài nguyên nhân văn

Nằm ở vị trí trung tâm rừng bạt ngàn của miền Đông Nam bộ, Tân Uyên giữ vai trò là căn cứ cách mạng trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc. Từng là nơi ẩn náu, cuu mang nhiều chiến sỹ cách mạng tiền bối, một vùng đất của Tân Uyên đã trở thành cái nôi chiến khu nổi tiếng của miền Đông Nam bộ trong chiến tranh – Chiến khu D.

Ngay từ những ngày đầu của cuộc chiến tranh 30 năm, đồng bào Tân Uyên đã hòa nhập vào cuộc đấu tranh của dân tộc chống áp bức, chống xâm lăng giải phóng đất nước. Đất rừng nghèo gạo, nghèo muối, thiếu người, nhưng đã cuu mang cách mạng từ những ngày trứng nước, vì ở đây đã có “địa lợi”, lại có con người giàu lòng yêu nước. Khi chiến tranh kết thúc, đất nước đã hoàn toàn giải phóng, cuộc đấu tranh của nhân dân Tân Uyên chưa phải đã chấm dứt. Cuộc đấu tranh mới để xây dựng lại quê hương sau chiến tranh, chiến thắng nghèo khó, tiến lên cuộc sống ấm no, hạnh phúc hơn xưa nhiều lần.

Cộng đồng dân cư Tân Uyên khá phức tạp về thành phần cấu trúc, có đồng bào dân tộc thiểu số, có nhân dân di cư từ bắc vào từ 03 thế kỷ trước, lại có không ít đồng bào thiên chúa giáo mới di cư từ sau hiệp định Giơ-ne-vơ, có công nhân trồng cao su, trí thức, học sinh...tất cả hợp thành 01 lực lượng thống nhất, hùng hậu để vươn lên giành độc lập và xây dựng quê hương đất nước. Tạo nên một nguồn tài nguyên nhân văn đa dạng, phong phú và có lịch sử hào hùng.

1.1.6. Phân tích hiện trạng môi trường

Thời gian qua, thành phố Tân Uyên phát triển mạnh về công nghiệp, đô thị gắn với chuyên đổi cơ cấu sử dụng đất nên có sự tác động lớn đến môi trường, cảnh quan. Tuy nhiên, có sự quan tâm chỉ đạo của các cấp các ngành, công tác bảo vệ môi trường của thành phố Tân Uyên đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhận thức về bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành và nhân dân đã được nâng lên đáng kể, tạo sự chuyển biến sâu rộng của cả một hệ thống chính trị và trong mọi tầng lớp nhân dân về nhận thức tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường.

Tổ chức thực hiện tốt 02 nhiệm vụ quan trọng để bảo vệ môi trường: (1) Điều tra, khảo sát hiện trạng và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú và dịch vụ ăn uống trên địa bàn thành phố. (2) Xây dựng chương trình tổng thể kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm các kênh, rạch, sông, suối trên địa bàn thành phố.

Vấn đề bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp tập trung trong các năm qua được thực hiện tương đối tốt. Hầu hết các khu cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động trước đây đều đã đầu tư, xây dựng hạ tầng thoát nước mưa, nước thải tập trung, hệ thống thu gom, xử lý chất thải đồng bộ với quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Công tác quản lý chất thải rắn đã từng bước chuyển biến tích cực, chức năng và nhiệm vụ quản lý chất thải, thoát nước đã được phân định rõ ràng.

1.2. Kinh tế - xã hội

1.2.1. Về phát triển kinh tế ¹

1.2.1.1. Công nghiệp

Năm 2023, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng 16,52% so với năm 2022; cơ cấu kinh tế: Công nghiệp – Dịch vụ - Nông nghiệp: 62,30% - 36,61% - 1,09% (Nghị quyết HĐND là 62,31% - 36,60% - 1,09%). Trong năm 2023, giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng thực hiện 37.332 tỷ đồng, tăng 13,14% so với năm 2022, đạt 100,13% chỉ tiêu Nghị quyết HĐND. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước đạt 11.326 tỷ đồng, tăng 13,82% so với năm trước, khu vực đầu tư nước ngoài đạt 26.006 tỷ đồng, tăng 12,85% so với năm trước.

Tình hình cung ứng điện ổn định, đảm bảo điện cho sản xuất và tiêu dùng. Lắp đặt mới 1.735 điện kế, nâng tổng số điện kế đang vận hành trên địa bàn là 59.478 điện kế (tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%); sản lượng điện thương phẩm đạt 2.262,3 triệu kWh, giảm 5,64% so với năm 2022 do tình hình kinh tế khó khăn, các doanh nghiệp không có đơn hàng nên cắt giảm sản xuất; tiết kiệm điện thực hiện là 47,5 triệu kWh. Tăng cường công tác quản lý về việc quy hoạch các Lộ ra 220kV, 110kV trên địa bàn Thành phố. Tăng cường chỉ đạo công tác thực hiện tiết kiệm điện và đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định trong mùa khô trên địa bàn Thành phố.

*** Đầu tư trong nước:** có 213 doanh nghiệp được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giảm 76 doanh nghiệp so với cùng kỳ), với tổng vốn đăng ký 1.211,65 tỷ đồng (tăng 222,65 tỷ đồng so với cùng kỳ). Từ đầu năm đến nay, UBND thành phố đã trình UBND tỉnh xem xét bố trí địa điểm đầu tư đối với 09 doanh nghiệp (giảm 12 doanh nghiệp so với cùng kỳ). Thành lập và triển khai hoạt động Tổ hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; định kỳ 01 tháng 02 lần (bắt đầu từ ngày 15/7/2023); đến nay Tổ đã tiếp nhận ý kiến và giải quyết kiến nghị cho 02 doanh nghiệp; đồng thời, phối hợp với các Sở, ngành tỉnh xem xét tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho 12 doanh nghiệp. Tổ chức Hội nghị gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp nhân ngày Doanh nhân Việt Nam năm 2023, qua đó đã kịp thời lắng

¹ Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 02/01/2024 của UBND thành phố Tân Uyên về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024.

nghe và giải quyết khó khăn của các doanh nghiệp; đồng thời, tuyên dương, khen thưởng cho 51 doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn.

* **Đầu tư nước ngoài:** có 06 doanh nghiệp được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (giảm 04 doanh nghiệp so với cùng kỳ), với tổng số vốn đầu tư là 4,957 triệu USD (giảm 57,074 triệu USD so cùng kỳ).

1.2.1.2. Thương mại – dịch vụ

Giá trị thương mại và dịch vụ thực hiện 21.936 tỷ đồng, tăng 23,27% so với năm 2022, đạt 100,22% chỉ tiêu Nghị quyết HĐND. Thị trường hàng hóa đảm bảo, đáp ứng nhu cầu mua sắm, bình ổn thị trường; không để xảy ra hiện tượng đầu cơ găm hàng gây bất ổn thị trường; tình hình cung ứng nguyên nhiên liệu cơ bản đảm bảo ổn định phục vụ hoạt động kinh tế.

Trong năm 2023, UBND thành phố đã cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 2.109 trường hợp (giảm 398 trường hợp so với cùng kỳ năm trước) với tổng số vốn 662,06 tỷ đồng (giảm 328,44 tỷ đồng so với cùng kỳ).

Tập trung chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát thị trường, đảm bảo dự trữ, cung ứng hàng hóa phục vụ các dịp Lễ, tết. Phối hợp triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại các chợ truyền thống trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra tình hình hoạt động, kinh doanh các trạm xăng dầu trên địa bàn.

1.2.1.3. Nông - lâm nghiệp

Trong năm 2023, giá trị sản xuất nông – lâm nghiệp và thủy sản thực hiện 656 tỷ đồng, tăng 3,14% so với năm 2022, đạt 101,08% chỉ tiêu Nghị quyết HĐND. Công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được quan tâm chỉ đạo. Hiện nay trên địa bàn thành phố không còn hộ chăn nuôi heo; UBND thành phố tiếp tục chỉ đạo các xã-phường quản lý tốt, không để phát sinh mới hoặc tái đàn chăn nuôi heo; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y ở các lò mổ, các chợ để kịp thời ngăn chặn dịch bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phục vụ tốt nhu cầu của người tiêu dùng; trong năm 2023 không xảy ra dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên gia súc, gia cầm và thủy sản.

Hiện nay, tổng diện tích đất rừng trên địa bàn thành phố là 69,95 ha. Công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng được thực hiện tốt. Thường xuyên kiểm tra các công trình thủy nông, điều tiết nước hợp lý, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nước tưới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước kịp thời. Chỉ đạo các xã-phường phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân kỷ niệm 133 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (trồng mới 1.100 cây xanh); tỷ lệ cây xanh bao phủ trên địa bàn là 17,85%; mật độ cây xanh đô thị đạt 8,35 m²/người, đạt 100,6% chỉ tiêu Nghị quyết.

Tập trung triển khai thực hiện tốt kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023; quan tâm chỉ đạo thu quỹ PCTT năm 2023 trên địa

bàn, đến nay đã thu quỹ PCTT được 8,75 tỷ đồng, đạt 218,75% so với kế hoạch (kế hoạch là 4 tỷ đồng).

- Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” trên địa bàn thành phố năm 2023; chỉ đạo các xã – phường tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các Chủ thể đăng ký tham gia, hiện đang hoàn tất hồ sơ để tổ chức họp đánh giá, phân hạng sản phẩm trong tháng 12/2023.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các dự án khoa học công nghệ, nông nghiệp kỹ thuật cao trên địa bàn thành phố; tiếp tục chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025 gắn với xây dựng thí điểm Làng thông minh trên địa bàn xã Bạch Đằng; thường xuyên quan tâm, theo dõi và làm việc với UBND xã Bạch Đằng và UBND xã Thạnh Hội về việc thực hiện các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu.

1.2.3. Thực trạng phát triển giao thông

1.2.3.1. Giao thông đường bộ

Hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố được nâng cấp, mở rộng thường xuyên tạo bộ mặt mới đô thị. Các tuyến giao thông huyết mạch được đầu tư xây dựng, nâng cấp: ĐT 742, ĐT 746, ĐT 746B, ĐT 747A, ĐT 747B... cùng với giao thông nội thị, giao thông trong các dự án dân cư, giao thông nông thôn... Tổng chiều dài của các tỉnh lộ, đường huyện và giao thông nông thôn lên đến 540km, đảm bảo nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân.

- **Đường tỉnh 742:** Dài 23,8km, điểm đầu giao QL13 tại ngã 3 Sao Quỳ, Tp.Thủ Dầu Một, theo hướng Bắc qua khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, tuyến chạy dọc theo KCN đô thị Tân Uyên (VSIP 2A), điểm cuối giao ĐT 747 tại xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên. Hiện trạng mặt lán nhựa, lộ giới 11-26m. Đoạn qua thành phố Tân Uyên dài 10,8km, là trục đường chính của các phường Phú Chánh, Vĩnh Tân.

- **Đường tỉnh ĐT 746:** Dài 72km, điểm đầu tại ngã ba Bình Quới, điểm cuối giao ĐT 747 tại phường Hội Nghĩa. Hiện trạng mặt lán nhựa rộng 22m, nền 16m. Đoạn đi qua thành phố Tân Uyên dài 20,0km, hiện trạng mặt lán nhựa, lộ giới 11-42m. Đây là tuyến đường quan trọng kết nối Tân Uyên với Tp. Thủ Dầu Một ở phía Nam và huyện Bắc Tân Uyên ở phía Bắc.

- **Đường tỉnh ĐT746B:** Dài 3,3km, điểm đầu giao với ĐT 746 tại Dốc Cây Quéo, điểm cuối giao với đường ĐH 411 thuộc phường Uyên Hưng. Hiện trạng mặt lán nhựa, lộ giới 42m.

- **Đường tỉnh ĐT 747A:** Dài 31,3km, điểm đầu tại cầu Ông Tiếp, giáp ranh tỉnh Đồng Nai, tuyến chạy dọc theo sông Đồng Nai đến Uyên Hưng, theo hướng Bắc qua phường Hội Nghĩa, điểm cuối tại ngã ba Cỏ Xanh, huyện Bắc

Tân Uyên. Hiện trạng mặt nhựa, lộ giới 10-22m. Đoạn qua thành phố Tân Uyên dài 21,92km, đoạn qua phường Hội Nghĩa đã được nâng cấp lên 4 làn xe.

- **Đường tỉnh ĐT 747B:** Dài 16,8km, điểm đầu giao ĐT 474A tại ngã ba Tân Ba, theo hướng Bắc đi qua phường Thái Hòa, cắt ĐT 746 tại phường Khánh Bình, điểm cuối giao ĐT 747 tại phường Hội Nghĩa. Hiện trạng mặt láng nhựa, lộ giới 15-42m, đoạn qua phường Thái Hòa từ nút giao miếu Ông Cù đến đường ĐT 747A đang được nâng cấp mở rộng.

- **Đường cấp huyện – thị:** Hệ thống đường cấp huyện – thị trên địa bàn Tân Uyên tương đối dày đặc, kết nối liên thông với đường tỉnh và hệ thống giao thông nông thôn, đáp ứng nhu cầu đi lại và giao thương hàng hóa của nhân dân với 23 tuyến, tổng chiều dài 65,72km.

- **Đường đô thị và đường nông thôn:** Có tổng chiều dài khoảng 402,0km, trong đó tỷ lệ nhựa hóa đạt trên 40%, còn lại là đường bê tông, đường cấp phối và đường đất.

Bảng 2: Hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

Số thứ tự	Hạng mục	Chiều dài (km)	Rộng nền (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (ha)
	Tổng cộng	539,51			991,74
I	Đường tỉnh	71,79			301,53
1	ĐT 742	10,80	22,0	42,0	45,34
2	ĐT 746	20,00	22,0	42,0	83,98
3	ĐT 747A	21,92	22,0	42,0	92,07
4	ĐT 747B	15,78	22,0	42,0	66,27
5	ĐT 746B	3,30	22,0	42,0	13,86
II	Đường huyện, đường nông thôn, nội thị	467,72			658,64
II.1	Đường cấp huyện - thị	65,72			213,55
1	ĐH 401 (Trần Công An)	3,03	7,0	32,0	9,69
2	ĐH 402 (Võ Thị Sáu)	4,40	7,0	32,0	14,09
3	ĐH 403 (Lý Tự Trọng)	1,79	7,0	32,0	5,74
4	ĐH 404	1,90	7,0	32,0	6,08
5	ĐH 405 (Trần Đại Nghĩa)	1,28	5,0	32,0	4,10
6	ĐH 406 (Lê Quang Định)	4,53	7,0	32,0	14,49
7	ĐH 407 (Nguyễn Tri Phương)	4,80	7,0	32,0	15,35
8	ĐH 408	1,07	7,0	32,0	3,43
9	ĐH 409 (Vĩnh Lợi)	9,84	7,0	32,0	31,48
10	ĐH 410	3,30	7,0	32,0	10,56
11	ĐH 411 (Huỳnh Văn Nghệ)	3,84	7,0	32,0	12,29
12	ĐH 412 (Tổ Hữu)	1,81	12,0	50,0	9,07
13	ĐH 417 (Tô Vĩnh Diện)	3,14	7,0	32,0	10,04
14	ĐH 418 (Trịnh Hoài Đức)	5,38	7,0	32,0	17,23
15	ĐH 419	0,61	7,0	32,0	1,94
16	ĐH 420 (Nguyễn Hữu Cảnh)	3,11	12,0	32,0	9,96
17	ĐH 421 (Lê Quý Đôn)	1,25	7,0	32,0	4,00
18	ĐH 422 (Huỳnh Văn Nghệ)	1,49	12,0	32,0	4,77
19	ĐH 423 (Nguyễn Khuyến)	4,76	7,0	32,0	15,23

Số thứ tự	Hạng mục	Chiều dài (km)	Rộng nền (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (ha)
20	ĐH 423 nối dài	1,98	7,0	32,0	6,35
21	ĐH 424	0,30	7,0	32,0	0,94
22	ĐH 425 (Phan Đình Phùng)	1,86	7,0	32,0	5,96
23	ĐH 426	0,24	7,0	32,0	0,75
II.2	Đường đô thị, đường nông thôn	402,00			207,21
II.3	Đường trong khu dân cư				237,87

Nguồn: Phòng Quản lý Đô thị Tp. Tân Uyên

1.2.3.2. Giao thông đường thủy

Tuyến sông Đồng Nai qua ranh thành phố Tân Uyên dài khoảng 18km là tuyến vận tải thủy quốc gia, đạt chuẩn sông cấp III.

Cảng Thạnh Phước: Là cảng loại 3 nằm trên sông Đồng Nai tại phường Thạnh Phước, diện tích quy hoạch 53ha, hiện đang đưa vào hoạt động giai đoạn I là 25,17ha. Cảng có khả năng tiếp nhận tàu, sà lan đến 2.000 tấn.

1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội

1.3.1. Thuận lợi

Thành phố Tân Uyên có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi, thuộc khu đô thị trung tâm của tỉnh Bình Dương, địa hình tương đối bằng phẳng, tạo thuận lợi cho việc xây dựng các công trình, dự án, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và công nghiệp.

Thành phố đặc biệt quan tâm đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng ngành công nghiệp đóng vai trò chủ đạo, cùng với sự đồng thuận cao của nhân dân và doanh nghiệp góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cơ sở hạ tầng được đầu tư nâng cấp, mang tính đồng bộ và tuân thủ theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu được duyệt, từng bước nâng chất lượng tăng trưởng kinh tế và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội cho những năm tiếp theo.

1.3.2. Hạn chế

Quy hoạch phân khu chưa phủ kín, chưa phát huy hiệu quả sử dụng đất, cần rà soát chỉnh trang đô thị, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các khu phát triển tự phát phù hợp với quy hoạch được duyệt. Riêng các khu vực dân cư tự phát không phù hợp quy hoạch, cần có giải pháp di dời đồng bộ để đảm bảo cuộc sống người dân, cảnh quan đô thị và bảo vệ môi trường.

Sự gia tăng dân số cơ học mang tính đột biến, gây áp lực lên hệ thống cơ sở hạ tầng, điển hình như giáo dục: chưa đảm bảo cơ sở vật chất để tổ chức học bán trú cho các cấp học, giáo dục mầm non chưa đủ điều kiện để nhận trẻ đủ 3 tuổi theo nhu cầu...

Lực lượng lao động dồi dào nhưng chất lượng lao động chưa cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp. Để đáp ứng yêu cầu về phát triển đô thị, công nghiệp, công tác đào tạo lực lượng lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chuyển dịch cơ cấu lao động ở Tân Uyên còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục giải quyết.

1.3.3. Áp lực đối với đất đai

Từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cho thấy áp lực đối với đất đai ngày càng gia tăng: Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhu cầu đất đai cho nâng cấp mở rộng các tuyến giao thông đường bộ, phát triển các khu dân cư, thành lập khu thương mại – dịch vụ và cơ sở hạ tầng văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao...

Áp lực đối với đất đai của thành phố trong giai đoạn tới rất lớn và phần nhiều sẽ lấy từ đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả. Cần phải sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả và gắn liền với việc bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHSDD NĂM 2024

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Danh mục dự án công trình thuộc diện thu hồi đất trong năm 2024 trên địa bàn thành phố Tân Uyên đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương thông qua tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2023, được điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23/8/2024. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Tân Uyên cũng đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 15/02/2024, được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 17/9/2024.

Kết quả thực hiện danh mục công trình và các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2024 thành phố Tân Uyên cụ thể như sau:

2.1.1. Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án

Tổng số công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 139 công trình với tổng diện tích là 933,61ha. Trong đó:

- Tổng số công trình cần thu hồi đất trong năm 2024 là 43 công trình với tổng diện tích 653,31ha. Trong đó: có 04 công trình đã thực hiện với diện tích 13,59ha; 35 công trình đề nghị chuyển tiếp với diện tích 636,02ha, 04 công trình đề nghị loại bỏ với diện tích 3,7ha.

- Tổng số công trình cần chuyển mục đích sử dụng đất để nhận chuyển nhượng, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng đất, đấu giá, giao thuê đất trong năm 2024 là 96 công trình với tổng diện tích 280,3ha. Trong đó: 04 công trình

đã thực hiện xong với diện tích 6,54ha; 63 công trình đề nghị chuyển tiếp với diện tích 181,81ha; 29 công trình đề nghị loại bỏ với diện tích 91,95ha.

Bảng 3: Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2024 thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng số công trình, dự án trong năm 2024		Công trình đã thực hiện trong năm 2024		Công trình đề xuất chuyển tiếp sang năm 2025		Công trình đề xuất loại bỏ khỏi năm 2025	
		Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Tổng	139	933,61	8	20,13	98	817,83	33	95,65
1	Đất an ninh	4	6,46			4	6,46		
2	Đất cụm công nghiệp	1	23,70			1	23,70		
3	Đất thương mại, dịch vụ	21	4,38			20	4,27	1	0,12
4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	15	45,40	1	2,82	5	22,05	9	20,53
5	Đất phát triển hạ tầng, trong đó:	27	430,61	3	12,85	21	414,73	3	3,03
-	Đất giao thông	12	265,41	2	12,60	7	249,78	3	3,03
-	Đất thủy lợi	2	159,24			2	159,24		
-	Đất công trình năng lượng	9	3,81			9	3,81		
-	Đất cơ sở văn hóa	1	1,65			1	1,65		
-	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	2	0,25			2	0,25		
-	Đất cơ sở tôn giáo	1	0,25	1	0,25				
6	Đất ở tại nông thôn	1	1,29					1	1,29
7	Đất ở tại đô thị	55	225,92	2	3,47	34	151,77	19	70,68
8	Đất trụ sở cơ quan	2	3,52			2	3,52		
9	Đất trụ sở tổ chức sự nghiệp	1	0,15			1	0,15		
10	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	3	1,79	2	0,99	1	0,80		
11	Công trình thu hồi đất để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	3	168,49			3	168,49		
12	Công trình thực hiện đấu giá QSDĐ	4	11,39			4	11,39		
13	Công trình thực hiện giao, thuê đất	2	10,49			2	10,49		

Nguồn: - Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 và Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 15/02/2024;
- Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2024, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 và Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 17/9/2024.

(1). Công trình đã thực hiện: 08 công trình với tổng diện tích 20,13ha, bao gồm 04 công trình thu hồi đất với diện tích 13,59ha, 04 công trình chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 6,54ha. Danh mục cụ thể như sau:

Bảng 4: Danh mục công trình, dự án thực hiện xong trong năm 2024 thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Tiến độ thực hiện
	Tổng cộng		20,13		
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất				
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 746 đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa (đoạn qua phường Hội Nghĩa)	Hội Nghĩa	8,75	2020	Đã thu hồi 62.311m ² /441 hộ. Còn lại 32.222,6m ² /04 hộ và tổ chức chưa thu hồi. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý III/2024
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 402, phường Tân Phước Khánh	Tân Phước Khánh, Thái	3,85	2020	- Đã thu hồi 35.310,5m ² /491 hộ. Còn lại 5.110,28m ² /28 hộ

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Tiến độ thực hiện
		Hòa			và tổ chức chưa thu hồi. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý IV/2024
3	Xây dựng Hoa viên khu phố An Thành, phường Thái Hòa	Thái Hòa	0,26	2021	Đã ban hành Kế hoạch thu hồi đất 1.553,4m ² /01 tổ chức. UBND thành phố đang trình UBND tỉnh ban hành Thông báo thu hồi đất 01 tổ chức. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý IV/2024.
4	Xây dựng Công viên khu phố Dư Khánh, phường Thạnh Phước	Thạnh Phước	0,73	2021	Đã thu hồi 6.889,8m ² /01 tổ chức. Còn lại 381,5m ² /01 tổ chức thuộc thửa đất 694 tờ bản đồ số 12. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý IV/2024
II	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất				
1	Khu nhà ở Lan Anh (Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh BĐS Lan Anh)	Hội Nghĩa	2,66	2022	QĐ số 1352/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v cho phép CMĐSDĐ để thực hiện dự án
2	Khu nhà ở Minh An (Cty CPĐT BĐS Minh An)	Tân Phước Khánh	0,81	2023	QĐ số 1751/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v cho phép CMĐSDĐ (đợt 2) để thực hiện dự án
3	Mở rộng khu sản xuất (Công ty TNHH Uy Kiệt)	Tân Hiệp	2,82	2023	QĐ số 1893/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND tỉnh Bình Dương cho phép CMĐSDĐ
4	Giáo xứ Bến Sắn	Tân Hiệp	0,25	2024	Văn bản số 4234/UBND-KT ngày 05/8/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v cho phép Giáo xứ Bến Sắn được chuyển mục đích sang đất cơ sở tôn giáo

(2). Công trình đề nghị chuyển tiếp: 98 công trình với tổng diện tích 817,83ha. Cụ thể: công trình thu hồi đất: 35 công trình với diện tích 636,02ha; dự án chuyển mục đích sử dụng đất: 57 dự án với diện tích 159,93ha; dự án thực hiện đấu giá, giao thuê đất: 06 dự án với diện tích 21,88ha.

Bảng 5: Danh mục công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp sang năm 2025 thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Tiến độ thực hiện
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh				
1	Xây dựng nhà quản lý trật tự xã hội - Tập kết xe vi phạm của Công an thành phố Tân Uyên	Hội Nghĩa	5,70	2022	Đã nhận mốc GPMB, Phòng TN&MT đang tham mưu cho UBND thành phố trình UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong Quý I/2025
2	Xây dựng Trụ sở Công an phường Thái Hòa	Thái Hòa	0,28	2024	Mới được bổ sung tại Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh Bình Dương
3	Xây dựng Trụ sở Công an phường Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	0,11	2024	
4	Xây dựng Trụ sở Công an xã Thạnh Hội	Thạnh Hội	0,38	2024	
II	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất				
1	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành -	Tân Phước Khánh, Tân Vĩnh Hiệp,	126,60	2024	- Chưa nhận mốc GPMB. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong năm 2025; - Điều chỉnh diện tích thu hồi đất theo Văn bản số 834/QLDA-ĐHDA ngày 30/9/2024

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Tiến độ thực hiện
	đoạn qua tỉnh Bình Dương	Tân Hiệp, Phú Chánh, Vĩnh Tân			của Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh
III	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất				
I.1	Đất cụm công nghiệp				
1	Cụm công nghiệp Uyên Hưng	Uyên Hưng	23,70	2022	Đã thực hiện thu hồi đất và lập thủ tục thuê đất khoảng 10ha
I.2	Đất giao thông				
1	Đường dẫn vào trường THCS Tân Hiệp	Tân Hiệp	0,25	2019	Đã phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình; Thu hồi đất công do UBND phường Tân Hiệp quản lý
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sỹ Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Tân Phước Khánh	3,00	2020	Đã thu hồi 31.317,7 m ² /287 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức; còn lại 4.491,4 m ² /21 hộ gia đình cá nhân, tổ chức chưa phê duyệt phương án. Dự kiến trong Quý II/2025 sẽ hoàn thành
3	Giải phóng mặt bằng thi công hạ lưu cống ngang Km 7+67 trên đường ĐT 747B (điểm đầu giáp ĐT 747B đến giáp mương Đầu Cùn)	Khánh Bình	0,25	2021	Tổng công ty Becamex IDC chưa cung cấp hồ sơ lập dự án nên chưa phê duyệt dự án
4	Nâng cấp BTNN và XD hệ thống thoát nước tuyến đường Lê Quý Đôn (ĐH 421), phường Uyên Hưng	Uyên Hưng	0,53	2022	Ngày 17/3/2023, đã nhận mốc GPMB. TT PTOĐ đang phối hợp UBND phường Uyên Hưng thu thập thông tin và triển khai công tác đo đạc, xác định diện tích thu hồi. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong năm 2025
5	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn	Uyên Hưng, Hội Nghĩa, Vĩnh Tân	91,32	2023	Ban QLDA Công trình giao thông tỉnh Bình Dương đề nghị chuyển tiếp sang KHSDD năm 2025, đồng thời đề nghị điều chỉnh diện tích thu hồi đất theo Văn bản số 834/QLDA-DHDA ngày 30/9/2024
6	Cảng Thạnh Phước	Thạnh Phước	27,83	2024	Văn bản số 26/TTP ngày 25/6/2024 của Công ty CP Cảng Thạnh Phước gửi UBND tỉnh Bình Dương, Sở TN&MT, UBND Tp. Tân Uyên v/v hướng dẫn thủ tục để thực hiện các bước tiếp theo
II.3	Đất thủy lợi				
1	Cải thiện môi trường nước tỉnh Bình Dương (khu vực thành phố Tân Uyên)	Các phường	12,25	2023	Đã thu hồi 39.407,7m ² /12 hộ. Còn lại 82.581,7 m ² /43 hộ chưa thu hồi. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025
2	Dự án nạo vét, gia cố Suối Cái đoạn từ cầu Thợ Ụt đến sông Đồng Nai	Các phường	146,99	2023	Đã thu hồi 822.142,4m ² /600 hộ. Còn lại 597.571,7m ² /319 hộ và tổ chức chưa thu hồi. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý II/2025
II.4	Đất năng lượng				
1	Trạm 110kV Thạnh Phước và ĐD 110kV trạm 110kV Thạnh Phước - trạm 220kV Tân Uyên	Thạnh Phước	0,54	2019	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất 4.887,5m ² /8 hộ. Đã hoàn thành công tác đo đạc kiểm đếm. Đơn vị tư vấn đang rà soát, điều chỉnh Chứng thư thẩm định giá đất theo Nghị định số 12/2024/NĐ-CP. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025
2	Lộ ra 110kV Trạm 220kV Tân Uyên	Thái Hòa, Thạnh Phước	0,42	2020	Đã thu hồi 3.514,2m ² /83 hộ. Còn lại 792,3m ² /05 hộ chưa thu hồi (do thay đổi hướng tuyến từ trụ 16 đến trụ 21). Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025
3	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	Uyên Hưng	0,10	2020	Phòng TN&MT tham mưu ban hành Thông báo thu hồi đất 835,4m ² /02 Tổ chức. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý II/2025
4	Trạm biến áp 110kV VSIP 2-MR2 và đường dây đầu nối	Vĩnh Tân	0,50	2020	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất 3.646m ² /03 hộ và 01 tổ chức. Đã hoàn thành công tác đo đạc, kiểm đếm đất và tài sản trên đất. Hội đồng thẩm định giá đang thẩm định Phương án giá đất để thực hiện bồi thường cho các hộ dân. Dự kiến hoàn thành công tác

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Tiến độ thực hiện
					thu hồi đất trong quý II/2025
5	Cải tạo, mở rộng, nâng quy mô công suất (T3) trạm 110kV Khánh Bình	Khánh Bình	0,07	2021	Chưa triển khai thực hiện, do Chủ đầu tư chưa cung cấp các văn bản pháp lý của dự án như: Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư, ... theo quy định. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong Quý II/2025
6	Đường dây đấu nối 220kV Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng - Sông Mỹ	Uyên Hưng	0,58	2022	Văn bản số 5397/SPMB-PDB+PKH+PTD của BQLDA các công trình điện Miền Nam đăng ký chuyển tiếp sang KHSDD năm 2025
7	Trạm 110kV Khánh Bình 2 và ĐD 110kV Khánh Bình 2 - trạm 220kV Tân Uyên	Khánh Bình, Thạnh Phước	0,60	2024	- Về bố trí vốn: Đã được Tổng công ty Điện lực Miền Nam bố trí vốn và giao kế hoạch cho BQLDA điện lực miền Nam theo Quyết định số 2781/QĐ-EVN SPC ngày 31/12/2022. - Về tiến độ thỏa thuận với UBND tỉnh: đã được UBND tỉnh Bình Dương thỏa thuận tại Văn bản số 3124/UBND-KT ngày 03/6/2023. - Về tiến độ phê duyệt BCNCKT: Tổng công ty Điện lực Miền Nam đang xem xét đề phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi
8	Trạm 100kV VSIP2 MR3 và đường dây 110kV VSIP2 MR3 - trạm 220kV Tân Định	Vĩnh Tân	0,50	2024	- Về bố trí vốn: Đã được Tổng công ty Điện lực Miền Nam bố trí vốn và giao kế hoạch cho BQLDA điện lực miền Nam theo Quyết định số 2781/QĐ-EVN SPC ngày 31/12/2022. - Về tiến độ thỏa thuận với UBND tỉnh: đã được UBND tỉnh Bình Dương thỏa thuận tại Văn bản số 5804/UBND-KT ngày 09/11/2023.
9	Lộ 110kV trạm 220kV Tân Định 2	Vĩnh Tân	0,50	2024	- Về tiến độ phê duyệt BCNCKT: Tổng công ty điện lực Miền Nam đang xem xét đề phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi
II.5	Đất cơ sở văn hóa				
1	Trung tâm văn hóa thể thao phường Thạnh Phước	Thạnh Phước	1,65	2023	Đã phê duyệt nhiệm vụ khảo sát thiết kế; Đang lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng dự án
II.6	Đất giáo dục – đào tạo				
1	Xây dựng các hạng mục còn lại Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	Thái Hòa	0,06	2019	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất 606,5m ² /01 hộ. Ngày 11/6/2024, Ban QLDA Đầu tư Khu vực thành phố có Tờ trình số 197/TTr-BQLDA trình UBND thành phố bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong Quý I/2025
2	Trường tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B	Tân Vĩnh Hiệp	0,19	2024	Đang trình Sở Xây dựng thẩm định dự án đầu tư
II.7	Đất trụ sở cơ quan				
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dự kiến xây dựng trụ sở ngành trên địa bàn thị xã Tân Uyên	Uyên Hưng	2,44	2021	Đã phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Hiện đang vướng mặt bằng của hộ dân có sử dụng một phần diện tích đất làm phần
2	Trụ sở làm việc của UBND phường Phú Chánh	Phú Chánh	1,08	2022	Đã phê duyệt nhiệm vụ khảo sát thiết kế
II.8	Đất khu vui chơi giải trí công cộng				
1	Xây dựng hoa viên Văn phòng các khu phố (Dư Khánh, Cây Chàm), phường Thạnh Phước	Thạnh Phước	0,80	2022	Đang thực hiện đo đạc phục vụ việc giao đất, cấp GCN. Dự kiến hoàn thành trong năm 2025
II.9	Đất ở tái định cư, nhà ở xã hội				
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Dư Khánh, phường Thạnh Phước	Thạnh Phước	1,38	2021	Quyết định số 5920/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND Tp. Tân Uyên v/v phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu TĐC Dư Khánh
2	Dự án nhà ở xã hội Tân Uyên	Hội Nghĩa	5,00	2024	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện nên đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
3	Dự án nhà ở xã hội	Khánh Bình	11,93	2024	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện nên đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
II.10	Công trình thu hồi đất để thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà				

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Tiến độ thực hiện
	đầu tư				
1	Dự án: Tổ hợp giáo dục - đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) - Giai đoạn 1	Thái Hòa	8,40	2024	Điều chỉnh tên, quy mô dự án theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương
2	Dự án: Khu đô thị (giáo dục - công nghệ)	Thái Hòa	93,33	2024	
3	Dự án: Khu đô thị Thái Hòa B	Thái Hòa	66,76	2024	
III	Khu vực chuyển mục đích sử dụng đất				
III.1	Dự án đất ở				
1	Khu nhà ở Toàn Thắng - Vĩnh Tân (Cty CP KD BĐS Toàn Thắng)	Vĩnh Tân	2,21	2019	Dự án đang triển khai thực hiện
2	Khu nhà ở Sài Gòn An Phú (Cty TNHH KD BĐS Sài Gòn)	Tân Phước Khánh	1,01	2020	Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; đã được phê duyệt QHCT 1/500, hiện CĐT đang nộp hồ sơ thẩm định hạ tầng kỹ thuật, sau đó sẽ ký quỹ, lồng ghép quy hoạch và lập thủ tục giao, thuê đất, CMĐ theo quy định
3	Khu nhà ở TM Hoàng Nam Uyên Hưng 2 (Công ty TNHH ĐT PT Dự án Hoàng Nam)	Uyên Hưng	6,58	2022	Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; hiện CĐT đang lập QHCT 1/500
4	Khu nhà ở Tuấn Tiến Phát (Công ty TNHH TM BĐS Tuấn Tiến Phát)	Hội Nghĩa	2,60	2022	CĐT đã được nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp, đang lập thủ tục sang tên CĐT, sau đó sẽ lập thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
5	Chung cư Phú Chánh Riverside (Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hoàng Khôi)	Phú Chánh	4,68	2022	Văn bản số 4126/UBND-KT ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang lập thủ tục sang tên từ cá nhân sang tên CĐT, sau đó sẽ lập hồ sơ xin chủ trương đầu tư.
6	Khu nhà ở Hoàng Khôi Riverside (Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Hoàng Khôi)	Tân Hiệp	8,29	2022	Đã có Văn bản số 3169/UBND-KT ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang lập thủ tục sang tên từ cá nhân sang tên CĐT, sau đó sẽ lập hồ sơ xin chủ trương đầu tư
7	Khu nhà ở An Phước (Công ty TNHH Đầu tư BĐS An Phước)	Uyên Hưng	8,20	2022	Văn bản số 2455/UBND-KT ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp, sau đó CĐT có xin chủ trương nhưng do chưa phù hợp QH chung nên đứng lại. Nay đang lập thủ tục sang tên CĐT, sau đó sẽ xin chủ trương đầu tư lại.
8	Khu nhà ở Tổ ấm DD (DD Homes) (Công ty TNHH DD Happy)	Vĩnh Tân	1,35	2022	Đã có Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (QĐ số 2879/QĐ-UBND ngày 07/11/2023; Đã được duyệt QHCT 1/500 theo QĐ 5525/QĐ-UBND ngày 12/8/2024. Hiện đang lập hồ sơ TKCS Dự án. Và thực hiện thoả thuận ký quỹ và lồng ghép quy hoạch. Thực hiện xong sẽ nộp hồ sơ xin giao đất
9	Chung cư Ánh Hòa Vita (Công ty TNHH Đầu tư BĐS Ánh Hòa Vita)	Vĩnh Tân	1,25	2022	Văn bản số 6791/UBND-KT ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang sang tên CĐT, sau đó sẽ xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
10	Chung cư Hoàng Khôi Vĩnh Tân (Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh BĐS Hoàng Khôi Tân Uyên)	Vĩnh Tân	1,16	2022	Đã nộp hồ sơ xin chủ trương đầu tư (Các sở, ngành đã có ý kiến trong tháng 4/2024, còn Sở Tài chính chưa có ý kiến do đang chứng minh số dư tài chính). Hiện CĐT đang làm việc cùng Sở Tài chính. Xong sẽ tiếp tục lập

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Tiến độ thực hiện
					QHCT 1/500
11	Khu nhà ở Vĩnh Tân Tiến (Công ty TNHH ĐT &PT Vĩnh Tân Tiến)	Vĩnh Tân	10,08	2022	- Văn bản số 2467/UBND-KT ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp - Đã nộp chủ trương đầu tư ngày 26/7/2024, hiện đã có đầy đủ góp ý của Sở ngành, đang chờ kết quả Sở KHĐT trình UBND tỉnh ra quyết định.
12	Chung cư Hoàng Gia Phúc (Công ty TNHH Địa ốc Hoàng Gia Phúc)	Thái Hòa	2,54	2022	Dự án đang triển khai thực hiện
13	Khu nhà ở sinh thái Hồ Thiên Quang (Công ty TNHH Lâm Thành Dược)	Thái Hòa	4,37	2022	CĐT chưa được nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp, hiện CĐT đang cân đối tài chính để thực hiện.
14	Khu nhà ở Tiamo Uyên Hưng (Công ty TNHH XD S.CONOS)	Uyên Hưng	3,15	2022	Văn bản số 3916/UBND-KT ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang sang tên cá nhân sang CĐT, sau đó sẽ thực hiện xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
15	Khu chung cư Khang Gia Phát (Công ty TNHH Đầu tư BĐS Khang Gia Phát)	Thái Hòa	1,01	2022	Dự án đang triển khai thực hiện
16	Khu chung cư QP (Công ty CP BĐS Tân Hưng City)	Uyên Hưng	1,48	2022	Văn bản số 3307/UBND-KT ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. CĐT đã lập xong sang tên từ cá nhân sang CĐT, hiện đã nộp hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
17	Dự án nhà ở (Công ty CP ĐT BĐS Hương Dương)	Tân Hiệp	2,23	2022	Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Hiện Chủ đầu tư đang lập quy hoạch 1/500
18	Khu đô thị Hoàng Nam (Công ty TNHH Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Hoàng Nam)	Uyên Hưng	3,12	2022	Văn bản số 1690/UBND-KT ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Đã sang tên CĐT và đang nộp hồ sơ xin chủ trương đầu tư chấp thuận nhà đầu tư (ngày 09/9/2024 UBND thành phố Tân Uyên cũng đã có Văn bản số 4453/UBND-KTTH góp ý kiến)
19	Khu dân cư Vanilux (Công ty CP Vanilux)	Hội Nghĩa	3,49	2022	Dự án đang triển khai thực hiện
20	Chung cư Ngôi sao Sơn Đọt (Cty CP Ngôi Sao Sơn Đọt)	Phú Chánh	1,16	2023	Đã có chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (QĐ số 1853/QĐ-UBND ngày 21/6/2024), hiện đang nộp hồ sơ lập QHCT 1/500. Sau đó sẽ lập thủ tục ký quỹ, lồng ghép quy hoạch và lập thủ tục giao, thuê đất
21	Dự án Chung cư Nhà ở xã hội Thanh Bình (Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng Thanh Bình)	Phú Chánh	1,00	2023	- Văn bản số 1545/UBND-KT ngày 03/4/2024 của UBND tỉnh v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. CĐT đã sang tên từ cá nhân sang CĐT và đang lập hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; - Văn bản số 10/CV-TB ngày 23/9/2024 của Công ty CP SXXD Thanh Bình v/v báo cáo tiến độ thực hiện Dự án và xin cập nhật vào KHSĐ năm 2025
22	Khu nhà ở Thạch Bàn (Công ty CP gạch ngói Thạch Bàn số 3)	Tân Hiệp	4,82	2023	Đã có chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (QĐ số 2404/QĐ-UBND ngày 23/8/2024), hiện đang nộp hồ sơ lập QHCT 1/500. Sau đó sẽ lập thủ tục ký quỹ, lồng ghép quy hoạch và lập thủ tục giao, thuê đất
23	Chung cư Tân Khánh Plaza (Công ty Cổ phần ĐT&PT BĐS Tân Khánh)	Tân Phước Khánh	0,71	2023	Văn bản số 2432/UBND-KT ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Tiến độ thực hiện
					nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang lập thủ tục sang tên CĐT, sau đó sẽ lập thủ tục xin chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư
24	Khu nhà ở Trúng Vàng (Công ty CP Ba Huân)	Vĩnh Tân	18,04	2024	- Đang triển khai thực hiện dự án theo quy định; - CĐT xin điều chỉnh loại bỏ thửa 292, chỉ còn thửa 546
25	Khu nhà ở Golden (Công ty TNHH Golden Fortune Việt Nam)	Thái Hòa	24,11	2024	Văn bản số 462/CV ngày 11/9/2024 của Công ty TNHH Golden Fortune Việt Nam v/v báo cáo tiến độ và đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
26	Khu nhà ở Uyên Hưng Vina Home (Công ty CP Sung bu Vina)	Uyên Hưng	4,21	2024	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
27	Khu tổ hợp căn hộ cao cấp Đại Vũ Đăng (Công ty TNHH Dương Anh Bình Dương)	Uyên Hưng	0,83	2024	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
28	Khu nhà ở Thái Bình Dương Tân Hiệp 15 (Công ty TNHH Đầu tư BĐS Thái Bình)	Tân Hiệp	1,11	2024	Văn bản số 1139/UBND-KT ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang lập thủ tục sang tên CĐT, sau đó sẽ lập thủ tục xin chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư
29	Khu nhà ở GTM (Công ty TNHH GTM)	Tân P. Khánh	2,35	2024	Văn bản số 02/2024/CV-GTM ngày 07/9/2024 của Công ty TNHH GTM v/v cập nhật DA vào KHSDD 2025
30	Khu dân cư Khánh Bình (Công ty TNHH Đầu tư Quang Mỹ)	Khánh Bình	2,81	2024	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
31	Khu dân cư Lâm Hải (Công ty TNHH BĐS Lâm Hải)	Tân Vĩnh Hiệp	3,57	2024	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
III.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp				
1	Nhà máy sản xuất thép (Công ty TNHH thép và xây dựng Đại Quang Long)	Vĩnh Tân	0,94	2022	Dự án đang triển khai thực hiện
2	Thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp của công ty TNHH Tiên Hưng 1 JL	Vĩnh Tân	11,80	2024	Dự án đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định
3	Nhà xưởng gia công giường, tủ, bàn, ghế (Công ty TNHH Vinh Quang)	Tân Hiệp	5,75	2024	Dự án đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định
4	Dự án nhà xưởng (Công ty TNHH Gỗ Việt Tín)	Tân Vĩnh Hiệp	0,70	2024	Mới được bổ sung tại Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh Bình Dương
5	Dự án nhà xưởng (Công ty TNHH MTV SX-TM Thái Linh)	Vĩnh Tân	2,86	2024	
III.3	Đất thương mại dịch vụ				
1	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu 568 (Công ty TNHH TM DV Đăng Kiểm Uyên Hưng)	Uyên Hưng	0,12	2022	Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
2	Công ty TNHH MTV Trạm xăng dầu Minh Quang	Tân Vĩnh Hiệp	0,37	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
3	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Ngọc Phương Uyên	Tân Vĩnh Hiệp	0,09	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
4	DNTN xăng dầu Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	0,05	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
5	DNTN xăng dầu Thủy Tiên	Vĩnh Tân	0,08	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
6	DNTN xăng dầu Tân Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	0,09	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
7	Cửa hàng xăng dầu Hồ Bửu - CH số 11	Khánh Bình	0,32	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
8	Cửa hàng xăng dầu Thành Tấn Lộc	Khánh Bình	0,41	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
9	CN Cty CP Kho vận Petec	Khánh Bình	0,16	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
10	DNTN Bình Lợi (cho Công ty TNHH	Tân Hiệp	0,15	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Tiến độ thực hiện
	MTV TM&DV Xuân Ngân Thịnh thuê đất)				
11	Công ty TNHH vận tải Xăng dầu Huỳnh Gia	Tân Hiệp	0,08	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
12	Cty TNHH Kim Dung	Tân Hiệp	0,03	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
13	Chi nhánh DNTN Tân Hội	Tân Hiệp	0,11	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
14	Cửa hàng xăng dầu Tổng Bản	Thanh Phước	0,08	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
15	DNTN xăng dầu Phước Tèo	Thái Hòa	0,98	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
16	Trạm xăng dầu Quốc Phong (trước là Chi nhánh Cty TNHH TM Petro Đông Nam Á - Cửa hàng xăng dầu số 2)	Thái Hòa	0,85	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
17	Hợp tác xã SXTMDV Trọng Hữu	Uyên Hưng	0,11	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
18	Công ty TNHH Xăng dầu Hoàng Sơn	Phú Chánh	0,10	2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
19	Cửa hàng xăng dầu (DNTN xăng dầu Đại Cát)	Tân Phước Khánh	0,06	2023	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
20	Ngân hàng TMCP Á Châu	Hội Nghĩa	0,11	2023	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan
III.4	Đất trụ sở tổ chức sự nghiệp				
1	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới (Công ty TNHH TMDV Đăng kiểm Uyên Hưng)	Uyên Hưng	0,28	2022	Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
IV	Công trình thực hiện đấu giá QSDĐ				
1	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa, phường Khánh Bình	Khánh Bình	1,35	2023	Dự án đang triển khai thực hiện các bước theo quy định về đấu giá QSDĐ
2	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Bayer VN	Uyên Hưng	3,90	2024	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
3	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Khánh Hiệp tại phường Tân Hiệp	Tân Hiệp	4,58	2024	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
4	Khu đất thu hồi của Công ty Dệt Hanshin Vina	Khánh Bình	1,56	2024	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định theo quy định
V	Công trình thực hiện giao, thuê đất				
1	Khu dân cư áp 4 Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	3,35	2024	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
2	Khu dân cư áp 5 Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	7,13	2024	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định

(3). Công trình đề nghị loại bỏ: 33 công trình với tổng diện tích 95,65ha, bao gồm 04 công trình thu hồi đất với tổng diện tích 3,7ha và 29 công trình chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 91,95ha. Cụ thể như sau:

Bảng 6: Danh mục công trình, dự án đề nghị loại bỏ khỏi KHSDD 2025 thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

STT	HẠNG MỤC	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Nguyên nhân loại bỏ
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất				
I.1	Đất giao thông				
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 401, phường	Thái Hòa	1,03	2020	Loại bỏ theo Nghị quyết số 15/NQ-

STT	HẠNG MỤC	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Nguyên nhân loại bỏ
	Thái Hòa				HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương
2	Nâng cấp bê tông nhựa nóng và xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường Uyên Hưng 24 (đoạn từ đất ông Bình đến giáp đường Uyên Hưng 27), phường Uyên Hưng	Uyên Hưng	0,45	2022	Loại bỏ theo ý kiến góp ý của BQLDA Đầu tư Khu vực Tân Uyên do dự án không thu hồi đất mà thuộc trường hợp Nhà nước và Nhân dân cùng làm
3	Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường từ đất ông Nguyễn Văn Tám (Điều Hòa) đến khu tái định cư (ấp Điều Hòa)	Bạch Đằng	0,50	2023	Loại bỏ theo ý kiến góp ý của UBND xã Bạch Đằng do dự án không thu hồi đất mà thuộc trường hợp Nhà nước và Nhân dân cùng làm
I.2	Dự án nhà ở xã hội				
1	Khu nhà ở xã hội Tân Thành	Tân Phước Khánh	0,67	2020	Dự án quá 02 năm triển khai thực hiện, thống nhất loại bỏ
II	Khu vực chuyển mục đích sử dụng đất				
II.1	Dự án đất ở				
1	Chung cư Tô ẩm Thịnh Vượng DD (DD Prime Homes) (Cty TNHH TM BĐS Minh Tiến Phát)	Uyên Hưng	1,29	2019	Quá 02 năm triển khai thực hiện, thống nhất loại bỏ
2	Khu nhà ở Tân Hiệp City (Cty TNHH ĐT BĐS Nam Đạt Phát)	Tân Hiệp	3,29	2020	Quá 02 năm triển khai thực hiện, thống nhất loại bỏ
3	Khu nhà ở Đất Vàng Vĩnh Tân (Cty TNHH Đất Vàng Vĩnh Tân)	Vĩnh Tân	2,64	2020	Quá 02 năm triển khai thực hiện, thống nhất loại bỏ
4	Khu nhà ở Bảo Lộc (Cty CP ĐT Bảo Lộc)	Uyên Hưng	12,11	2020	Quá 02 năm triển khai thực hiện, thống nhất loại bỏ
5	Khu nhà ở Thảo Tiên (Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Địa ốc Sài Gòn 5)	Tân Vĩnh Hiệp	2,43	2020	Quá 02 năm triển khai thực hiện, thống nhất loại bỏ
6	Khu nhà ở Hưng Thịnh Phát (Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh BĐS Hưng Thịnh Phát)	Hội Nghĩa	8,06	2022	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
7	Khu đô thị Ville Portuaire (Công ty CP tập đoàn đầu tư Đại Lợi)	Khánh Bình	10,63	2022	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
8	Khu nhà ở Thiên Minh (Công ty TNHH Thiên Minh Bình Dương)	Phú Chánh	3,29	2022	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
9	Khu nhà ở Lâm Gia An (Công ty TNHH Lâm Gia An)	Tân Hiệp	3,52	2022	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
10	Khu nhà ở thương mại Lan Anh Thụ (Công ty TNHH TM-DV Lan Anh Thụ)	Thanh Phước	1,10	2022	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
11	Dự án nhà ở (Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Đầu tư Bình Dương)	Uyên Hưng	0,95	2022	CĐT đề nghị loại bỏ khỏi KHSDD năm 2025
12	Chung cư Phú Cường (Công ty CP Địa ốc Phú Cường)	Khánh Bình	4,38	2023	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
13	Khu nhà ở Sao Nam (Công ty TNHH MTV Sao Nam)	Khánh Bình	4,90	2023	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
14	Dự án nhà ở (Công ty CP Đồ gỗ Tuấn Phương)	Tân Phước Khánh	3,52	2023	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
15	Chung cư Vạn Lộc Phúc (Công ty TNHH Nhà Ở Lộc Phúc)	Thái Hòa	0,95	2023	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
16	Khu nhà ở Thành Lợi 2 (Công ty TNHH BĐS Vina Sake Newhome)	Tân Hiệp	3,54	2023	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
17	Khu nhà ở Thanh Tuyền (Công ty TNHH XD BĐS Thanh Tuyền)	Vĩnh Tân	1,91	2023	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
18	Khu nhà ở Khánh Bình (Công ty TNHH XD	Khánh Bình	1,50	2024	Văn bản số 07/CV-CTY ngày

STT	HẠNG MỤC	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm đăng ký	Nguyên nhân loại bỏ
	S.cons)				28/6/2024 của Công ty TNHH XD S.Cons đăng ký loại bỏ DA khỏi KHSDD năm 2025
19	Khu nhà ở Thái Bình Dương Thanh Hội (Công ty TNHH Đầu tư BĐS Thái Bình)	Thanh Hội	1,29	2024	Văn bản số 1009/2024/CV-TB ngày 09/9/2024 của Công ty TNHH Đầu tư BĐS Thái Bình đăng ký loại bỏ DA khỏi KHSDD 2025
II.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)				
1	Nhà kho chứa sản phẩm từ gỗ (Công ty Sản xuất Thương mại Thanh Long)	Khánh Bình	1,06	2020	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
2	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vạn Chính	Khánh Bình	0,16	2020	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
3	Nhà máy chế biến gỗ (Công ty TNHH Sản xuất Sơn Vina Phát)	Vĩnh Tân	0,70	2021	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
4	Nhà xưởng sản xuất gỗ nội thất (Công ty TNHH DV và Sản xuất Thạch Nguyên)	Vĩnh Tân	1,66	2022	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
5	Khu nhà xưởng Thành Lợi - Tân Hiệp 2 (Công ty TNHH Đất vàng Tân Uyên)	Tân Hiệp	8,07	2022	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
6	Gia công bàn ghế sofa (Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Minh Minh Khang)	Tân Vĩnh Hiệp	1,01	2022	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
7	Dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Công ty TNHH bao bì Tân Trường Phát)	Khánh Bình	1,36	2022	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
8	Dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Công ty TNHH TVĐT Lê Minh)	Tân Hiệp	2,42	2022	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
9	Dự án sản xuất lốp xe làm từ cao su của công ty TNHH Cao su Nguyễn Đình (Công ty TNHH Cao su Nguyễn Đình)	Vĩnh Tân	4,10	2023	Quá 02 năm triển khai thực hiện, CĐT không đăng ký chuyển tiếp, không báo cáo tiến độ thực hiện
II.3	Đất thương mại dịch vụ (TMD)				
1	DNTN xăng dầu Hạnh Nguyên	Tân Phước Khánh	0,12	2022	Vướng một phần diện tích của dự án thuộc quy hoạch mở rộng đường giao thông, CĐT không còn thực hiện dự án

2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân

Theo quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 15/02/2024 của UBND tỉnh Bình Dương, tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 trên địa bàn thành phố Tân Uyên là 133,6ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 như sau:

- Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở: Kế hoạch được duyệt là 52,6ha, kết quả ước thực hiện là 34,7ha, đạt 66,0% kế hoạch.
- Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất SKC: Kế hoạch được duyệt là 50,0ha, kết quả ước thực hiện là 18,2ha, đạt 36,4% kế hoạch.
- Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất TMDV: Kế hoạch được duyệt là 26,0ha, kết quả ước thực hiện là 17,0ha, đạt 65,4% kế hoạch.
- Chuyển mục đích từ đất SKC sang đất ở: Kế hoạch được duyệt là 5,0ha, kết quả ước thực hiện là 2,5ha, đạt 50,0% kế hoạch.

- Chuyển mục đích từ đất SKC sang đất TMD: Kế hoạch được duyệt là 1,5ha, kết quả ước thực hiện là 0,8ha, đạt 53,3% kế hoạch.

Ngoài ra, theo hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Tân Uyên được UBND tỉnh phê duyệt, trong năm 2024 cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 47ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 4,0ha, đạt 8,5% kế hoạch được duyệt.

**Bảng 7: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân năm 2024
thành phố Tân Uyên – Tỉnh Bình Dương**

STT	Hạng mục	Toàn thành phố	Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thạnh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thạnh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
I	Đất nông nghiệp chuyển đất ở													
1	Kế hoạch được duyệt	52,60	5,00	3,50	5,00	4,00	4,00	6,00	3,00	3,00	2,10	5,00	6,00	6,00
2	Kết quả thực hiện	34,70	4,00	2,50	3,50	1,00	3,20	5,00	2,00	1,50	0,50	4,50	3,00	4,00
-	Tỷ lệ	66,0	80,0	71,4	70,0	25,0	80,0	83,3	66,7	50,0	23,8	90,0	50,0	66,7
II	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC													
1	Kế hoạch được duyệt	50,00	7,00	3,00	4,00	3,00	7,00	10,00	2,00			2,00	2,00	10,00
2	Kết quả thực hiện	18,20	3,50	0,50		0,50	3,50	5,00					0,20	5,00
-	Tỷ lệ	36,4	50,0	16,7		16,7	50,0	50,0					10,0	50,0
III	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD													
1	Kế hoạch được duyệt	26,00	2,00	2,00	2,00	2,00	2,00	6,00	2,00			2,00	2,00	4,00
2	Kết quả thực hiện	17,00	0,50	1,00	0,50	0,50	2,00	10,00	0,50			1,00	0,50	0,50
-	Tỷ lệ	65,4	25,0	50,0	25,0	25,0	100,0	166,7	25,0			50,0	25,0	12,5
IV	Đất SKC chuyển đất ở													
1	Kế hoạch được duyệt	5,00	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50			0,50	0,50	0,50
2	Kết quả thực hiện	2,50	0,20	0,20	0,20	0,30	0,30	0,30	0,30			0,30	0,20	0,20
-	Tỷ lệ	50,0	40,0	40,0	40,0	60,0	60,0	60,0	60,0			60,0	40,0	40,0
IV	Đất SKC chuyển đất TMD													
1	Kế hoạch được duyệt	1,50		0,50		1,00								
2	Kết quả thực hiện	0,80		0,30		0,50								
-	Tỷ lệ	53,33		60,00		50,00								
V	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng CLN													
1	Kế hoạch được duyệt	47,00	4,00	3,00	5,00	5,00	5,00	7,00	3,00	10,00	5,00			
2	Kết quả thực hiện	4,00		1,00	0,50	0,50		0,50	0,50	0,50	0,50			
-	Tỷ lệ	8,5		33,3	10,0	10,0		7,1	16,7	5,0	10,0			

2.1.3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất

Số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2024 được xây dựng trên cơ sở số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2023 cùng với kết quả ước chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân và kết quả thực hiện các công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2024.

Số liệu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 dùng để đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch là số liệu được duyệt theo Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 15/02/2024. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 như sau:

2.1.3.1. Chỉ tiêu đất nông nghiệp

Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 9.500,65ha, giảm 1.217,9ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 10.287,4ha, giảm 430,55ha so với năm 2023, kết quả thực hiện còn cao hơn kế hoạch được duyệt 787,35ha do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt. Cụ thể từng loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 704,45ha, giảm 288,2ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 988,35ha, giảm 4,3ha so với năm 2023, kết quả thực hiện còn cao hơn kế hoạch được duyệt 283,9ha. Nguyên nhân do có nhiều dự án sử dụng đất lúa chưa được triển khai thực hiện như: Dự án đường cao tốc Tp.HCM – Thủ Dầu Một – Chơn Thành; Dự án nạo vét, gia cố suối Cái; Dự án Khu tổ hợp giáo dục-đào tạo phường Thái Hòa... đồng thời nhu cầu chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm cũng chưa đạt theo kế hoạch được duyệt do người dân chưa có nhu cầu chuyển mục đích theo kế hoạch được duyệt, cơ quan quản lý nhà nước cũng chưa có các chính sách hỗ trợ, kêu gọi người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 721,88ha, giảm 138,19ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 850,85ha, giảm 9,22ha so với năm 2023, kết quả ước thực hiện còn cao hơn kế hoạch được duyệt 128,97ha. Nguyên nhân do các công trình phi nông nghiệp được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác chưa được thực hiện như: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu TĐC Dư Khánh (phường Thạnh Phước), các dự án nhà ở... đồng thời kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân cũng thấp hơn so với nhu cầu đã đăng ký trong năm 2024.

- Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 7.879,45ha, giảm 743,52ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 8.205,94ha, giảm 417,03ha so với năm 2023, kết quả thực hiện còn cao hơn kế hoạch được duyệt 326,49ha. Nguyên nhân do có nhiều công trình lấy từ đất trồng cây lâu năm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 vẫn chưa được triển khai thực hiện như: Xây dựng nhà quản lý trật tự xã hội - Tập kết xe vi phạm

của Công an thành phố; các tuyến đường giao thông, các dự án nhà ở, dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp... đồng thời kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân cũng thấp hơn so với nhu cầu đã đăng ký trong năm 2024.

- Đất rừng sản xuất: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 48,59ha, giảm 20ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 68,59ha, kết quả thực hiện bằng hiện trạng năm 2023 và không đạt kế hoạch được duyệt, nguyên nhân do chưa chuyển sang đất giao thông (đường Vành đai 4) theo kế hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 114,24ha, giảm 31,72ha so với năm 2023 do xây dựng các dự án: Khu nhà ở sinh thái Hồ Thiên Quang, các Khu đô thị, giáo dục-đào tạo tại phường Thái Hòa và xác định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trong năm 2024; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 145,96ha, bằng hiện trạng năm 2023 và không đạt theo chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án Khu nhà ở sinh thái Hồ Thiên Quang, các Khu đô thị, giáo dục-đào tạo tại phường Thái Hòa chưa được triển khai thực hiện, đồng thời kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân cũng không đạt so với nhu cầu đã đăng ký.

- Đất nông nghiệp khác: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 32,03ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 28,31ha, kết quả thực hiện thấp hơn 3,72ha so với kế hoạch được duyệt do chuyển sang các loại đất khác.

Bảng 8: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2023 (ha)	Kế hoạch năm 2024 (ha) (*)	Thực hiện năm 2024 (ha) (**)	Kết quả thực hiện năm 2024			
					Diện tích thực hiện theo KH	Diện tích đã thực hiện	Cao, thấp (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(3)	(7)=(5)-(3)	(8)=(7)-(6)	(9)=(7)/(6)*100%
	Tổng diện tích tự nhiên	19.175,72	19.175,72	19.175,72				
1	Đất nông nghiệp	10.718,55	9.500,65	10.288,00	-1.217,90	-430,55	787,35	35,35
1.1	Đất trồng lúa	992,65	704,45	988,35	-288,20	-4,30	283,90	1,49
	<i>Tr dó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>106,76</i>	<i>94,90</i>	<i>106,76</i>	<i>-11,86</i>		<i>11,86</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	860,07	721,88	850,85	-138,19	-9,22	128,97	6,67
1.3	Đất trồng cây lâu năm	8.622,97	7.879,45	8.205,94	-743,52	-417,03	326,49	56,09
1.4	Đất rừng phòng hộ							
1.5	Đất rừng đặc dụng							
1.6	Đất rừng sản xuất	68,59	48,59	68,59	-20,00		20,00	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	145,96	114,24	145,96	-31,72		31,72	
1.8	Đất làm muối							
1.9	Đất nông nghiệp khác	28,31	32,03	28,31	3,72		-3,72	
2	Đất phi nông nghiệp	8.457,17	9.675,07	8.887,72	1.217,90	430,55	-787,35	35,35
2.1	Đất quốc phòng	5,89	5,89	5,89				
2.2	Đất an ninh	9,23	14,93	9,23	5,70		-5,70	
2.3	Đất khu công nghiệp	1.601,59	1.947,68	1.947,45	346,08	345,86	-0,22	99,94
2.4	Đất cụm công nghiệp	273,43	273,43	273,43				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	87,46	135,41	105,26	47,95	17,80	-30,15	37,12

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2023 (ha)	Kế hoạch năm 2024 (ha) (*)	Thực hiện năm 2024 (ha) (**)	Kết quả thực hiện năm 2024			
					Diện tích thực hiện theo KH	Diện tích đã thực hiện	Cao, thấp (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(3)	(7)=(5)-(3)	(8)=(7)-(6)	(9)=(7)/(6)*100%
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	2.311,37	2.277,14	2.325,99	-34,23	14,62	48,85	42,71
2.7	Đất sử dụng cho khoáng sản							
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	114,42	114,42	114,42				
2.9	Đất phát triển hạ tầng	1.598,01	2.041,66	1.609,62	443,65	11,61	-432,04	2,62
-	Đất giao thông	990,29	1.257,70	1.002,89	267,42	12,60	-254,82	4,71
-	Đất thủy lợi	43,63	210,11	43,63	166,48		-166,48	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	10,06	11,76	10,06	1,70		-1,70	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	100,65	100,65	100,65				
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	84,34	87,50	84,34	3,16		-3,16	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	190,21	188,81	190,21	-1,40		1,40	
-	Đất công trình năng lượng	15,54	20,13	15,54	4,58		-4,58	
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,63	0,63	0,63				
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia							
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	8,94	8,94	8,94				
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	4,32	3,99	4,32	-0,33		0,33	
-	Đất cơ sở tôn giáo	15,30	15,30	15,30				
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	121,64	118,81	120,65	-2,83	-0,99	1,84	34,98
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ							
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội							
-	Đất chợ	12,46	17,33	12,46	4,87		-4,87	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	8,95	8,95	8,95				
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	49,81	50,30	50,80	0,49	0,99	0,50	200,22
2.13	Đất ở tại nông thôn	100,30	105,28	102,30	4,99	2,00	-2,99	40,11
2.14	Đất ở tại đô thị	1.549,30	1.955,27	1.586,97	405,97	37,67	-368,30	9,28
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	15,75	19,39	15,75	3,64		-3,64	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1,94	2,22	1,94	0,28		-0,28	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao							
2.18	Đất tín ngưỡng	29,82	29,82	29,82				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	641,36	641,36	641,36				
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	58,53	51,90	58,53	-6,62		6,62	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác							
3	Đất chưa sử dụng							

Nguồn: (*) Trích theo Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 15/02/2024 của UBND tỉnh Bình Dương.

(**) Kết quả số liệu thống kê đất đai ngày 31/12/2023 và kết quả ước thực hiện năm 2024 của Tp.

2.1.3.2. Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 9.675,07ha, tăng 1.217,9ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 8.887,72ha, tăng 430,55ha so với năm 2023, kết quả thực hiện thấp hơn kế hoạch được duyệt 787,35ha do chưa chuyển từ đất nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt. Cụ thể từng loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất quốc phòng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 5,89ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 5,89ha, kết quả thực hiện đạt kế hoạch được duyệt.

- Đất an ninh: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 14,93ha, tăng 5,7ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 9,23ha, bằng hiện trạng năm 2023 và thấp hơn 5,7ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện công trình xây dựng Xây dựng nhà quản lý trật tự xã hội - Tập kết xe vi phạm của Công an thành phố tại phường Hội Nghĩa.

- Đất khu công nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 1.947,68ha, tăng 346,08ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 1.947,45ha, tăng 345,86ha so với năm 2023. Kết quả thực hiện đạt tương đối sát so với kế hoạch được duyệt (99,94%).

- Đất cụm công nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 273,46ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 273,43ha, kết quả thực hiện đạt kế hoạch được duyệt.

- Đất thương mại, dịch vụ: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 135,41ha, tăng 47,95ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 105,26ha, tăng 17,8ha so với năm 2023 và thấp hơn 30,15ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án đất thương mại dịch vụ đã được xác định trong năm 2024 vẫn chưa được thực hiện, đồng thời kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân cũng thấp hơn so với nhu cầu đã đăng ký nên kết quả thực hiện chưa đạt theo kế hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 2.277,14ha, giảm 34,23ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 2.325,99ha, tăng 14,62ha so với năm 2023 và cao hơn 48,85ha so với kế hoạch được duyệt, nguyên nhân do phân diện tích các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chuyển sang đất ở để xây dựng các dự án nhà ở vẫn chưa được thực hiện, đồng thời kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ và đất ở cũng chưa đạt theo kế hoạch được duyệt.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 114,42ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 114,42ha, kết quả thực hiện đạt kế hoạch được duyệt.

- Đất phát triển hạ tầng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 2.041,66ha, tăng 443,65ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện hiện năm 2024 là 1.609,62ha, tăng 11,61ha so với năm 2023 và thấp hơn 432,04ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do có nhiều công trình đất phát triển hạ tầng chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt. Cụ thể từng loại đất phát triển hạ tầng như sau:

+ Đất giao thông: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 1.257,7ha, tăng 267,42ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 1.002,89ha, tăng 12,6ha so với năm 2022 và thấp hơn 254,82ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do có nhiều công trình giao thông chưa được triển khai

thực hiện trong năm 2024 và phải chuyển tiếp sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện.

+ Đất thủy lợi: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 210,11ha, tăng 166,48ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 43,63ha, bằng hiện trạng năm 2023 và không đạt kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do có 02 công trình thủy lợi chưa được triển khai thực hiện trong năm 2024 và phải chuyển tiếp sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện.

+ Đất cơ sở văn hóa: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 11,76ha, tăng 1,7ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 10,06ha, bằng hiện trạng năm 2023 và không đạt kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện công trình Trung tâm VH TT phường Thạnh Phước, đồng thời kết quả chuyển mục đích sử dụng đất VH TT xã hội hóa cũng không đạt theo kế hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở y tế: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 100,65ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 100,65ha, kết quả thực hiện đạt kế hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở giáo dục đào tạo: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 87,5ha, tăng 3,16ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 84,34ha, bằng hiện trạng năm 2023 và không đạt kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do có 02 công trình giáo dục đã được phê duyệt trong năm 2024 nhưng chưa triển khai thực hiện, đồng thời diện tích thực hiện đất giáo dục kêu gọi xã hội hóa cũng không đạt theo kế hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 188,81ha, giảm 1,4ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 190,21ha, kết quả thực hiện không đạt theo kế hoạch được duyệt.

+ Đất công trình năng lượng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 20,13ha, tăng 4,58ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 15,54ha, bằng hiện trạng năm 2023 và thấp hơn 4,58ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do có 09 công trình năng lượng đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai thực hiện xong trong năm 2024.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 0,63ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 0,63ha, kết quả thực hiện đạt kế hoạch được duyệt.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 8,94ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 8,94ha, kết quả thực hiện đạt kế hoạch được duyệt.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 3,99ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 4,32ha, kết quả thực hiện tăng 0,33ha so với kế hoạch được duyệt do bổ sung diện tích các trạm trung chuyển rác theo số liệu thống kê đất đai năm 2023.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 15,3ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 15,3ha, kết quả thực hiện đạt kế hoạch.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 118,81ha, giảm 2,83ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 120,65ha, giảm 0,99ha so với năm 2023 và cao hơn 1,84ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do năm 2024 dự kiến giảm diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa do chuyển sang đất công cộng để xây dựng công trình Trụ sở làm việc của UBND phường Phú Chánh, tuy nhiên công trình này đến nay đều chưa được thực hiện nên kết quả thực hiện chưa đạt theo kế hoạch được duyệt.

+ Đất chợ: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 17,33ha, kết quả thực hiện năm 2024 là 12,46ha, kết quả thực hiện thấp hơn 4,87ha so với kế hoạch được duyệt do cập nhật số liệu thống kê đất đai năm 2023.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 8,95ha, kết quả thực hiện năm 2024 là 8,95ha, kết quả thực hiện đạt kế hoạch được duyệt.

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 50,3ha, tăng 0,49ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 50,8ha, tăng 0,99ha so với hiện trạng năm 2023 và cao hơn 0,5ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do đã xây dựng các công viên tại các phường Thái Hòa, Thạnh Phước theo kế hoạch được duyệt, đồng thời số liệu thống kê đất đai năm 2023 bổ sung diện tích các khu vui chơi giải trí công cộng tại các phường nên kết quả thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt.

- Đất ở tại nông thôn: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 105,28ha, tăng 4,99ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 102,3ha, tăng 2,0ha so với năm 2023 và thấp hơn 2,99ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do năm 2024 dự kiến tăng thêm quỹ đất để phục vụ cho nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất ở của hộ gia đình cá nhân tại 02 xã Bạch Đằng và Thạnh Hội, tuy nhiên kết quả chuyển mục đích chưa đạt theo kế hoạch được duyệt.

- Đất ở tại đô thị: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 1.955,27ha, tăng 405,97ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 1.586,97ha, tăng 37,67ha so với năm 2023 và thấp hơn 368,3ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do có nhiều dự án nhà ở chưa được thực hiện xong trong năm 2024 và phải chuyển tiếp sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện, đồng thời kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân cũng thấp hơn so với nhu cầu đã đăng ký.

- Đất trụ sở cơ quan: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 19,39ha, tăng 3,64ha so với năm 2023; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 15,75ha, bằng hiện trạng năm 2023 và không đạt kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do có 02 công trình đất trụ sở cơ quan đã được phê duyệt trong năm 2024 nhưng

chưa triển khai thực hiện nên kết quả thực hiện chưa đạt theo kế hoạch được duyệt.

- Đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 2,22ha; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 1,94ha, bằng hiện trạng năm 2023 và không đạt kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện công trình Trạm đăng kiểm tại phường Uyên Hưng.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 29,82ha; kết quả ước thực hiện năm 2024 là 29,82ha, kết quả thực hiện đạt theo kế hoạch được duyệt.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 641,36ha, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 641,36ha, kết quả thực hiện đạt kế hoạch được duyệt.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 51,9ha, giảm 6,62ha so với năm 2023 để xây dựng các dự án nhà ở theo nhu cầu đăng ký của các chủ đầu tư trong năm 2024, kết quả ước thực hiện năm 2024 là 58,53ha, bằng hiện trạng năm 2023 và không đạt kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án nhà ở vẫn chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

2.1.3.3. Kết quả thực hiện kế hoạch khai thác đất chưa sử dụng

Năm 2024, trên địa bàn thành phố Tân Uyên không còn đất chưa sử dụng, kết quả thực hiện đạt theo kế hoạch được duyệt.

2.2. Những tồn tại và nguyên nhân trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.2.1. Những tồn tại

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sử dụng đất không đạt hoặc đạt thấp so với kế hoạch được phê duyệt.

- Tiến độ triển khai thực hiện các dự án thu hồi đất chậm so với kế hoạch đề ra; các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách hầu như chưa được triển khai thực hiện trong năm kế hoạch.

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đạt thấp so với diện tích cho phép chuyển mục đích.

2.2.2. Nguyên nhân khách quan

- Một số công trình, dự án mới được bổ sung trong năm 2024 theo các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nên chưa đủ thời gian triển khai thực hiện dự án.

- Một số công trình phải giãn hoãn kế hoạch đầu tư công nên không có vốn triển khai thực hiện.

- Nhiều công trình thu hồi đất trên địa bàn thành phố là công trình trọng điểm, phải thu hồi đất của nhiều hộ dân, tổ chức, phải thực hiện nhiều năm mới hoàn thành.

- Nhà nước khó điều phối tiến độ thực hiện của các dự án ngoài ngân sách do phụ thuộc vào khả năng tài chính của chủ đầu tư tự thỏa thuận chuyển nhượng với chủ SDD để thực hiện dự án.

- Việc thực hiện nhận chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện các dự án phi nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ có nhiều vướng mắc, do phải đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm mới có cơ sở để xin chủ trương đầu tư thực hiện dự án, trong khi đó việc xin chủ trương đầu tư thực hiện dự án phải trải qua nhiều bước, do nhiều Sở, ngành thẩm định nên tiến độ thực hiện kéo dài so với kế hoạch.

- Luật Đất đai thay đổi, kèm theo đó là các Nghị định, Thông tư hướng dẫn cũng thay đổi theo gây khó khăn cho công tác giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch được duyệt.

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đạt thấp so với kế hoạch được duyệt do tình hình kinh tế khó khăn, thị trường bất động sản còn ảm đạm, đã ảnh hưởng đến khả năng tài chính và nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân...

2.2.3. Nguyên nhân chủ quan

Một số chủ đầu tư thực hiện dự án, hộ gia đình cá nhân chưa đăng ký nhu cầu, do đó để đảm bảo thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì UBND các xã – phường đã phải đăng ký nhu cầu dự phòng. Tuy nhiên, việc đăng ký nhu cầu dự phòng còn cao do tâm lý sợ đăng ký thiếu không đủ chỉ tiêu cho người dân thực hiện thủ tục giao, thuê đất, chuyển mục đích.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

3.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.1.1. Công trình, dự án thực hiện trong năm 2025

Tổng số công trình, dự án trong năm kế hoạch 2025 là 114 công trình với diện tích 1.911,11ha. Trong đó:

- Công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 98 công trình với tổng diện tích 817,83ha. Cụ thể: công trình thu hồi đất: 35 công trình với diện tích 636,02ha; dự án chuyển mục đích sử dụng đất: 57 dự án với diện tích 159,93ha; dự án thực hiện đấu giá, giao thuê đất: 06 dự án với diện tích 21,88ha.

- Công trình, dự án đăng ký mới năm 2025 là 16 công trình với tổng diện tích là 1.093,28ha. Trong đó: công trình thu hồi đất là 08 công trình với

diện tích 1.063,7ha; dự án chuyên mục đích sử dụng đất là 03 dự án với diện tích 13,18ha; công trình để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, giao, thuê, cấp GCNQSDĐ là 05 công trình với diện tích 16,4ha;

Bảng 9: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng số công trình, dự án trong KHSDD năm 2025		Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2025		Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2024	
		Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Tổng	114	1.911,11	16	1.093,29	98	817,83
1	Đất an ninh	4	6,46			4	6,46
2	Đất khu công nghiệp	1	195,00	1	195,00		
2	Đất cụm công nghiệp	1	23,70			1	23,70
3	Đất thương mại, dịch vụ	21	4,32	1	0,05	20	4,27
4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	5	22,05			5	22,05
5	Đất phát triển hạ tầng	21	414,73			21	414,73
-	Đất giao thông	7	249,78			7	249,78
-	Đất thủy lợi	2	159,24			2	159,24
-	Đất công trình năng lượng	9	3,81			9	3,81
-	Đất cơ sở văn hóa	1	1,65			1	1,65
-	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	2	0,25			2	0,25
6	Đất ở tại nông thôn	1	1,18	1	1,18		
7	Đất ở tại đô thị	38	167,97	4	16,19	34	151,77
8	Đất trụ sở cơ quan	2	3,52			2	3,52
9	Đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,15			1	0,15
10	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	1	0,80			1	0,80
11	Công trình thu hồi đất để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	7	1.032,95	4	864,46	3	168,49
12	Công trình thực hiện đấu giá QSDĐ	6	22,90	2	11,51	4	11,39
13	Công trình thực hiện giao, thuê đất, cấp GCNQSDĐ	5	15,38	3	4,89	2	10,49

3.1.2. Nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân năm 2025

Tổng nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân năm 2025 là 198,33ha. Cụ như sau:

- Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở là 76,5ha.
- Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 55,73ha.
- Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất TMDV là 34,5ha.
- Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất ở là 10ha.
- Nhu cầu chuyển đổi cơ cấu nội bộ đất nông nghiệp từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 21,6ha.

Nhu cầu chuyển mục đích từ đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản (trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện là đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản nhưng thực tế không thuộc diện tích quy hoạch 03 loại rừng, từ trước đến nay người dân chỉ sản xuất nông nghiệp, không có trồng rừng và đã được thống kê, kiểm kê vào loại đất khác) phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc theo hiện trạng thống kê đất đai năm 2020 là 13,5ha, không tính vào chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất và không phải xin chủ trương của HĐND tỉnh.

Ngoài ra, đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa và được thống kê là loại đất khác nhưng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện mục đích là đất trồng lúa thì cho phép lập, chỉnh lý thủ tục đất đai theo hiện trạng thực tế, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt (chỉ trừ quy hoạch đất lúa) và không tính vào chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất.

3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn thành phố Tân Uyên như sau:

**Bảng 10: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025
thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương**

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2024		Kế hoạch 2025		Tăng, giảm (-)	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)	(9)=(7)-(5)
	Tổng diện tích tự nhiên		19.175,72	100,00	19.175,72	100,00		
1	Đất nông nghiệp	NNP	10.288,00	53,65	8.501,93	44,34	-1.786,07	-9,31
1.1	Đất trồng lúa	LUA	988,35	5,15	722,31	3,77	-266,03	-1,39
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>106,76</i>	<i>0,56</i>	<i>106,76</i>	<i>0,56</i>		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	850,85	4,44	704,52	3,67	-146,33	-0,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.205,94	42,79	6.951,92	36,25	-1.254,02	-6,54
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	68,59	0,36	48,59	0,25	-20,00	-0,10
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	145,96	0,76	46,28	0,24	-99,69	-0,52
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	28,31	0,15	28,31	0,15		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.887,72	46,35	10.673,79	55,66	1.786,07	9,31
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5,89	0,03	5,89	0,03		
2.2	Đất an ninh	CAN	9,23	0,05	15,70	0,08	6,46	0,03
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.947,45	10,16	2.142,45	11,17	195,00	1,02
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	273,43	1,43	273,43	1,43		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	105,26	0,55	142,38	0,74	37,12	0,19
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2.325,99	12,13	2.251,63	11,74	-74,36	-0,39
2.7	Đất SD cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	114,42	0,60	93,67	0,49	-20,75	-0,11
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia,	DHT	1.609,62	8,39	2.031,24	10,59	421,62	2,20

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2024		Kế hoạch 2025		Tăng, giảm (-)	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)	(9)=(7)-(5)
	cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã							
	<i>Trong đó:</i>							
-	Đất giao thông	DGT	1.002,89	5,23	1.252,67	6,53	249,78	1,30
-	Đất thủy lợi	DTL	43,63	0,23	202,87	1,06	159,24	0,83
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,06	0,05	11,71	0,06	1,65	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	100,65	0,52	100,65	0,52		
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	84,34	0,44	92,99	0,48	8,65	0,05
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	190,21	0,99	190,21	0,99		
-	Đất công trình năng lượng	DNL	15,54	0,08	19,36	0,10	3,81	0,02
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,63	0,00	0,63	0,00		
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG						
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,94	0,05	8,94	0,05		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,32	0,02	4,32	0,02		
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,30	0,08	15,30	0,08		
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	120,65	0,63	119,14	0,62	-1,51	-0,01
-	Đất XD cơ sở khoa học và công nghệ	DKH						
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH						
-	Đất chợ	DCH	12,46	0,06	12,46	0,06		
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	8,95	0,05	8,95	0,05		
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	50,80	0,26	51,49	0,27	0,69	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	102,30	0,53	111,48	0,58	9,18	0,05
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.586,97	8,28	2.801,32	14,61	1.214,35	6,33
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15,75	0,08	19,27	0,10	3,52	0,02
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,94	0,01	2,09	0,01	0,15	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	29,82	0,16	29,82	0,16		
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	641,36	3,34	641,36	3,34		
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	58,53	0,31	51,61	0,27	-6,92	-0,04
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3	Đất chưa sử dụng	CSD						

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 do tỉnh phân bổ

3.2.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp

Năm 2025, đất nông nghiệp toàn thành phố có diện tích là 8.501,93ha, giảm 1.786,07ha so với năm 2024 do chuyển sang đất phi nông nghiệp. Cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

(1). Đất trồng lúa: Năm 2025 có diện tích là 722,31ha, giảm 266,03ha so với hiện trạng năm 2024 do chuyển sang các loại đất khác, cụ thể: chuyển sang đất trồng cây lâu năm 21,6ha, chuyển sang đất phi nông nghiệp 244,43ha (chuyển sang đất an ninh 0,38ha, chuyển sang đất phát triển hạ tầng 141,14ha, chuyển sang đất ở tại đô thị 102,91ha).

(2). **Đất trồng cây hàng năm khác:** Năm 2025 có diện tích là 704,52ha, giảm 146,33ha so với năm 2024 do chuyển sang đất phi nông nghiệp, cụ thể: chuyển sang đất an ninh 0,28ha, chuyển sang đất thương mại dịch vụ 6,56ha, chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 8,7ha, chuyển sang đất phát triển hạ tầng 72,18ha, chuyển sang đất ở tại nông thôn 3,48ha, chuyển sang đất ở tại đô thị 55,14ha.

(3). **Đất trồng cây lâu năm:** Năm 2025 có diện tích là 6.951,92ha, giảm 1.254,02ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó: tăng 21,6ha do chuyển từ đất trồng lúa; giảm 1.275,62ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp (chuyển sang đất an ninh 5,7ha, chuyển sang đất khu công nghiệp 146,25ha, chuyển sang đất thương mại dịch vụ 28,21ha, chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 69,08ha, chuyển sang đất phát triển hạ tầng 164,72ha, chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,8ha, chuyển sang đất ở tại nông thôn 5,7ha, chuyển sang đất ở tại đô thị 851,96ha, chuyển sang đất trụ sở cơ quan 3,04ha, chuyển sang đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,15ha).

(5). **Đất rừng sản xuất:** Năm 2025 có diện tích là 48,59ha, giảm 20,0ha so với năm 2024 do chuyển sang đất giao thông để thực hiện công trình đường vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh (riêng phần diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện là đất rừng sản xuất nhưng thực tế không thuộc diện tích quy hoạch 03 loại rừng, từ trước đến nay người dân chỉ sản xuất nông nghiệp, không có trồng rừng và đã được thống kê, kiểm kê vào loại đất khác, nay chuyển mục đích phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc theo hiện trạng thống kê đất đai năm 2023 mà không tính vào chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất và không phải xin chủ trương HĐND tỉnh).

(6). **Đất nuôi trồng thủy sản:** Năm 2025 có diện tích là 46,28ha, giảm 99,69ha so với năm 2024 do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các khu đô thị, giáo dục-đào tạo trên địa bàn phường Thái Hòa (riêng phần diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn là đất nuôi trồng thủy sản nhưng thực tế từ lâu người dân không có hoặc không còn sử dụng mục đích này và đã được thống kê, kiểm kê vào loại đất khác, nay chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc theo hiện trạng thống kê đất đai năm 2023 thì không tính vào chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất).

3.2.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp

Năm 2025, đất phi nông nghiệp toàn thành phố có diện tích là 10.673,79ha, tăng 1.786,07ha so với năm 2024. Diện tích tăng thêm được chuyển từ đất nông nghiệp, cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

**Bảng 11: Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2025
thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương**

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)											
			Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thạnh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thạnh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(15)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	Đất phi nông nghiệp	10.673,79	1.605,14	566,10	751,46	416,03	1.453,44	1.196,98	389,27	476,50	213,27	1.167,58	319,55	2.118,46
2.1	Đất quốc phòng	5,89	5,61	0,28										
2.2	Đất an ninh	15,70	5,07	0,29	0,28		1,00	0,19			0,38	5,70		2,79
2.3	Đất khu công nghiệp	2.142,45	262,84				309,08	16,29				764,02		790,23
2.4	Đất cụm công nghiệp	273,43	121,07					26,28					126,09	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	142,38	15,39	9,04	10,95	5,30	24,80	23,70	4,68	0,41		8,42	5,28	34,40
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	2.251,63	436,61	232,89	152,22	91,39	574,54	412,54	133,37		0,38	141,17	5,57	70,96
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản													
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	93,67					47,91	45,27			0,49			
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.031,24	264,45	103,96	127,10	130,73	280,48	264,99	104,32	245,37	27,29	107,59	71,54	303,41
	<i>Trong đó:</i>													
-	Đất giao thông	1.252,67	209,33	69,20	60,91	81,85	153,89	175,16	71,73	38,74	17,63	94,86	39,39	239,97
-	Đất thủy lợi	202,87	17,74	13,88	24,51	27,02	26,36	56,42	10,49	7,63	0,14	0,20	3,88	14,60
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	11,71	2,34	3,15	2,00	1,86	0,03	0,10	0,14		0,11		1,71	0,27
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	100,65	4,77	0,09	0,54	0,07	81,33	2,39	0,05	0,55	0,09	0,50	8,20	2,07
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	92,99	13,12	4,39	22,23	1,71	5,85	4,71	3,93	1,94	2,25	5,82	11,34	15,70
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	190,21	2,85		0,79				0,30	1,16	183,51	0,90		0,69
-	Đất công trình năng lượng	19,36	4,88	0,12	0,21	11,94	0,37	0,22	0,07					1,55
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,63	0,20	0,04	0,02	0,05	0,02		0,07	0,05	0,01	0,06		0,10
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia													
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	8,94									3,37			5,57
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	4,32	0,15					3,94					0,02	0,21

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)											
			Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thạnh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thạnh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
(1)	(2)	(3)=(4)+...(15)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
-	Đất cơ sở tôn giáo	15,30	0,77	1,35	1,74	1,59	0,37	4,14	0,20	2,87	0,43	1,01		0,83
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	119,14	6,40	11,07	12,85	4,31	8,45	15,50	15,80	10,07	3,26	3,53	7,01	20,90
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ													
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội													
-	Đất chợ	12,46	1,90	0,67	1,31	0,32	3,81	2,11	0,68			0,72		0,94
2.10	Đất danh lam thắng cảnh													
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	8,95	0,95	0,24	0,32	0,53	1,91	1,64	0,23	0,69	0,37	1,67	0,14	0,27
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	51,49	4,77	0,84	0,26	1,53	3,69	1,48	0,09			1,61	0,57	36,65
2.13	Đất ở tại nông thôn	111,48								78,13	33,34			
2.14	Đất ở tại đô thị	2.801,32	387,56	197,92	404,96	60,88	203,61	336,60	132,31			131,58	100,22	845,67
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	19,27	10,18	0,94	0,44	0,50	0,48	0,98	0,81	0,40	0,54	1,36	1,42	1,21
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	2,09	1,80		0,29									
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao													
2.18	Đất tín ngưỡng	29,82	4,98	0,93	3,25	1,55	3,80	4,11	3,73	1,90	1,27	0,05	0,33	3,92
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	641,36	83,87	18,66	51,33	73,44	40,66	23,13	9,73	149,58	149,21	4,40	8,39	28,96
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	51,61		0,13	0,07	2,26	9,38	39,78						
2.21	Đất phi nông nghiệp khác													

(1). Đất quốc phòng: Ổn định diện tích 5,89ha như năm 2024.

(2). Đất an ninh: Năm 2025 có diện tích đất là 15,7ha, tăng 6,46ha so với năm 2024 do xây dựng các công trình sau:

- Nhà quản lý trật tự xã hội - Tập kết xe vi phạm của Công an thành phố Tân Uyên (phường Hội Nghĩa): 5,7ha.

- Trụ sở công an phường Thái Hòa: 0,28ha.

- Trụ sở công an phường Vĩnh Tân: 0,11ha.

- Trụ sở công an xã Thạnh Hội: 0,38ha.

(3). Đất khu công nghiệp: Năm 2025 có diện tích là 2.142,45ha, tăng 195ha so với hiện trạng năm 2024 do xây dựng Khu công nghiệp chuyên ngành Cơ khí (Khu công nghiệp Bắc Tân Uyên 1), tổng diện tích của dự án là 786ha, trong đó phần diện tích thuộc thành phố Tân Uyên là 195ha.

(4). Đất cụm công nghiệp: Mở rộng diện tích cụm công nghiệp Uyên Hưng từ 96,3ha lên 120,0ha (tăng thêm 23,7ha), tuy nhiên phần diện tích này đã được thống kê, kiểm kê là đất cụm công nghiệp trong số liệu thống kê đất đai năm 2023 nên không làm thay đổi tổng diện tích đất cụm công nghiệp của thành phố mà chỉ đưa công trình này vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để thực hiện các thủ tục thu hồi, giao thuê đất. Tổng diện tích đất cụm công nghiệp năm 2025 là 273,43ha, ổn định như hiện trạng năm 2024.

(5). Đất thương mại, dịch vụ: Năm 2025 có diện tích là 142,38ha, tăng 37,12ha so với năm 2024, do xác định nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân và xây dựng các dự án đất thương mại dịch vụ được xác định tại Biểu 10/CH phân phụ lục.

(6). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Năm 2025 có diện tích là 2.251,63ha, giảm 74,36ha so với năm 2024. Trong đó: Tăng 77,78ha do chuyển từ đất nông nghiệp để xây dựng các công trình cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đã được xác định tại Biểu 10/CH phân phụ lục, đồng thời xác định nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2025; giảm 152,14ha do chuyển sang các loại đất khác, cụ thể: chuyển sang đất khu công nghiệp 14,8ha, chuyển sang đất phát triển hạ tầng 5,55ha, chuyển sang đất ở tại đô thị 131,79ha để phục vụ nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân và thực hiện các dự án nhà ở dự kiến thực hiện trong năm 2025.

(7). Đất phát triển hạ tầng: Năm 2025 có diện tích là 2.031,24ha, tăng 421,62ha so với năm 2024. Trong đó: tăng 423,13ha do chuyển từ các loại đất khác, cụ thể: chuyển từ đất trồng lúa 141,14ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 72,18ha, chuyển từ đất trồng cây lâu năm 164,72ha, chuyển từ đất rừng sản xuất 20,0ha, chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 0,57ha, chuyển từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 5,55ha, chuyển từ đất ở tại đô thị 18,98ha; giảm 1,51ha do chuyển sang đất khu công nghiệp 1,03ha và chuyển sang đất

trụ sở cơ quan 0,48ha. Cụ thể từng loại đất trong đất phát triển hạ tầng như sau:

Bảng 12: Kế hoạch sử dụng đất phát triển hạ tầng năm 2025 thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

STT	Hạng mục	Mã	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng, giảm (-)
	Tổng cộng		1.609,62	2.031,24	421,62
1	Đất giao thông	DGT	1.002,89	1.252,67	249,78
2	Đất thủy lợi	DTL	43,63	202,87	159,24
3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,06	11,71	1,65
4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	100,65	100,65	
5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	84,34	92,99	8,65
6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	190,21	190,21	
7	Đất công trình năng lượng	DNL	15,54	19,36	3,81
8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,63	0,63	
9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,94	8,94	
11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,32	4,32	
12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,30	15,30	
13	Đất làm NTND, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	120,65	119,14	-1,51
14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH			
16	Đất chợ	DCH	12,46	12,46	

- **Đất giao thông:** Năm 2025 có diện tích là 1.252,67ha, tăng 249,78ha so với năm 2024 do xây dựng các công trình sau:

Bảng 13: Danh mục công trình đất giao thông thực hiện trong năm 2024 thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

STT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)	Năm đăng ký
	Tổng cộng		249,79	
1	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành - đoạn qua tỉnh Bình Dương	Tân Phước Khánh, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Hiệp, Phú Chánh, Vĩnh Tân	126,60	2024
2	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn	Uyên Hưng, Hội Nghĩa, Vĩnh Tân	91,32	2023
3	Đường dẫn vào trường THCS Tân Hiệp	Tân Hiệp	0,25	2019
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sỹ Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên	Tân Phước Khánh	3,00	2020
5	Giải phóng mặt bằng thi công hạ lưu cống ngang Km 7+67 trên đường ĐT 747B (điểm đầu giáp ĐT 747B đến giáp mương Đầu Cùn)	Khánh Bình	0,25	2021
6	Nâng cấp BTNN và XD hệ thống thoát nước tuyến đường Lê Quý Đôn (ĐH 421), phường Uyên Hưng	Uyên Hưng	0,53	2022
7	Cảng Thạnh Phước	Thạnh Phước	27,83	2024

- **Đất thủy lợi:** Năm 2025 có diện tích là 202,87ha, tăng 159,24ha so với năm 2024 do xây dựng các công trình sau:

Bảng 14: Danh mục công trình đất thủy lợi thực hiện trong năm 2025 thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

STT	Hạng mục	Xã, phường	Diện tích (ha)	Năm đăng ký
	Tổng cộng		159,24	
1	Cải thiện môi trường nước tỉnh Bình Dương (khu vực thành phố Tân Uyên)	Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Khánh Bình, Thạnh Phước, Tân Hiệp, Tân Vĩnh Hiệp	12,25	2023
2	Dự án nạo vét, gia cố Suối Cái đoạn từ cầu Thọ Ụt đến sông Đồng Nai	Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp, Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Phước Khánh, Thái Hòa, Thạnh Phước	146,99	2021

- **Đất cơ sở văn hóa:** Năm 2025 có diện tích là 11,71ha, tăng 1,65ha so với hiện trạng năm 2024 do xây dựng công trình Trung tâm VH TT phường Thạnh Phước.

- **Đất cơ sở y tế:** Năm 2025 có diện tích là 100,65ha, ổn định như hiện trạng năm 2024.

- **Đất cơ sở giáo dục – đào tạo:** Năm 2025 có diện tích là 92,99ha, tăng 8,65ha so với năm 2024 do xây dựng các công trình:

+ Xây dựng các hạng mục còn lại của Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, phường Thái Hòa: 0,06ha.

+ Xây dựng Trường tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B: 0,19ha.

+ Dự án: Tổ hợp giáo dục - đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) - Giai đoạn 1, phường Thái Hòa: 8,4ha.

Riêng đối với Trường THCS Vĩnh Tân, hiện trạng đã xây dựng trường và đã được thống kê thành đất giáo dục nên không tính đất mà chỉ thực hiện các thủ tục để giao đất, cấp GCNQSDĐ.

- **Đất cơ sở thể dục – thể thao:** Năm 2025 có diện tích là 190,21ha, ổn định như hiện trạng năm 2024.

- **Đất công trình năng lượng:** Năm 2025 có diện tích là 19,36ha, tăng 3,81ha so với năm 2024 do xây dựng các công trình sau:

Bảng 15: Danh mục công trình đất năng lượng thực hiện trong năm 2025 thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

STT	Hạng mục	Xã, phường	Diện tích (ha)	Năm đăng ký
	Tổng cộng		3,81	
1	Trạm 110kV Thạnh Phước và ĐD 110kV trạm 110kV Thạnh	Thạnh Phước	0,54	2019

STT	Hạng mục	Xã, phường	Diện tích (ha)	Năm đăng ký
	Phước - trạm 220kV Tân Uyên			
2	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	Uyên Hưng	0,10	2020
3	Trạm biến áp 110kV VSIP 2-MR2 và đường dây đầu nối	Vĩnh Tân	0,50	2020
4	Lộ ra 110kV Trạm 220kV Tân Uyên	Thái Hòa, Thanh Phước	0,42	2020
5	Cải tạo, mở rộng, nâng quy mô công suất (T3) trạm 110kV Khánh Bình	Khánh Bình	0,07	2021
6	Đường dây đầu nối 220kV Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng - Sông Mây	Uyên Hưng	0,58	2022
7	Trạm 110kV Khánh Bình 2 và ĐD 110kV Khánh Bình 2 - trạm 220kV Tân Uyên	Khánh Bình, Thanh Phước	0,60	2024
8	Trạm 100kV VSIP2 MR3 và đường dây 110kV VSIP2 MR3 - trạm 220kV Tân Định	Vĩnh Tân	0,50	2024
9	Lộ 110kV trạm 220kV Tân Định 2	Vĩnh Tân	0,50	2024

- **Đất công trình bưu chính viễn thông:** Năm 2025 có diện tích là 0,63ha, ổn định như hiện trạng năm 2024.

- **Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** Năm 2025 có diện tích là 8,94ha, ổn định như hiện trạng năm 2024.

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Năm 2025 có diện tích là 4,32ha, ổn định như hiện trạng năm 2024.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** Năm 2025 có diện tích là 15,3ha, ổn định như hiện trạng năm 2024.

- **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Năm 2025 có diện tích là 119,14ha, giảm 1,51ha so với năm 2024 do chuyển sang đất khu công nghiệp 1,03ha, chuyển sang đất trụ sở cơ quan 0,48ha.

- **Đất chợ:** Năm 2025 có diện tích là 12,46ha, ổn định như hiện trạng năm 2024.

(8). **Đất ở tại nông thôn:** Năm 2025 có diện tích là 111,48ha, tăng 9,18ha so với hiện trạng năm 2024 do xác định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn 02 xã Bạch Đằng, Thạnh Hội và xây dựng khu dân cư, tái định cư xã Thạnh Hội.

(9). **Đất ở tại đô thị:** Năm 2025 có diện tích là 2.801,32ha, tăng 1.214,35ha so với năm 2024. Trong đó: tăng 1.268,6ha để phục vụ nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân và thực hiện các dự án đất ở tại đô thị được xác định tại Biểu 10/CH phần phụ lục; giảm 54,25ha do chuyển sang đất khu công nghiệp 32,92ha, chuyển sang đất thương mại dịch vụ 2,35ha, chuyển sang đất phát triển hạ tầng 18,98ha.

(10). **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Năm 2025 có diện tích là 19,27ha, tăng 3,52ha so với năm 2024 do xây dựng các công trình sau:

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dự kiến xây dựng trụ sở ngành trên địa bàn thành phố Tân Uyên (phường Uyên Hưng): 2,44ha;

- Xây dựng mới trụ sở UBND phường Phú Chánh: 1,08ha;

(11). Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Năm 2025 có diện tích là 2,09ha, tăng 0,15ha so với hiện trạng năm 2024 do xây dựng Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới của Công ty TNHH TMDV đăng kiểm Uyên Hưng.

3.2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất 2025 do thành phố Tân Uyên xác định

(1). Đất nông nghiệp khác: Năm 2025 có diện tích là 28,31ha, ổn định như hiện trạng năm 2024 do chuyển sang đất ở tại nông thôn.

(2). Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Năm 2025 có diện tích là 93,67ha, giảm 20,75ha so với hiện trạng năm 2024 do chuyển sang đất ở tại đô thị.

(3). Đất sinh hoạt cộng đồng: Năm 2025 có diện tích là 8,95ha, ổn định như hiện trạng năm 2024.

(4). Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Năm 2025 có diện tích là 51,49ha, tăng 0,69ha so với năm 2024. Trong đó: tăng 0,8ha để xây dựng hoa viên Văn phòng các khu phố (Dư Khánh, Cây Chàm), phường Thạnh Phước; giảm 0,11ha do chuyển sang đất an ninh để mở rộng trụ sở công an phường Vĩnh Tân.

(5). Đất cơ sở tín ngưỡng: Năm 2025 có diện tích là 29,82ha, ổn định như hiện trạng năm 2024.

(6). Đất sông ngòi, kênh rạch, suối: Năm 2025 có diện tích là 641,36ha, ổn định như hiện trạng năm 2024.

(7). Đất có mặt nước chuyên dùng: Năm 2025 có diện tích là 51,61ha, giảm 6,92ha so với năm 2024 do chuyển sang đất ở tại đô thị để thực hiện các dự án nhà ở tại Biểu 10/CH.

3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Tổng diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025 là 1.967,14ha. Trong đó:

- Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là 1.786,07ha (chuyển từ đất trồng lúa 244,43ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 146,33ha, chuyển từ đất trồng cây lâu năm 1.275,62ha, chuyển từ đất rừng sản xuất 20,0ha, chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 99,69ha).

- Chuyển đổi trong cơ cấu nội bộ đất nông nghiệp là 21,6ha, là diện tích chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm.

- Chuyển mục đích từ đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 159,47ha.

**Bảng 16: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025
thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương**

Đơn vị tính: Ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thanh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thanh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		1.786,07	288,48	30,05	206,54	72,08	48,78	280,75	43,40	7,00	2,56	191,92	28,71	585,80
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	244,43	62,99	7,98	19,37	25,15	12,79	95,54	20,24		0,38			
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>													
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	146,33	12,90	9,38	10,05	5,75	18,34	37,35	8,76	2,00	1,48	0,50	0,64	39,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	1.275,62	192,59	12,69	77,44	41,18	17,65	147,86	14,40	5,00	0,70	191,42	28,07	546,62
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN													
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	20,00	20,00											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	99,69			99,69									
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN													
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN													
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		21,60		2,00	2,00			3,60	5,00	5,50	3,50			
	<i>Trong đó:</i>														
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	21,60		2,00	2,00			3,60	5,00	5,50	3,50			
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP													
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS													
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU													

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thanh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thanh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS													
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU													
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)													
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)													
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)													
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	159,47	13,41	5,06	25,11	1,00	15,83	12,74	1,00			1,00	1,00	83,32

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

- Ngoài ra, đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa và được thống kê là loại đất khác nhưng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện mục đích là đất trồng lúa thì cho phép lập, chỉnh lý thủ tục đất đai theo hiện trạng thực tế, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt (chỉ trừ quy hoạch đất lúa) và không tính vào chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất.

**Bảng 17: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất của tổ chức năm 2025
thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương**

Đơn vị tính: Ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thanh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thanh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		95,89	15,31	0,06	7,92		9,87	10,51	4,27			6,20	10,10	31,65
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,83	0,83											
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>													
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	16,21	9,70	0,06			5,75		0,70					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	74,49	4,78		3,55		4,12	10,51	3,57			6,20	10,10	31,65
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN													
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN													
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	4,37			4,37									
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN													
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN													
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp														
	<i>Trong đó:</i>														
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN													
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP													
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS													
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU													

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thạnh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thạnh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS													
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU													
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)													
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)													
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)													
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	149,47	12,41	4,06	24,11		14,83	11,74						82,32

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

**Bảng 18: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân năm 2025
thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương**

Đơn vị tính: Ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thạnh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thạnh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		166,73	10,00	13,00	12,50	13,00	13,00	35,00	11,00	7,00	1,00	10,00	10,23	31,00
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN													
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>													
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	32,30	3,00	3,50	3,50	3,00	4,00	6,00	3,00	2,00	0,30	0,50	0,50	3,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	134,43	7,00	9,50	9,00	10,00	9,00	29,00	8,00	5,00	0,70	9,50	9,73	28,00
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN													
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN													
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN													
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN													
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN													
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		21,60		2,00	2,00			3,60	5,00	5,50	3,50			
	<i>Trong đó:</i>														
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	21,60		2,00	2,00			3,60	5,00	5,50	3,50			
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP													
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS													
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU													

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thạnh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thạnh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS													
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU													
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)													
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)													
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)													
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	10,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00			1,00	1,00	1,00

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

- Ngoài ra, đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa và được thống kê là loại đất khác nhưng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện mục đích là đất trồng lúa thì cho phép lập, chỉnh lý thủ tục đất đai theo hiện trạng thực tế, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt (chỉ trừ quy hoạch đất lúa) và không tính vào chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất.

3.4. Diện tích đất cần thu hồi

Căn cứ vào Điều 78, Điều 79 và Điều 80 của Luật Đất đai năm 2024 quy định các dự án, công trình cần phải thực hiện thu hồi đất, trong năm 2025 trên địa bàn thành phố Tân Uyên cần thực hiện thu hồi 1.523,45ha đất nông nghiệp và 419,11ha đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa: 243,6ha để thực hiện các dự án: đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh – Chơn Thành, đường vành đai 4, Nạo vét, gia cố Suối Cái đoạn từ cầu Thọ Ut đến sông Đồng Nai; Nhà máy xử lý nước thải cho thành phố Tân Uyên và cải tạo kênh thoát nước; Trung tâm VHTT phường Thạnh Phước, các Khu đô thị, giáo dục-đào tạo tại phường Thái Hòa.

- Đất trồng cây hàng năm khác: 97,82ha để xây dựng các công trình đường giao thông, thủy lợi, các công trình giáo dục – đào tạo, khu đô thị mới.

- Đất trồng cây lâu năm: 1.066,7ha để xây dựng các công trình đất giao thông, thủy lợi, năng lượng, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao, trụ sở cơ quan, khu đô thị mới...

- Đất rừng sản xuất: 20ha để xây dựng tuyến đường Vành đai 4.

- Đất nuôi trồng thủy sản: 95,32ha để xây dựng khu đô thị mới.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 74,55ha để xây dựng các công trình giao thông trên địa bàn thành phố.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 20,75ha để xây dựng khu đô thị mới tại phường Vĩnh Tân.

- Đất phát triển hạ tầng: 1,51ha, là diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa để xây dựng trụ sở UBND phường Phú Chánh và KCN Bắc Tân Uyên 1.

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 0,11ha để mở rộng Trụ sở Công an phường Vĩnh Tân.

- Đất ở tại đô thị 322,2ha để xây dựng các công trình đường giao thông, khu đô thị mới.

Cụ thể trên địa bàn từng xã, phường như bảng sau:

Bảng 19: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 thành phố Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thạnh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thạnh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.523,45	263,17	16,99	186,12	59,08	25,90	235,24	28,13		1,56	175,72	8,38	523,15
1.1	Đất trồng lúa	LUA	243,60	62,16	7,98	19,37	25,15	12,79	95,54	20,24		0,38			
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>													
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	97,82	0,20	5,82	6,55	2,75	8,59	31,35	5,06		1,18		0,14	36,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.066,70	180,81	3,19	64,88	31,18	4,52	108,35	2,83			175,72	8,24	486,97
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH													
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	20,00	20,00											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	95,32			95,32									
1.8	Đất làm muối	LMU													
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH													
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	419,11	95,50	1,50	1,56		10,67	118,79	0,19			53,75	0,48	136,68
2.1	Đất quốc phòng	CQP													
2.2	Đất an ninh	CAN													
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK													
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN													
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD													
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	74,55		0,50			10,67	2,52				14,80		46,05
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	20,75												20,75
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,51										1,03	0,48	
	<i>Trong đó:</i>														
-	Đất giao thông	DGT													
-	Đất thủy lợi	DTL													

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thạnh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thạnh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH													
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT													
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD													
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT													
-	Đất công trình năng lượng	DNL													
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV													
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG													
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT													
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA													
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON													
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,51										1,03	0,48	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH													
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH													
-	Đất chợ	DCH													
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL													
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH													
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,11												0,11
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT													
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	322,20	95,50	1,00	1,56			116,26	0,19			37,92		69,76
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC													
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS													
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG													
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN													
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON													
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC													
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK													

3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trên địa bàn thành phố Tân Uyên không còn đất chưa sử dụng.

3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Tổng số công trình, dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 114 công trình với tổng diện tích là 1.911,11ha. Cụ thể như sau:

- Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh là 04 công trình với diện tích 6,46ha.

- Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất là 02 công trình với diện tích 321,6ha.

- Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất là 37 công trình với diện tích 1.371,66ha.

- Các công trình, dự án chuyển mục đích: 60 dự án với diện tích 173,11ha.

- Công trình thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất: 06 công trình với diện tích 22,9ha.

- Công trình để lập thủ tục giao, thuê đất, cấp GCNQSDĐ: 05 công trình với diện tích 15,38ha.

(Vì số lượng danh mục công trình dự án nhiều, liệt kê dài nên được tổng hợp trong biểu 10/CH phần phụ lục).

3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

- Căn cứ danh mục công trình, dự án đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch 2025 ở thành phố Tân Uyên.

Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2025 ở thành phố Tân Uyên như sau:

- **Khoản thu:** 3.791,14 tỷ đồng. Bao gồm các nguồn thu từ chuyển nhượng đất ở trong các dự án, thuế chuyển mục đích sử dụng đất, tiền cho thuê đất và các loại thuế, lệ phí trước bạ.

- **Khoản chi:** 15.920,07 tỷ đồng. Do phải chi để đền bù giải tỏa, thu hồi 1.417,99ha đất nông nghiệp và 396,74ha đất phi nông nghiệp.

- **Cân đối: thu – chi = -12.128,93 tỷ đồng** (Đây chỉ là dự kiến thu chi ước tính dựa trên khung giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Thu chi thực tế phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án, trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, khung giá và trên giá thị trường cụ thể tại thời điểm đó cũng như cho từng dự án cụ thể).

3.8. Sự phù hợp của kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Tân Uyên so với quy định của Luật Đất đai quy định về việc lập KHSDĐ hàng năm

Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 67 Luật Đất đai năm 2024, căn cứ lập KHSDĐ hàng năm cấp huyện bao gồm:

- Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch đô thị đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

- Hiện trạng sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước;

- Nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực của các cấp, của các tổ chức; các công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư;

- Khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Như vậy, so với quy định của Luật Đất đai, có một số công trình dự án đăng ký mới trong năm 2025 cũng như dự án chuyển tiếp từ năm 2024 trên địa bàn thành phố Tân Uyên có văn bản của các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện trong năm 2025 nhưng không phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của Tp. Tân Uyên. Cụ thể như sau:

- Xây dựng Trụ sở Công an phường Thái Hòa (công trình chuyển tiếp năm 2024): Quy hoạch sử dụng đất là đất khu vui chơi giải trí công cộng. Tuy nhiên, thực hiện theo Đề án số 07 - ĐA/TU ngày 16/10/2023 của Tỉnh ủy Bình Dương và Văn bản số 156-TB/BCSD ngày 24/4/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh Bình Dương; đồng thời UBND tỉnh Bình Dương cũng đã ban hành Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 bổ sung công trình này vào KHSDĐ năm 2024.

- Xây dựng Trụ sở Công an phường Vĩnh Tân (công trình chuyển tiếp năm 2024): Quy hoạch sử dụng đất là đất khu vui chơi giải trí công cộng. Tuy nhiên, thực hiện theo Đề án số 07 - ĐA/TU ngày 16/10/2023 của Tỉnh ủy Bình Dương và Văn bản số 156-TB/BCSD ngày 24/4/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh Bình Dương; đồng thời UBND tỉnh Bình Dương cũng đã ban hành Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 bổ sung công trình này vào KHSDĐ năm 2024.

- Khu công nghiệp chuyên ngành Cơ khí (Khu công nghiệp Bắc Tân Uyên 1- công trình đăng ký mới năm 2025): Quy hoạch sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm, đất ở, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất nghĩa trang nghĩa địa.... Tuy nhiên, dự án này đã có trong Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 03/8/2024; đồng thời thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Dương tại Kế hoạch số 3919/KH-UBND ngày 23/7/2024 về việc triển khai Dự án KCN chuyên ngành Cơ khí (KCN

Bắc Tân Uyên 1) nên cần đăng ký dự án này vào KHSDD năm 2025 của Tp. Tân Uyên để có cơ sở tổ chức triển khai thực hiện dự án trong năm 2025.

- Dự án: Tổ hợp giáo dục - đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) - Giai đoạn 1 (công trình chuyên tiếp từ năm 2024): Quy hoạch sử dụng đất là đất ở, đất thương mại-dịch vụ. Tuy nhiên, thực hiện theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương.

Đối với những công trình này, UBND thành phố Tân Uyên đề nghị Hội đồng thẩm định QH, KHSDD cho ý kiến thẩm định để có cơ sở tổng hợp vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Tân Uyên trước khi trình UBND tỉnh Bình Dương xem xét, phê duyệt.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHSDD

4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

4.1.1. Tăng cường các hoạt động bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực quản lý về môi trường cho hệ thống tổ chức trong lĩnh vực môi trường

- Bổ sung và hoàn thiện cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố, bao gồm: thể chế và hệ thống tổ chức bảo vệ môi trường.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đất nói riêng và môi trường nói chung trên địa bàn thành phố. Xây dựng chương trình quản lý môi trường, bao gồm các nội dung về hoàn thiện việc nâng cao năng lực quản lý bảo vệ môi trường; chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; quản lý thẩm định đánh giá tác động môi trường; quản lý chất thải công nghiệp – tiêu thủ công nghiệp; quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn, đô thị và các khu dân cư tập trung; quản lý chất thải y tế độc hại, quản lý đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên; quản lý môi trường các nguồn tài nguyên như: nước, đất, không khí.

4.1.2. Tăng cường hoạt động giám sát môi trường

- Hoàn thiện mạng lưới quan trắc đáp ứng nhu cầu giám sát chặt chẽ môi trường. Bổ sung lực lượng đáp ứng yêu cầu số lượng, chất lượng, cơ cấu về chuyên môn. Tăng cường ứng dụng các công nghệ và thiết bị đáp ứng nhu cầu quan trắc, phân tích, đánh giá các yếu tố môi trường. Khẩn trương ứng dụng công nghệ và thiết bị tin học để nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát và phổ biến các quy định về môi trường đến đối tượng giám sát và quản lý.

- Giám sát kỹ phần đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư và trong các quy hoạch phát triển các ngành, nhất là các ngành có nguy cơ gây ô nhiễm, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục.

- Giám sát kỹ quá trình triển khai các dự án khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng để đảm bảo khai thác có hiệu quả nhưng phải hạn chế tác động xấu đến môi trường, về phục hồi môi trường và hoàn nguyên sau khai thác.

- Có mức phạt đủ sức răn đe các cơ sở có ý vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

- Để công tác giám sát hoạt động có nề nếp, hiệu quả cần xây dựng chương trình giám sát môi trường, bao gồm: quan trắc chất lượng môi trường, quan trắc và giám sát các nguồn thải; giám sát quản lý sử dụng nước ngầm; giám sát hệ sinh thái và đa dạng sinh học...

4.1.3. Thích ứng với biến đổi khí hậu

- Cần nghiên cứu thành lập bản đồ cốt nền xây dựng toàn tỉnh để quản lý, giám sát việc xây dựng nhằm hạn chế ngập lũ đô thị.

- Những nơi địa hình thấp trũng cần có những cảnh báo và áp dụng những biện pháp về quy hoạch và xây dựng để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do biến đổi khí hậu. Nghiêm cấm việc san lấp sông rạch, nếu dự án lấp 1 đơn vị diện tích sông rạch thì bắt buộc phải xây dựng hồ điều tiết 1,2 đơn vị diện tích trong khu dự án để kiểm soát ngập lũ đô thị và làm đẹp cảnh quan.

- Phát triển nhiều mảng xanh lớn tại những vùng đất thấp và tận dụng tối đa những phần đất trống để tạo mảng xanh cho đô thị, chú trọng trồng các loại cây loài thực vật, cây gỗ có giá trị, tạo hành lang thực vật, bảo tồn đa dạng sinh học, nhằm tạo vùng đệm chứa nước, kiểm soát lũ và làm giảm nhiệt độ đô thị.

- Các cơ sở sản xuất phải được bố trí vào các khu để đảm bảo vệ sinh môi trường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

4.2.1. Giải pháp về vốn

Để có thể thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trước hết cần phải bảo đảm nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư sử dụng đất. Giải pháp huy động vốn đầu tư từ tất cả các nguồn: nguồn vốn ngân sách, vốn ngân sách vay, ODA, vốn doanh nghiệp, vốn tín dụng ngân hàng, nguồn vốn tư nhân và dân cư... Nguồn vốn ngân sách thường hạn chế và chỉ dành tập trung cho các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, do đó trong việc huy động vốn cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi, tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, về giá và thời gian thuê đất... Thu hút các thành phần kinh tế đến đầu tư phát triển Tân Uyên.

- Đẩy mạnh đầu tư theo phương thức sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng. Nhà nước giao và đấu giá đất tại các khu vực khác nhau để tạo vốn xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm tiếp tục phát triển quỹ đất.

4.2.2. Tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai

- Xây dựng giải pháp và lộ trình nâng cao năng lực cho cán bộ ngành tài nguyên và môi trường từ cấp huyện đến cấp xã để có đủ khả năng thực hiện, thanh tra, giám sát và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý kế hoạch sử dụng đất.

- Bổ sung đủ nhân sự có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý cho các cấp để thực hiện công tác kế hoạch sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Riêng với lực lượng cán bộ tài nguyên – môi trường cấp xã, cần có chính sách ổn định để tăng tính chuyên nghiệp, hạn chế tình trạng biến động lớn về nhân sự.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị hỗ trợ chuyên ngành, đặc biệt là đưa công nghệ thông tin vào quản lý đất đai. Mở các lớp tập huấn cho cán bộ ngành về hệ thống thông tin địa lý (GIS), cập nhật, quản lý và sử dụng dữ liệu từ bản đồ số hóa, hồ sơ địa chính...

4.2.3. Tăng cường đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý đất đai

- Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp vào công tác quản lý đất đai, tổ chức các khoá đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ vận hành.

- Xây dựng mạng thông tin đất đai và khẩn trương nối mạng hệ thống các cơ quan quản lý đất đai từ cấp tỉnh xuống đến các xã và các đơn vị có liên quan, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của ngành và của người dân về quy hoạch sử dụng đất các cấp, các dự án.

- Tổ chức các lớp tập huấn về ứng dụng các công nghệ mới trong quản lý đất đai nói chung và quản lý quy hoạch sử dụng đất nói riêng cho cán bộ chuyên môn của phòng TN&MT và cán bộ TN&MT cấp xã. Để kịp thời nắm bắt và vận hành các phần mềm quản lý dữ liệu quy hoạch nhằm khai thác và sử dụng sản phẩm quy hoạch một cách chính xác và hiệu quả.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện KHSDD

4.3.1. Công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất

- Khi kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt sẽ tiến hành công bố, công khai trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở UBND thành phố, UBND 12 xã – phường. Đồng thời thông báo rộng rãi trên đài phát thanh thành phố và các xã, phường để người sử dụng đất biết và thực hiện theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Thông tin rộng rãi và chỉ đạo UBND các xã, phường, các phòng ban có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai, nhất là giao đất, cho thuê đất, cho

phép chuyển mục đích sử dụng đất đều phải tuân thủ triệt để kế hoạch sử dụng đất.

4.3.2. Trách nhiệm các ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu UBND thành phố công bố, công khai và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Tham mưu cho UBND thành phố ban hành các quyết định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền... và hướng dẫn các xã - phường thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo luật định. Kiên quyết không giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất không phù hợp với kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Các xã, phường căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất của thành phố đã được phê duyệt để triển khai thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn theo đúng các quy định của Luật Đất đai.

- Các ngành cấp thành phố bám sát vào kế hoạch sử dụng đất của thành phố đã được phê duyệt để tổ chức thực hiện, đôn đốc các tổ chức sử dụng đất do ngành quản lý thực hiện các thủ tục về đất đai đúng tiến độ và đúng theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Trường hợp có phát sinh các nhu cầu về đất, cần tiến hành các thủ tục đăng ký, xin chủ trương và đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất cho năm sau.

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn thành phố cần nhanh chóng tiến hành các thủ tục theo quy định để được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Định kỳ hàng năm UBND thành phố có báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu tổng hợp cho UBND tỉnh Bình Dương báo cáo Chính phủ.

4.3.3. Tăng cường công tác giám sát thực hiện KHSDĐ

- Bám sát kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện các công trình, dự án theo đúng tiến độ. Mặt khác cũng cần nắm được các phát sinh khách quan về nhu cầu sử dụng đất để bổ sung, điều chỉnh kịp thời trong kế hoạch sử dụng đất năm 2026; cũng như phát hiện những bất hợp lý trong sử dụng đất của từng ngành để có những tác động kịp thời nhằm tránh và hạn chế tiêu cực trong quá trình sử dụng đất.

- Quản lý sử dụng đất theo đúng kế hoạch được duyệt, nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng để tập trung cho phát triển kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Cập nhật kịp thời những thay đổi về thị trường đất đai để có kế hoạch đền bù thỏa đáng giúp sử dụng đất đúng theo kế hoạch.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục. Nắm bắt kịp thời và tìm hiểu kỹ các phát sinh về nhu cầu sử dụng đất của các ngành để điều chỉnh kịp thời trong kế hoạch sử dụng đất và phát hiện những bất hợp lý trong sử dụng đất của từng ngành để có những tác động kịp thời nhằm tránh và hạn chế tiêu cực trong quá trình sử dụng đất.

- Tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện các dự án sau khi giao đất, các chủ đầu tư phải tiến hành cắm mốc ngoài thực địa tránh tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất đai, yêu cầu các chủ đầu tư cần tiến hành đầu tư xây dựng dự án theo đúng tiến độ. Những dự án nào không triển khai quá thời gian quy định của Luật Đất đai kể từ ngày giao dự án sẽ đề nghị thu hồi để kêu gọi chủ đầu tư khác, tránh tình trạng đầu cơ làm lãng phí đất đai, gây dư luận không tốt trong xã hội.

4.4. Các giải pháp khác

4.4.1. Giải pháp về chính sách

Vận dụng và ban hành chính sách đồng bộ trên nhiều mặt, nhiều lĩnh vực với mức ưu đãi đặc biệt các chính sách cơ chế ưu đãi cao nhất được Chính phủ cho phép thực hiện đối với phát triển thành phố Tân Uyên. Mặt khác phải tạo điều kiện thuận lợi nhất về mặt thủ tục, cấp phép, vay vốn... Chính quyền các cấp tích cực tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, xử lý kịp thời những kiến nghị hợp lý, đúng pháp luật để khuyến khích, tạo tâm lý thoải mái thu hút các nhà đầu tư. Trong đó, coi trọng một số cơ chế, chính sách sau:

- Chính sách hỗ trợ và thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài để đầu tư phát triển các khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh và phát triển các lĩnh vực dịch vụ, du lịch, y tế, giáo dục- đào tạo, văn hoá, thể dục thể thao...

- Chính sách giao đất, quy chủ cụ thể cho từng thửa đất trên cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng chủ sử dụng, từng thửa đất; mở rộng và củng cố quyền của người được giao đất, thuê đất.

- Chính sách đầu tư ổn định cho hệ thống kế hoạch sử dụng đất từ tỉnh đến xã để đảm bảo chất lượng, kịp thời và nâng cao khả năng thực hiện.

- Cơ chế, chính sách về bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, đào tạo ngành nghề cho những người bị thiếu đất hoặc mất đất sản xuất nông nghiệp, gắn việc chuyển đổi đất đai với chuyển đổi lao động, đặc biệt ưu tiên đối với những vùng phải chuyển nhiều đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp.

- Huy động tối đa nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, sự hỗ trợ của tỉnh để đầu tư cải thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kinh tế - xã hội. Phát triển hạ tầng phải gắn với khai thác quỹ đất liền kề để điều tiết chênh lệch giá đất do Nhà nước đầu tư.

- Tăng cường các nguồn thu từ đất thông qua giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất và đặc biệt là dành nhiều quỹ đất thích hợp cho đấu giá quyền sử dụng đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, phục vụ cho công tác quản lý đất đai.

- Chính sách khuyến khích áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

4.4.2. Các biện pháp cụ thể trong quản lý đất đai

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Tân Uyên căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất được duyệt giới thiệu địa điểm cho các nhà đầu tư thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội theo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, vì vậy cần tiến hành thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án trước khi cấp phép đầu tư.

- Đảm bảo tính minh bạch trong kế hoạch sử dụng đất: Công khai kế hoạch sử dụng đất. Thực hiện việc giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân và chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch.

- Ban hành quyết định về giá đất trên địa bàn tỉnh, huyện phù hợp với quy định của Chính phủ và thực tế thị trường chuyển quyền sử dụng đất, đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất, đồng thời thực hiện tốt nguồn thu ngân sách từ đất đai.

- Tăng cường biện pháp thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất, phát hiện các vi phạm để xử lý kịp thời.

4.4.3. Biện pháp phối hợp

Cần có sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

- Phối hợp giữa các ngành của tỉnh: Kế hoạch sử dụng đất thể hiện tổng hợp các nhu cầu sử dụng đất của các ngành, do vậy trong quá trình thực hiện kế hoạch cụ thể của từng ngành nếu có sự bất cập, cần có sự xem xét điều chỉnh chung và phải có sự phối hợp để xử lý, đảm bảo hài hòa mục tiêu phát triển chung của xã hội, của từng ngành.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban của thành phố, giữa thành phố và các xã, phường trong việc quản lý đất đai theo quy hoạch, đặc biệt là trong vấn đề giao đất, cho thuê đất...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Tân Uyên được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; quán triệt kế hoạch phát triển của các ngành, các phường và cân nhắc khả năng đầu tư từ nguồn ngân sách và ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố ...; tranh thủ sự chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định các định hướng lớn về sử dụng đất trên địa bàn cũng như quy trình kỹ thuật, nội dung để xây dựng kế hoạch sử dụng đất. Nên khi được phê duyệt sẽ tạo cơ sở rất vững chắc về pháp lý, khoa học và thực tiễn để tổ chức quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn của thành phố trong năm 2025.

Kết quả nghiên cứu xây dựng kế hoạch sử dụng đất đã dự báo được nhu cầu sử dụng đất các ngành, các lĩnh vực đến quy mô từng công trình, dự án phân bố trên từng xã, phường gắn với các tờ, thửa bản đồ địa chính cụ thể; tổng hợp thành hệ thống các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời xây dựng hệ thống bản đồ chuyên đề và bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 ở tỷ lệ 1/25.000, sơ đồ vị trí các công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 trên nền bản đồ địa chính làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

Sau khi được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt, UBND thành phố Tân Uyên chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành. Hàng năm có báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất để báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ.

HỆ THỐNG BIỂU, MẪU
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
thành phố Tân Uyên - tỉnh Bình Dương

STT	Ký hiệu biểu	Tên Biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố Tân Uyên - tỉnh Bình Dương
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện KHSDD năm 2024 của thành phố Tân Uyên - tỉnh Bình Dương
3	Biểu 06/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Tân Uyên - tỉnh Bình Dương
4	Biểu 07/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của thành phố Tân Uyên - tỉnh Bình Dương
5	Biểu 08/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của thành phố Tân Uyên - tỉnh Bình Dương
6	Biểu 10/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 của thành phố Tân Uyên - tỉnh Bình Dương
7	Biểu 13/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Tân Uyên - tỉnh Bình Dương

**BIỂU 01/CH: HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
CỦA TP. TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				Uyên Hưng	Tân P. Khánh	Thái Hòa	Thạnh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V. Hiệp	Bạch Đằng	Thạnh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vĩnh Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Tổng diện tích tự nhiên		19.175,72	3.333,57	1.018,21	1.138,44	804,79	2.176,21	2.529,73	902,61	1.078,60	427,49	1.726,29	798,63	3.241,15
1	Đất nông nghiệp	NNP	10.288,00	2.016,91	482,15	593,52	460,84	771,55	1.613,50	556,74	609,10	216,78	750,64	507,79	1.708,49
1.1	Đất trồng lúa	LUA	988,35	69,74	78,90	149,41	165,01	131,89	142,97	84,09	113,93	52,40			
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>106,76</i>								<i>106,76</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	850,85	19,41	131,25	108,34	28,12	188,38	177,50	27,60	25,23	64,15	2,03	3,09	75,77
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.205,94	1.834,48	259,01	232,13	259,61	449,45	1.276,37	443,95	469,83	99,68	747,38	504,70	1.629,34
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH													
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	68,59	68,59											
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>													
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	145,96	0,63	12,99	102,75	7,97	1,46	16,34		0,11	0,13	1,23		2,36
1.8	Đất làm muối	LMU													
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	28,31	24,07		0,89	0,14	0,37	0,32	1,09		0,41			1,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.887,72	1.316,66	536,06	544,92	343,95	1.404,66	916,23	345,87	469,50	210,71	975,65	290,84	1.532,66
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5,89	5,61	0,28										
2.2	Đất an ninh	CAN	9,23	5,07	0,29			1,00	0,19						2,69
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.947,45	262,84				309,08	16,29				569,02		790,23
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	273,43	121,07					26,28					126,09	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	105,26	14,23	5,98	4,12	1,80	21,80	17,39	2,68	0,41		6,31	2,18	28,35
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2.325,99	448,02	235,45	175,32	88,39	587,37	400,13	131,67		0,38	153,97	4,84	100,45
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	114,42				47,91		45,27			0,49			20,75
2.9	Đất phát triển hạ tầng hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.609,62	207,22	85,48	100,59	73,82	255,84	166,53	76,00	245,37	27,29	84,85	64,25	222,39
	<i>Trong đó:</i>														
-	Đất giao thông	DGT	1.002,89	165,02	62,56	60,91	54,02	153,64	116,54	53,29	38,74	17,63	71,08	34,99	174,45
-	Đất thủy lợi	DTL	43,63	5,49	2,04	6,67	0,65	2,34	16,57	0,80	7,63	0,14	0,20	0,50	0,60
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,06	2,34	3,15	2,00	0,21	0,03	0,10	0,14		0,11		1,71	0,27
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	100,65	4,77	0,09	0,54	0,07	81,33	2,39	0,05	0,55	0,09	0,50	8,20	2,07

**BIỂU 02/CH: KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
CỦA TP. TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch năm 2024 (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng, giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
1	Đất nông nghiệp	NNP	9.500,65	10.288,00	787,35	108,29
1.1	Đất trồng lúa	LUA	704,45	988,35	283,90	140,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>94,90</i>	<i>106,76</i>	<i>11,86</i>	<i>112,49</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	721,88	850,85	128,97	117,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.879,45	8.205,94	326,49	104,14
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	48,59	68,59	20,00	141,16
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	114,24	145,96	31,72	127,77
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	32,03	28,31	-3,72	88,39
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.675,07	8.887,72	-787,35	91,86
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5,89	5,89		100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	14,93	9,23	-5,70	61,83
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.947,68	1.947,45	-0,22	99,99
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	273,43	273,43		100,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	135,41	105,26	-30,15	77,73
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2.277,14	2.325,99	48,85	102,15
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	114,42	114,42		100,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.041,66	1.609,62	-432,04	78,84
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	1.257,70	1.002,89	-254,82	79,74
-	Đất thủy lợi	DTL	210,11	43,63	-166,48	20,76
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	11,76	10,06	-1,70	85,53
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	100,65	100,65	0,00	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	87,50	84,34	-3,16	96,39
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	188,81	190,21	1,40	100,74
-	Đất công trình năng lượng	DNL	20,13	15,54	-4,58	77,23
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,63	0,63	0,00	100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,94	8,94		100,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,99	4,32	0,33	108,32
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,30	15,30	0,00	100,00
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	118,81	120,65	1,84	101,55
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH	17,33	12,46	-4,87	71,90
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	8,95	8,95	0,00	100,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	50,30	50,80	0,50	100,99
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	105,28	102,30	-2,99	97,16
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.955,27	1.586,97	-368,30	81,16
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19,39	15,75	-3,64	81,22
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,22	1,94	-0,28	87,40
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	29,82	29,82		100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	641,36	641,36	0,00	100,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	51,90	58,53	6,62	112,76
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD				

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thạnh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thạnh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vinh Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,94									3,37			5,57
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,32	0,15					3,94					0,02	0,21
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,30	0,77	1,35	1,74	1,59	0,37	4,14	0,20	2,87	0,43	1,01		0,83
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	119,14	6,40	11,07	12,85	4,31	8,45	15,50	15,80	10,07	3,26	3,53	7,01	20,90
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH													
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH													
-	Đất chợ	DCH	12,46	1,90	0,67	1,31	0,32	3,81	2,11	0,68			0,72		0,94
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL													
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	8,95	0,95	0,24	0,32	0,53	1,91	1,64	0,23	0,69	0,37	1,67	0,14	0,27
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	51,49	4,77	0,84	0,26	1,53	3,69	1,48	0,09			1,61	0,57	36,65
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	111,48								78,13	33,34			
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	2.817,10	389,56	197,92	404,96	60,88	203,61	336,60	132,31			131,58	100,22	859,45
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19,27	10,18	0,94	0,44	0,50	0,48	0,98	0,81	0,40	0,54	1,36	1,42	1,21
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,09	1,80		0,29									
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG													
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	29,82	4,98	0,93	3,25	1,55	3,80	4,11	3,73	1,90	1,27	0,05	0,33	3,92
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	641,36	83,87	18,66	51,33	73,44	40,66	23,13	9,73	149,58	149,21	4,40	8,39	28,96
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	51,61		0,13	0,07	2,26	9,38	39,78						
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK													
3	Đất chưa sử dụng	CSD													
II	KHU CHỨC NĂNG														
1	Đất khu công nghệ cao	KCN													
2	Đất khu kinh tế	KKT													
3	Đất đô thị	KDT	17.669,63	3.333,57	1.018,21	1.138,44	804,79	2.176,21	2.529,73	902,61			1.726,29	798,63	3.241,15
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	3.340,39						1.132,11		106,76		555,96	476,63	1.068,94
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	48,59	48,59											
6	Khu du lịch	KDL	277,00			35,20					241,80				
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT													
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	2.415,89	383,91				309,08	42,57				764,02	126,09	790,23
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	2.927,02	406,09	204,42	412,90	69,05	221,14	353,17	138,83			138,30	104,69	878,41
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	220,67	28,48	13,37	14,76	10,42	34,42	34,65	9,16	2,84	1,10	14,35	7,74	49,40
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	3.147,69	434,57	217,79	427,66	79,47	255,56	387,81	147,99	2,84	1,10	152,65	112,43	927,81
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	115,90								81,46	34,45			
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	65,66								51,34	14,32			

Ghi chú: Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

**BIỂU 07/CH: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
TP. TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				Uyên Hưng	Tân P Khánh	Thái Hòa	Thanh Phước	Khánh Bình	Tân Hiệp	Tân V Hiệp	Bạch Đằng	Thanh Hội	Hội Nghĩa	Phú Chánh	Vinh Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		1.801,85	290,48	30,05	206,54	72,08	48,78	280,75	43,40	7,00	2,56	191,92	28,71	599,58
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	244,43	62,99	7,98	19,37	25,15	12,79	95,54	20,24		0,38			
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>													
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	146,33	12,90	9,38	10,05	5,75	18,34	37,35	8,76	2,00	1,48	0,50	0,64	39,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	1.291,40	194,59	12,69	77,44	41,18	17,65	147,86	14,40	5,00	0,70	191,42	28,07	560,40
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN													
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	20,00	20,00											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	99,69			99,69									
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN													
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN													
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		21,60		2,00	2,00			3,60	5,00	5,50	3,50			
	<i>Trong đó:</i>														
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	21,60		2,00	2,00			3,60	5,00	5,50	3,50			
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP													
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS													
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU													
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS													
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU													
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)													
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)													
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)													
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	159,47	13,41	5,06	25,11	1,00	15,83	12,74	1,00			1,00	1,00	83,32

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

- Ngoài ra, đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa và được thống kê là loại đất khác nhưng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện mục đích là đất trồng lúa thì cho phép lập, chỉnh lý thủ tục đất đai theo hiện trạng thực tế, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt (chỉ trừ quy hoạch đất lúa) và không tính vào chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất.

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
1	Đường dẫn vào trường THCS Tân Hiệp	0,25		0,25	HNK	Tân Hiệp	Một phần thửa đất số 1315, 174, 175, 173; tờ số 20	Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND thị xã về chủ trương đầu tư và Quyết định số 5964/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND thành phố Tân Uyên về giao chi tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn vốn do thị xã quản lý) - lần 2	2019	- Đã phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình - Thu hồi đất công do UBND phường Tân Hiệp quản lý	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sỹ Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên	4,00	1,00	3,00	LUA, HNK, CLN, ODT, SKC	Tân Phước Khánh	Công trình dạng tuyến	Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022	2020	Đã thu hồi 31.317,7 m ² /287 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức; còn lại 4.491,4 m ² /21 hộ gia đình cá nhân, tổ chức chưa phê duyệt phương án. Dự kiến trong Quý II/2025 sẽ hoàn thành	
3	Giải phóng mặt bằng thi công hạ lưu cống ngang Km 7+67 trên đường ĐT 747B (điểm đầu giáp ĐT 747B đến giáp mương Đầu Cúng)	0,25		0,25	LUA, HNK, CLN, ODT	Khánh Bình	Một phần thửa 571, 58, 62, 970, 117, 123, 144 tờ 38	Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND thị xã về chủ trương đầu tư và Quyết định số 5964/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND thành phố Tân Uyên về giao chi tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn vốn do thị xã quản lý) - lần 2	2021	Tổng công ty Becamec IDC chưa cung cấp hồ sơ lập dự án nên chưa phê duyệt dự án	Văn bản số 224/BC-QLĐT ngày 03/7/2024 của Phòng QLĐT đề nghị chuyển tiếp trong KHSDĐ năm 2025
4	Nâng cấp BTNN và XD hệ thống thoát nước tuyến đường Lê Quý Đôn (ĐH 421), phường Uyên Hưng	1,33	0,80	0,53	LUA, HNK, CLN, ONT	Uyên Hưng	Công trình dạng tuyến	Quyết định số 6090/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND thành phố Tân Uyên về việc phê duyệt dự án đầu tư và Quyết định số 5964/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND thành phố Tân Uyên về việc giao chi tiêu điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 (Nguồn vốn do thị xã quản lý) - Lần 2	2022	- Đã phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở - Ngày 17/3/2023, đã nhân mốc GPMB, TT PTQĐ đang phối hợp UBND phường Uyên Hưng thu thập thông tin và triển khai công tác đo đạc, xác định diện tích thu hồi. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong năm 2025	
5	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn	91,32		91,32	LUA: 2,42ha, HNK, CLN, ODT	Uyên Hưng, Hội Nghĩa, Vĩnh Tân	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của HĐND tỉnh Bình Dương về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP)	2023	Sửa tên, diện tích thu hồi đất trồng lúa theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương	Điều chỉnh diện tích thu hồi đất theo Văn bản số 834/QLDA-ĐHDA ngày 30/9/2024 của Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh
6	Cảng Thanh Phước	27,83		27,83	LUA, HNK, CLN, ODT	Thanh Phước	Tờ bản đồ số 7, 10	Công văn số 5634/UBND-KT ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh Bình Dương v/v triển khai thực hiện dự án Cảng Thanh Phước	2024	Văn bản số 26/TTP ngày 25/6/2024 của Công ty CP Cảng Thanh Phước gửi UBND tỉnh Bình Dương, Sở TN&MT, UBND Tp. Tân Uyên v/v hướng dẫn thủ tục để thực hiện các bước tiếp theo	VB số 29/TTP ngày 08/7/2024 của Công ty CP Cảng Thanh Phước đăng ký chuyển tiếp vào KHSDĐ năm 2025
II.1.3 Đất thủy lợi											
1	Cải thiện môi trường nước tỉnh Bình Dương (khu vực thành phố Tân Uyên)	12,25		12,25	LUA: 11,46ha, HNK, CLN, ODT, TMD	Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Khánh Bình, Thanh Phước, Tân Hiệp, Tân Vĩnh Hiệp	Tờ bản đồ số 48 và công trình dạng tuyến	Quyết định số 2130/QĐ-TTg ngày 17/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án "Cải thiện môi trường nước tỉnh Bình Dương", vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB)	2023	Đã thu hồi 39.407,7m ² /12 hộ. Còn lại 82.581,7 m ² /43 hộ chưa thu hồi. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025	VB số 255/BQL.CNNT-ĐTDA ngày 04/7/2024, BQLDA chuyển ngành nước tỉnh Bình Dương đề nghị chuyển tiếp
2	Dự án nạo vét, gia cố Suối Cái đoạn từ cầu Thọ Ut đến sông Đồng Nai	187,32	40,33	146,99	SKK, DKV, CLN, SKC, HNK, TIN, SON, NTS, DTL, MNC, DGT, ODT, DYT, TMD, DSH, DVH, LUA: 81,33ha	Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp, Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Phước Khánh, Thái Hòa, Thanh Phước	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chủ trương đầu tư dự án nạo vét, gia cố Suối Cái đoạn từ cầu Thọ Ut đến sông Đồng Nai và Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao chi tiêu Kế hoạch đầu tư công năm 2021	2021	Đã thu hồi 822.142,4m ² /600 hộ. Còn lại 597.571,7m ² /319 hộ và tổ chức chưa thu hồi. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý II/2025	VB số 491/BQL-KTTĐ ngày 03/7/2024, BQLDANN và PTNT đề nghị chuyển tiếp
II.1.4 Đất công trình năng lượng											

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
1	Trạm 110kV Thạnh Phước và ĐD 110kV trạm 110kV Thạnh Phước - trạm 220kV Tân Uyên	0,54		0,54	LUA, HNK, CLN	Thạnh Phước	Công trình dạng tuyến	Công văn số 4005/PCBD-QLDA ngày 13/9/2019 của Công ty Điện lực Bình Dương	2019	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất 4.887,5m ² /8 hộ. Đã hoàn thành công tác đo đạc kiểm đếm. Đơn vị tư vấn đang rà soát, điều chỉnh Chứng thư thẩm định giá đất theo Nghị định số 12/2024/NĐ-CP. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025	
2	Lộ ra 110kV Trạm 220kV Tân Uyên	0,42		0,42	LUA, HNK, CLN, ODT	Thái Hòa, Thạnh Phước	Công trình dạng tuyến	Quyết định số 706/QĐ-EVNSPC ngày 21/3/2020 của Tổng công ty Điện lực Miền Nam về việc giao kế hoạch ĐTXD năm 2020 cho BQLDA điện lực Miền Nam	2020	Đã thu hồi 3.514,2m ² /83 hộ. Còn lại 792,3m ² /05 hộ chưa thu hồi (do thay đổi hướng tuyến từ trụ 16 đến trụ 21). Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025	
3	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	0,10		0,10	LUA, HNK, CLN, ODT	Uyên Hưng	Công trình dạng tuyến, đi qua các thửa đất thuộc tờ 57 và 58	Quyết định số 705/QĐ-EVNSPC ngày 21/3/2020 của Tổng công ty Điện lực Miền Nam về việc giao kế hoạch ĐTXD năm 2020 cho BQLDA điện lực Miền Nam	2020	Phòng TN&MT tham mưu ban hành Thông báo thu hồi đất 835,4m ² /02 Tổ chức. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025	
4	Trạm biến áp 110kV VSIP 2-MR2 và đường dây đấu nối	0,50		0,50	LUA, HNK, CLN, ODT	Vĩnh Tân	Công trình dạng tuyến, đi qua các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 03	Quyết định số 705/QĐ-EVNSPC ngày 21/3/2020 của Tổng công ty Điện lực Miền Nam về việc giao kế hoạch ĐTXD năm 2020 cho BQLDA điện lực Miền Nam	2020	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất 3.646m ² /03 hộ và 01 tổ chức. Đã hoàn thành công tác đo đạc, kiểm đếm đất và tài sản trên đất. Hội đồng thẩm định giá đang thẩm định Phương án giá đất để thực hiện bồi thường cho các hộ dân. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025	
5	Cải tạo, mở rộng, nâng quy mô công suất (T3) trạm 110kV Khánh Bình	0,07		0,07	LUA, HNK, CLN	Khánh Bình	Công trình dạng tuyến	Quy hoạch phát triển lưới điện tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2025 (có xét đến năm 2035)	2021	Chưa triển khai thực hiện, do Chủ đầu tư chưa cung cấp các văn bản pháp lý của dự án như: Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư, ... theo quy định. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong Quý II/2025	
6	Đường dây 220kV đấu nối Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng - Sóng Máy	0,58		0,58	LUA, HNK, CLN	Uyên Hưng	Công trình dạng tuyến	Quy hoạch phát triển lưới điện tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2025 (có xét đến năm 2035)	2022	Văn bản số 5397/SPMB-PDB+PKH+PTD ngày 16/8/2024 của BQLDA các công trình điện Miền Nam đăng ký chuyển tiếp sang KHSDD năm 2025	
7	Trạm 110kV Khánh Bình 2 và ĐD 110kV Khánh Bình 2 - trạm 220kV Tân Uyên	0,60		0,60	LUA, HNK, CLN	Khánh Bình, Thạnh Phước	Công trình dạng tuyến	Văn bản số 3124/UBND-KT ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh Bình Dương v/v thông nhất thỏa thuận hướng tuyến dự án	2024	- Về bổ trí vốn : Đã được Tổng công ty Điện lực Miền Nam bố trí vốn và giao kế hoạch cho BQLDA điện lực miền Nam theo Quyết định số 2781/QĐ-EVN SPC ngày 31/12/2022. - Về tiến độ thỏa thuận với UBND tỉnh : đã được UBND tỉnh Bình Dương thỏa thuận tại Văn bản số 3124/UBND-KT ngày 03/6/2023. - Về tiến độ phê duyệt BCNCKT : Tổng công ty Điện lực Miền Nam đang xem xét để phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi	
8	Trạm 100kV VSIP2 MR3 và đường dây 110kV VSIP2 MR3 - trạm 220kV Tân Định	0,50		0,50	LUA, HNK, CLN	Vĩnh Tân	Công trình dạng tuyến	Văn bản số 3260/SCT-QLNL&KTAN ngày 03/11/2023 của Sở Công thương v/v thỏa thuận hướng tuyến dự án	2024	- Về bổ trí vốn : Đã được Tổng công ty Điện lực Miền Nam bố trí vốn và giao kế hoạch cho BQLDA điện lực miền Nam theo Quyết định số 2781/QĐ-EVN SPC ngày 31/12/2022. - Về tiến độ thỏa thuận với UBND tỉnh : đã được UBND tỉnh Bình Dương thỏa thuận tại Văn bản số 5804/UBND-KT ngày 09/11/2023. - Về tiến độ phê duyệt BCNCKT : Tổng công ty điện lực Miền Nam đang xem xét để phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
9	Lộ 110kV trạm 220kV Tân Định 2	0,50		0,50	LUA, HNK, CLN	Vĩnh Tân	Công trình dạng tuyến	Văn bản số 3260/SCT-QLNL&KTAN ngày 03/11/2023 của Sở Công thương v/v thỏa thuận hướng tuyến dự án	2024	- Về bố trí vốn: Đã được Tổng công ty Điện lực Miền Nam bố trí vốn và giao kế hoạch cho BQLDA điện lực miền Nam theo Quyết định số 2781/QĐ-EVN SPC ngày 31/12/2022. - Về tiến độ thỏa thuận với UBND tỉnh: đã được UBND tỉnh Bình Dương thỏa thuận tại Văn bản số 5804/UBND-KT ngày 09/11/2023. - Về tiến độ phê duyệt BCNCKT: Tổng công ty điện lực Miền Nam đang xem xét đề phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi	
II.1.5 Đất cơ sở văn hóa											
1	Trung tâm văn hóa thể thao phường Thạnh Phước	1,65		1,65	LUA	Thạnh Phước	Thửa 654, 655, 656, 657, 58, 659, 660, 662, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 766, tờ bản đồ số 11	Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND thị xã về chủ trương đầu tư và Quyết định số 5964/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND thành phố Tân Uyên về giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn vốn do thị xã quản lý) - lần 2	2023	Đã phê duyệt nhiệm vụ khảo sát thiết kế; Đang lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng dự án	
II.1.6 Đất giáo dục - Đào tạo											
1	Xây dựng các hạng mục còn lại Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	0,06		0,06	ODT	Thái Hòa	Thửa 563, tờ bản đồ số 12	Công văn số số 1301/UBND-SX ngày 18/7/2014 của UBND Tx. Tân Uyên về địa điểm đầu tư mở rộng trường mẫu giáo Hoa Hồng	2019	- Đã phê duyệt nhiệm vụ khảo sát thiết kế; đang lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng dự án - Đã ban hành Thông báo thu hồi đất 606,5m ² /01 hộ. Ngày 11/6/2024, Ban QLDA Đầu tư Khu vực thành phố có Tờ trình số 197/TTr-BQLDA trình UBND thành phố bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong Quý I/2025	
2	Trường tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B	0,94	0,75	0,19	DGD, ODT	Tân Vĩnh Hiệp	Thửa đất số 648, 611, 568, tờ bản đồ số 25	Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của UBND tỉnh Bình Dương v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trường tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B	2024	Đang trình Sở Xây dựng thẩm định dự án đầu tư	Bổ sung theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương
II.1.7 Đất trụ sở cơ quan											
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dự kiến xây dựng trụ sở các ngành trên địa bàn thành phố Tân Uyên	2,44		2,44	CLN	Uyên Hưng	Thửa 96, tờ 35	Quyết định số 3521/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND thành phố Tân Uyên giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2020 (nguồn vốn do UBND thị xã quản lý)	2021	Đã phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Hiện đang vướng mặt bằng của hộ dân có sử dụng một phần diện tích đất làm phần	Văn bản số 224/BC-QLĐT ngày 03/7/2024 của UBND phường Thạnh Phước đăng ký chuyển tiếp sang năm 2025
2	Trụ sở làm việc của UBND phường Phú Chánh	1,08		1,08	NTD, CLN	Phú Chánh	Thửa 249,250,261,1263, tờ 11	Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND thị xã về chủ trương đầu tư và Quyết định số 5964/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND thành phố Tân Uyên về giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn vốn do thị xã quản lý) - lần 2	2022	Đã phê duyệt nhiệm vụ khảo sát thiết kế	
II.1.9 Đất khu vui chơi giải trí công cộng											
1	Xây dựng hoa viên Văn phòng các khu phố (Dư Khánh, Cây Chàm), phường Thạnh Phước	0,80		0,80	LUA, CLN, DSH	Thạnh Phước	1P thửa 307, 266 tờ số 3; thửa 302, 303 tờ số 7; thửa 145 tờ 15	Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND thị xã về chủ trương đầu tư và Quyết định số 5964/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND thành phố Tân Uyên về giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn vốn do thị xã quản lý) - lần 2	2022	Đang thực hiện đo đạc phục vụ việc giao đất, cấp GCN. Dự kiến hoàn thành trong năm 2025	Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 01/7/2024 của UBND phường Thạnh Phước đăng ký chuyển tiếp sang năm 2025
II.1.10 Đất ở tái định cư, nhà ở xã hội, khu đô thị mới											

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Dư Khánh, phường Thanh Phước	1,38		1,38	LUA, HNK	Thanh Phước	Thửa 376, 378, 380, 427, 428, 429, 430, 431, 444, 445, 446, 447, 448, 502, 503, 504, 505, 516, 517 tờ 12	Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND thị xã về chủ trương đầu tư và Quyết định số 5964/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND thành phố Tân Uyên về giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn vốn do thị xã quản lý) - lần 2	2021	Quyết định số 5920/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND Tp. Tân Uyên v/v phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu TĐC Dư Khánh	Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 01/7/2024 của UBND phường Thanh Phước đăng ký chuyển tiếp sang năm 2025
2	Dự án nhà ở xã hội Tân Uyên	5,00		5,00	CLN	Hội Nghĩa	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 02	Công văn số 402/GRE-ĐTPTDA ngày 27/9/2023 của Nhà đầu tư về việc đăng ký dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	2024		Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
3	Dự án nhà ở xã hội	11,93		11,93	HNK, CLN, SKC	Khánh Bình	Thửa 337, 330, 421, 420, 377, 2024 tờ 35 và thửa 5 tờ 41		2024		Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư phường Thái Hòa	0,80		0,80	CLN	Thái Hòa	Thửa 293, tờ số 10	Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND Tp. Tân Uyên về bổ sung danh mục KH đầu tư công trung hạn 2021-2025 và điều chỉnh KH đầu tư công năm 2024	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư - tái định cư phường Tân Hiệp	2,26		2,26	CLN, ODT	Tân Hiệp	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 37	Quyết định số 5317/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND Tp. Tân Uyên v/v phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh QHCT 1/500 KDC-TĐC phường Tân Hiệp	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, tái định cư xã Thanh Hội	1,18		1,18	HNK	Thanh Hội	Thửa 37, 50, 49, 63, 48, 64, 66 tờ số 6; thửa 5, 6 tờ số 8	Văn bản số 3405/UBND-KT ngày 08/11/2023 của UBND Tp. Tân Uyên v/v điều chỉnh diện tích lập QHCT 1/500 KDC TĐC xã Thanh Hội	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
II.2	Công trình, dự án thu hồi đất thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư										
1	Dự án: Tô hợp giáo dục - đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) - Giai đoạn 1	8,40		8,40	LUA: 7,83ha, NTS	Thái Hòa	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 16	Điều chỉnh dự án theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương	2024		Điều chỉnh tên, quy mô dự án theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương
2	Dự án: Khu đô thị (giáo dục - công nghệ)	93,33		93,33	HNK, CLN, NTS	Thái Hòa	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 15, 16, 19, 20	Điều chỉnh dự án theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương	2024		Điều chỉnh tên, quy mô dự án theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương
3	Dự án: Khu đô thị Thái Hòa B	66,76		66,76	CLN, NTS, ODT	Thái Hòa	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 15, 16, 18	Điều chỉnh dự án theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương	2024		Điều chỉnh tên, quy mô dự án theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương
4	Khu đô thị mới Uyên Hưng	299,00	90,30	208,70	LUA, HNK, CLN, ODT	Uyên Hưng	Các thửa đất thuộc các tờ bản đồ số 49, 39, 40, 41, 2, 4, 5, 7, 8, 47, 16, 20, 26, 25, 52, 53, 47, 48, 52	Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v ban hành KH thực hiện khai thác quỹ đất, tạo nguồn thu từ đất phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh Bình Dương GD năm 2024-2025	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
5	Khu đô thị mới CT-1	255,56	115,00	140,56	LUA, HNK, CLN, ODT	Tân Hiệp	Các thửa đất thuộc các tờ bản đồ số 20, 30, 37, 24, 26, 27, 31, 28	Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v ban hành KH thực hiện khai thác quỹ đất, tạo nguồn thu từ đất phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh Bình Dương GD năm 2024-2025	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
6	Khu đô thị mới VD4-III (Giai đoạn 1: Triển khai thực hiện diện tích 423,28ha)	293,80	63,50	230,30	HNK, CLN, SKC, ODT	Vĩnh Tân	Các thửa đất thuộc các tờ bản đồ số 7, 10, 11, 12, 13, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 27, 28	Văn bản số 4309/UBND-KTTH ngày 29/8/2024 của UBND Tp. Tân Uyên v/v điều chỉnh, bổ sung Đề án khai thác quỹ đất phục vụ phát triển KT-XH tỉnh Bình Dương	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
7	Khu đô thị mới VD 4-VIII (Giai đoạn 1: Triển khai thực hiện diện tích 169,2ha)	284,90		284,90	CLN, SKC, SKX, ODT	Vĩnh Tân	Các thửa đất thuộc các tờ bản đồ số 22, 23, 24, 28, 29, 30, 33, 34, 37, 38	Văn bản số 4309/UBND-KTTH ngày 29/8/2024 của UBND Tp. Tân Uyên v/v điều chỉnh, bổ sung Đề án khai thác quỹ đất phục vụ phát triển KT-XH tỉnh Bình Dương	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
III	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất										
III.1	Dự án đất ở										
1	Khu nhà ở Toàn Thắng - Vĩnh Tân (Cty CP KD BĐS Toàn Thắng)	2,21		2,21	HNK, CLN	Vĩnh Tân	Thửa 526 tờ 6; thửa 4, 2072 tờ số 10	Công văn số 6666/UBND-KT ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh	2019		Dự án đang triển khai thực hiện
2	Khu nhà ở Sài Gòn An Phú (Cty TNHH KD BĐS Sài Gòn)	1,02	0,02	1,01	SKC, ODT	Tân Phước Khánh	Thửa 673, tờ 14	Công văn số 497/UBND-KTN ngày 10/02/2020 của UBND tỉnh	2020	Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; đã được phê duyệt QHCT 1/500, hiện CĐT đang nộp hồ sơ thẩm định hạ tầng kỹ thuật, sau đó sẽ ký quỹ, lồng ghép quy hoạch và lập thủ tục giao, thuê đất, CMD theo quy định	Văn bản số 12-2024/SG-ĐDK ngày 20/6/2024 của Công ty TNHH KD BĐS Sài Gòn đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
3	Khu nhà ở TM Hoàng Nam Uyên Hưng 2 (Công ty TNHH ĐT PT Dự án Hoàng Nam)	6,61	0,03	6,58	HNK, CLN, ODT	Uyên Hưng	Thửa 46, 499, 500, tờ 33; thửa 99, 100, 637, 1260 tờ 34	Công văn số 4364/UBND -KT ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh	2022	Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; hiện CĐT đang lập QHCT 1/500	- Văn bản số 04/2024/CV-DAHN ngày 01/7/2024 của Công ty TNHH ĐTPT Dự án Hoàng Nam đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025. - CĐT đăng ký giảm diện tích từ 6,67ha thành 6,61ha, điều chỉnh vị trí từ "thửa 46, 499, 500 tờ 33; thửa 99, 100, 637, 636 tờ 34" thành "thửa 46, 499, 500 tờ 33; thửa 99, 100, 637, 1260 tờ 34"
4	Khu nhà ở Tuấn Tiến Phát (Công ty TNHH TM BĐS Tuấn Tiến Phát)	2,63	0,03	2,60	CLN, ODT	Hội Nghĩa	Thửa 91, 960, 986-1010 tờ 16	Đã thỏa thuận chuyển nhượng để thực hiện dự án	2022	CĐT đã được nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp, đang lập thủ tục sang tên CĐT, sau đó sẽ lập thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Văn bản số 03-2024/TTP-ĐDK ngày 21/6/2024 của Công ty TNHH TM BĐS Tuấn Tiến Phát đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
5	Chung cư Phú Chánh Riverside (Công ty CP ĐT&PT Hoàng Khôi)	4,72	0,04	4,68	LUA, HNK, CLN, ODT, NTS	Phú Chánh	Thửa 33, 34, 35, 36, 37, 43, 44, 46, 48, 82, 85, 39, 40, 89, 38, 41, 42, 9, 11, 12, 26, 28, 29, 30, 32, 33, 58, 59, 60, 61, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 22, 24, 25, 27, 83, 84, 86, 87, 88, 103, 105, 106, 31, 45, 47, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 79, 80, 81, 107, 19, 20, 21, 23, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 121, 151, 152 tờ 2	Đã ký hợp đồng chuyển nhượng và chuyển tiền theo hợp đồng	2022	Văn bản số 4126/UBND-KT ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang lập thủ tục sang tên từ cá nhân sang tên CĐT, sau đó sẽ lập hồ sơ xin chủ trương đầu tư.	Văn bản số 25-2024/HK-ĐDK ngày 21/6/2024 của Công ty CP ĐT&PT Hoàng Khôi đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
6	Khu nhà ở Hoàng Khôi Riverside (Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Hoàng Khôi)	8,31	0,02	8,29	CLN, ODT, MNC	Tân Hiệp	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 12, số 13		2022	Văn bản số 3169/UBND-KT ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang lập thủ tục sang tên từ cá nhân sang tên CĐT, sau đó sẽ lập hồ sơ xin chủ trương đầu tư	- Văn bản số 03-2024/HK-ĐDK ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH ĐTPT Dự án Hoàng Khôi đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025 - CĐT đề nghị điều chỉnh tên từ "Công ty CP Tập đoàn Hoàng Khôi" thành "Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Hoàng Khôi"
7	Khu nhà ở An Phước (Công ty TNHH Đầu tư BĐS An Phước)	8,21	0,01	8,20	CLN, ODT, SKC	Uyên Hưng	Thửa 16, 50-53, 57, 188, 15 tờ 35	Đã thỏa thuận chuyển nhượng để thực hiện dự án	2022	Văn bản số 2455/UBND-KT ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp, sau đó CĐT có xin chủ trương nhưng do chưa phù hợp QH chung nên đứng lại. Nay đang lập thủ tục sang tên CĐT, sau đó sẽ xin chủ trương đầu tư lại.	Văn bản số 02/2024/ĐDK-AP ngày 21/6/2024 của Công ty TNHH Đầu tư BĐS An Phước đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
8	Khu nhà ở Tổ ấm DD (DD Homes) (Công ty TNHH DD Happy)	1,38	0,03	1,35	HNK, CLN, ODT	Vinh Tân	Thửa 54-56, 75-80, 106-112, 135, 138, 140-142, 204, 139 tờ 16	Đã cấp GCNQSDĐ cho thành viên Cty mẹ	2022	Đã có Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (QĐ số 2879/QĐ-UBND ngày 07/11/2023; Đã được duyệt QHCT 1/500 theo QĐ 5525/QĐ-UBND ngày 12/8/2024. Hiện đang lập hồ sơ TKCS Dự án. Và thực hiện thỏa thuận ký quỹ và lồng ghép quy hoạch. Thực hiện xong sẽ nộp hồ sơ xin giao đất	Văn bản số 15/2024/DDH-ĐDK ngày 21/6/2024 của Công ty TNHH DD Happy đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
9	Chung cư Ánh Hòa Vita (Công ty TNHH Đầu tư BĐS Ánh Hòa Vita)	1,28	0,03	1,25	HNK, CLN, ODT	Vinh Tân	Thửa 431, 892 tờ 31	Đã cấp GCNQSDĐ cho thành viên Cty	2022	Văn bản số 6791/UBND-KT ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang sang tên CĐT, sau đó sẽ xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Văn bản số 02-2024/AHVT-ĐDK ngày 21/6/2024 của Công ty TNHH Đầu tư BĐS Ánh Hòa Vita đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
10	Chung cư Hoàng Khôi Vinh Tân (Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh BĐS Hoàng Khôi Tân Uyên)	1,31	0,15	1,16	HNK, CLN, ODT	Vinh Tân	Thửa 639, 735 tờ 20; thửa đất số 672, 1244, 702, 2447 tờ 21	Đã thỏa thuận chuyển nhượng để thực hiện dự án	2022	Đã nộp hồ sơ xin chủ trương đầu tư (Các sở, ngành đã có ý kiến trong tháng 4/2024, còn Sở Tài chính chưa có ý kiến do đang chứng minh số dư tài chính). Hiện CĐT đang làm việc cùng Sở Tài chính. Xong sẽ tiếp tục lập QHCT 1/500	Văn bản số 11-2024/HKVT-ĐDK ngày 21/6/2024 của Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh BĐS Hoàng Khôi Tân Uyên đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
11	Khu nhà ở Vinh Tân Tiến (Công ty TNHH ĐT & PT Vinh Tân Tiến)	10,13	0,05	10,08	HNK, CLN, ODT	Vinh Tân	Thửa 311-315, 339, 340, 256, 477 tờ 32; thửa 243-253, 284-297, 302-306, 1, 2, 670, 685, 638, 608, 731, 698, 283, 623 tờ 36	Đã thỏa thuận chuyển nhượng để thực hiện dự án	2022	- Văn bản số 2467/UBND-KT ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp - Đã nộp chủ trương đầu tư ngày 26/7/2024, hiện đã có đầy đủ góp ý của Sở ngành, đang chờ kết quả Sơ KHĐT trình UBND tỉnh ra quyết định.	Văn bản số 05-2024/VTT-ĐDK ngày 21/6/2024 của Công ty TNHH ĐT&PT Vinh Tân Tiến đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
12	Chung cư Hoàng Gia Phúc (Công ty TNHH Địa ốc Hoàng Gia Phúc)	2,54		2,54	HNK, CLN	Thái Hòa	Thửa số 1, tờ 4		2022	Dự án đang triển khai thực hiện	
13	Khu nhà ở sinh thái Hồ Thiên Quang (Công ty TNHH Lâm Thành Dược)	4,37		4,37	NTS	Thái Hòa	Thửa 30, tờ 9		2022	CĐT chưa được nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp, hiện CĐT đang cân đối tài chính để thực hiện.	Văn bản số 06-2024/LTD-ĐDK ngày 21/6/2024 của Công ty TNHH Lâm Thành Dược đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
14	Khu nhà ở Tiamo Uyên Hưng (Công ty TNHH XD S.CONCS)	3,15		3,15	CLN	Uyên Hưng	Thửa 112-139, 23, 85-91, 401-407, 27, tờ 54; thửa 767, 909, 906, 907 tờ 52		2022	Văn bản số 3916/UBND-KT ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang sang tên cá nhân sang CĐT, sau đó sẽ thực hiện xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Văn bản số 04/CV-CTY ngày 21/6/2024 của Công ty TNHH XD S.Cons đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
15	Khu chung cư Khang Gia Phát (Công ty TNHH Đầu tư BĐS Khang Gia Phát)	1,01		1,01	LUA, CLN	Thái Hòa	Tờ bản đồ số 4		2022	Dự án đang triển khai thực hiện	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
16	Khu chung cư QP (Công ty CP BĐS Tân Hưng City)	1,43		1,43	CLN	Uyên Hưng	Thửa 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 331, 332, 333, 334, 335, 370, 189 tờ 46; thửa 185, 186, 13 tờ 13	Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh	2022	Văn bản số 3307/UBND-KT ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. CĐT đã lập xong sang tên từ cá nhân sang CĐT, hiện đang nộp hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Văn bản số 12/2024/TH-CV ngày 12/6/2024 của Công ty CP BĐS Tân Hưng đăng ký cập nhật tên, diện tích của dự án
17	Dự án nhà ở (Công ty CP ĐT BĐS Hướng Dương)	2,23		2,23	HNK, CLN	Tân Hiệp	Thửa 33, 43, 300 tờ 12	Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh	2022	Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Hiện Chủ đầu tư đang lập QHCT 1/500	Văn bản số 70/HD-2024 của Công ty CP ĐT BĐS Hướng Dương đăng ký vào KHSDD năm 2025
18	Khu đô thị Hoàng Nam (Công ty TNHH Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Hoàng Nam)	3,72	0,60	3,12	ODT, CLN	Uyên Hưng	Thửa 44, 45, tờ 33	Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh	2022	Văn bản số 1690/UBND-KT ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Đã sang tên CĐT và đang nộp hồ sơ xin chủ trương đầu tư chấp thuận nhà đầu tư (ngày 09/9/2024 UBND thành phố Tân Uyên cũng đã có Văn bản số 4453/UBND-KTTH góp ý kiến)	Văn bản số 23/2024/CV-HN ngày 01/7/2024 của Công ty TNHH ĐT PT Nhà và Đô thị Hoàng Nam đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
19	Khu dân cư Vanilux (Công ty CP Vanilux)	3,52	0,03	3,49	CLN	Hội Nghĩa	Thửa 9, 15, 32, 407, 51, 33, 61, 34 tờ số 4	Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh	2022	Văn bản số 3204/UBND-KT ngày 28/6/2023 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. CĐT đang sang tên từ cá nhân sang CĐT, sau đó sẽ nộp hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	
20	Chung cư Ngôi sao Sơn Đọt (Cty CP Ngôi Sao Sơn Đọt)	1,19	0,03	1,16	HNK, CLN, ODT	Phú Chánh	Thửa 774, 778, 688, 540, 905, tờ số 2	Đơn đăng ký của CĐT	2023	Đã có chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (QĐ số 1853/QĐ-UBND ngày 21/6/2024), hiện đang nộp hồ sơ lập QHCT 1/500. Sau đó sẽ lập thủ tục ký quỹ, lồng ghép quy hoạch và lập thủ tục giao, thuê đất	Văn bản số 20-2024/SD-ĐDK ngày 21/6/2024 của Công ty CP Ngôi Sao Sơn Đọt đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
21	Dự án Chung cư Nhà ở xã hội Thanh Bình (Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng Thanh Bình)	1,00		1,00	HNK, CLN	Phú Chánh	Thửa 120, 121, 407, 393 tờ số 15	QĐ số 2385/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh	2023	Ngày 03/4/2024, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 1545/UBND-KT v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. CĐT đã sang tên từ cá nhân sang CĐT và đang lập hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Văn bản số 10/CV-TB ngày 23/9/2024 của Công ty CP SXXD Thanh Bình v/v báo cáo tiến độ thực hiện Dự án và xin cập nhật vào KHSDD năm 2025 Chủ đầu tư điều chỉnh tên dự án Chung cư Thanh Bình thành Chung cư nhà ở xã hội Thanh Bình
22	Khu nhà ở Thạch Bàn (Công ty CP gạch ngói Thạch Bàn số 3)	4,84	0,02	4,82	SKC, ODT, CLN	Tân Hiệp	Thửa 254, 1322 tờ 16	QĐ số 2385/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh	2023	Đã có chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (QĐ số 2404/QĐ-UBND ngày 23/8/2024), hiện đang nộp hồ sơ lập QHCT 1/500. Sau đó sẽ lập thủ tục ký quỹ, lồng ghép quy hoạch và lập thủ tục giao, thuê đất	- Văn bản số 12-2024/TB-ĐDK ngày 21/6/2024 của Công ty CP Gạch ngói Thạch Bàn Số 3 đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025. - CĐT đăng ký giám diện tích từ 5,18ha thành 4,84ha, điều chỉnh vị trí từ "thửa 623 tờ 21, thửa 254, 1322 tờ 16" thành "thửa 254, 1322 tờ 16"
23	Chung cư Tân Khánh Plaza (Công ty Cổ phần ĐT&PT BĐS Tân Khánh)	0,72	0,01	0,71	SKC, ODT, CLN	Tân Phước Khánh	Thửa 540, 884 tờ 10	QĐ số 2385/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh	2023	Văn bản số 2432/UBND-KT ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang lập thủ tục sang tên CĐT, sau đó sẽ lập thủ tục xin chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư	Văn bản số 05-2024/TK-ĐDK ngày 21/6/2024 của Công ty CP ĐT&PT BĐS Tân Khánh đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
24	Khu nhà ở Trứng Vàng (Công ty CP Ba Huân)	18,07	0,03	18,04	SKC, ODT, HNK	Vinh Tân	Thửa 546, 292 tờ 10	Đơn đăng ký của CĐT	2024	Đang triển khai thực hiện dự án theo quy định	- Văn bản số 07-2024/BH-DDK ngày 03/7/2024 của Công ty CP Ba Huân đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025; - CĐT xin điều chỉnh loại bỏ thửa 292, chỉ còn thửa 546
25	Khu nhà ở Golden (Công ty TNHH Golden Fortune Việt Nam)	24,11		24,11	SKC	Thái Hòa	Thửa 6, tờ 4	Văn bản số 417/CV ngày 15/9/2023 của Công ty TNHH Golden Fortune Việt Nam đăng ký	2024	Đang triển khai thực hiện	Văn bản số 462/CV ngày 11/9/2024 của Công ty TNHH Golden Fortune Việt Nam v/v báo cáo tiến độ và đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
26	Khu nhà ở Uyên Hưng Vina Home (Công ty CP Sung bu Vina)	4,21		4,21	SKC	Uyên Hưng	Thửa 167 tờ 59	Văn bản số 01.09/2023/SBV-DDK ngày 27/9/2023 của Công ty CP Sung bu Vina đăng ký	2024		Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
27	Khu tổ hợp căn hộ cao cấp Đại Vũ Đàng (Công ty TNHH Dương Anh Bình Dương)	0,83		0,83	LUA: 0,82ha, CLN	Uyên Hưng	Thửa 343, 350, 629, 1156, 342 tờ 48	Đơn đăng ký của CĐT	2024		Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
28	Khu nhà ở Thái Bình Dương Tân Hiệp 15 (Công ty TNHH Đầu tư BDS Thái Bình)	1,12	0,01	1,11	CLN, ODT	Tân Hiệp	Thửa 23, 587 tờ 11	Đơn đăng ký của CĐT	2024	Văn bản số 1139/UBND-KT ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v nhận chuyển nhượng QSDĐ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Hiện đang lập thủ tục sang tên Công ty, xong sẽ lập thủ tục xin chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư	Văn bản số 0909/2024/CV-TB ngày 09/9/2024 của Công ty TNHH Đầu tư BDS Thái Bình đăng ký chuyển tiếp DA vào KHSDD 2025
29	Khu nhà ở GTM (Công ty TNHH GTM)	2,36	0,01	2,35	CLN, SKC, ODT	Tân Phước Khánh	Thửa 1220, một phần các thửa: 2103, 1696, 599; tờ bản đồ số 9	Đơn đăng ký của CĐT	2024	CĐT đang đăng ký vào Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh Bình Dương	Văn bản số 02/2024/CV-GTM ngày 07/9/2024 của Công ty TNHH GTM v/v cập nhật DA vào KHSDD 2025
30	Khu dân cư Khánh Bình (Công ty TNHH Đầu tư Quang Mỹ)	2,81		2,81	SKC	Khánh Bình	Thửa 1920, tờ 39		2024		Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
31	Khu dân cư Lâm Hải (Công ty TNHH BDS Lâm Hải)	3,60	0,03	3,57	LUA, CLN, SKC	Tân Vĩnh Hiệp	Thửa: 505, 1p504, 1p572, 571, 569, 570, 599, 1p597, 598, 1p669, 667, 600-602, 662-666, 668, 1p690, 691-694, 753-757, 1p758, 695, 696, 750-752, 1p775, 1p776, 777, 779-786 tờ 15; Thửa: 1p12, 1p11, 13-20, 84, 85, 81, 82, 79 tờ 21	Đơn đăng ký của CĐT	2024		Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
32	Khu nhà ở Nam Tân Uyên (Công ty CP BDS U&I)	9,87		9,87	HNK, CLN	Khánh Bình	Một phần thửa 57, tờ 24	Văn bản số 460/CV ngày 11/9/2024 Công ty CP BDS U&I v/v đăng ký KHSDD năm 2025	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
33	Chung cư Thanh Bình - Nhà ở xã hội (Công ty CP SXXD Thanh Bình)	3,29	0,03	3,26	CLN, HNK, ODT: 300 m ²	Phú Chánh	Thửa 758, 59, 765, 547, 71, 81, 82; tờ số 17	Văn bản số 11/CV-TB ngày 23/9/2024 của Công ty CP SXXD Thanh Bình v/v xin cập nhật vào KHSDD năm 2025	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
III.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp										
1	Nhà máy sản xuất thép (Công ty TNHH thép và xây dựng Đại Quang Long)	0,94		0,94	HNK, CLN	Vinh Tân	Thửa 45, 92, 90; tờ 11		2022	Đang triển khai thực hiện	
2	Thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp của công ty TNHH Tiến Hưng 1 JL	11,80		11,80	CLN	Vinh Tân	Thửa 4, 12, 20, 21, 215, 216, 217 tờ 40 và thửa 190 tờ 37		2024	Đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định	Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
3	Nhà xưởng gia công giường, tủ, bàn, ghế (Công ty TNHH Vinh Quang)	5,75		5,75	HNK, CLN, SKC	Tân Hiệp	Thửa 519, 591, 536, 559, 693, 694 tờ 21		2024	Đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định	Văn bản số 09/2024/VQ-CV ngày 09/9/2024 đăng ký chuyển tiếp trong KHSDD năm 2025
4	Dự án nhà xưởng (Công ty TNHH Gỗ Việt Tin)	0,70		0,70	HNK	Tân Vĩnh Hiệp	Thửa số 84, tờ 14		2024	Được bổ sung tại Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh Bình Dương	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
5	Dự án nhà xưởng (Công ty TNHH MTV SX-TM Thái Linh)	2,86		2,86	CLN	Vinh Tân	Thửa số 896, tờ 12		2024	Được bổ sung tại Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh Bình Dương	
III.3 Đất thương mại dịch vụ											
1	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu 568 (Công ty TNHH TM DV Đăng Kiểm Uyên Hưng)	0,05		0,05	CLN	Uyên Hưng	Thửa 1835 tờ 42		2022	Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh Bình Dương quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	CĐT đang triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo để được chuyển mục đích sử dụng đất
2	Công ty TNHH MTV Trạm xăng dầu Minh Quang	0,37		0,37	TMD, CLN	Tân Vinh Hiệp	Thửa 304, tờ 13		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
3	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Ngọc Phương Uyên	0,09		0,09	TMD, ODT, CLN	Tân Vinh Hiệp	Thửa 833, 484, tờ 25		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
4	DNTN xăng dầu Vinh Tân	0,05		0,05	ODT	Vinh Tân	Thửa 214, 1871, tờ 16		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
5	DNTN xăng dầu Thủy Tiên	0,08		0,08	TMD, ODT, CLN	Vinh Tân	Thửa 540, 557, tờ 27		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
6	DNTN xăng dầu Tân Vinh Tân	0,09		0,09	TMD, CLN	Vinh Tân	Thửa 465, tờ 17		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
7	Cửa hàng xăng dầu Hồ Bửu - CH số 11	0,32		0,32	TMD, ODT, CLN	Khánh Bình	Thửa 132, tờ 36		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
8	Cửa hàng xăng dầu Thành Tấn Lộc	0,41		0,41	TMD, SKC, HNK	Khánh Bình	Thửa 57, tờ 32		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
9	CN Cty CP Kho vận Petec	0,16		0,16	TMD, LUA, ODT	Khánh Bình	Thửa 247, 279, 280, 281, 583 tờ 48		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
10	DNTN Bình Lợi (cho Công ty TNHH MTV TM&DV Xuân Ngân Thịnh thuê đất)	0,15		0,15	ODT, CLN	Tân Hiệp	Thửa 61, tờ 23		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	Đổi tên dự án (trước đây là dự án của CN Công ty TNHH TMVT Nguyễn Khang)
11	Công ty TNHH vận tải Xăng dầu Huỳnh Gia	0,08		0,08	TMD, CLN	Tân Hiệp	Thửa 1649, tờ 18		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
12	Cty TNHH Kim Dung	0,03		0,03	TMD, CLN	Tân Hiệp	Thửa 1016, tờ 27		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
13	Chi nhánh DNTN Tân Hội	0,11		0,11	ODT, CLN	Tân Hiệp	Thửa 704, 787, tờ 26		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
14	Cửa hàng xăng dầu Tổng Bản	0,08		0,08	TMD, SKC	Thanh Phước	Thửa 1473, tờ 9		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
15	DNTN xăng dầu Phước Tèo	0,98		0,98	ODT, HNK	Thái Hòa	Thửa 55, tờ 16		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
16	Trạm xăng dầu Quốc Phong (trước là Chi nhánh Cty TNHH TM Petro Đông Nam A - Cửa hàng xăng dầu số 2)	0,85		0,85	ODT	Thái Hòa	Thửa 393, tờ 2		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
17	Hợp tác xã SXTMDV Trọng Hữu	0,11		0,11	ODT, SKC	Uyên Hưng	Thửa 452, 453, 454, 456, tờ 52		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
18	Công ty TNHH Xăng dầu Hoàng Sơn	0,10		0,10	ODT, CLN	Phú Chánh	Thửa 214, tờ 5		2022	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
19	Cửa hàng xăng dầu (DNTN xăng dầu Đại Cát)	0,06		0,06	HNK, CLN, ODT	Tân Phước Khánh	Thửa 146 tờ 6		2023	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
20	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	0,11		0,11	CLN, ODT, TMD	Hội Nghĩa	Thửa 141, 252 tờ 12		2023	CĐT đang hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan	
21	Cửa hàng xăng dầu (Công ty TNHH TM Xăng dầu Khánh Hội)	0,05		0,05	CLN, ODT	Tân Hiệp	Thửa 2181, 2182, 2183 tờ 27	Văn bản số 01/2024/CV-KH ngày 10/9/2024 của Công ty TNHH TM Xăng dầu Khánh Hội v/v đăng ký kế hoạch sử dụng đất	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
III.4 Đất của tổ chức sự nghiệp											
1	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới (Công ty TNHH TMDV Đăng kiểm Uyên Hưng)	0,15		0,15	HNK, CLN	Uyên Hưng	Thửa 1835 tờ 42		2022	Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh Bình Dương quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	CĐT đang triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo để được chuyển mục đích sử dụng đất
III.5 Công trình, dự án thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất											
1	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa, phường Khánh Bình	1,35		1,35	SKC	Khánh Bình	Thửa 635 tờ 38; thửa 771 tờ 39	Thông báo số 353/TB-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh	2023	Dự án đang triển khai thực hiện các bước theo quy định về đấu giá QSDĐ	
2	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Bayer VN	3,90		3,90	SKC	Uyên Hưng	Thửa 27 tờ 2	Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh	2024		Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
3	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Khánh Hiệp tại phường Tân Hiệp	4,58		4,58	SKC	Tân Hiệp	Thửa 190, 192 tờ 12; thửa 1577 tờ 17	Văn bản số 3598/UBND-KT ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh	2024		Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
4	Khu đất thu hồi của Công ty Dệt Hanshin Vina	1,56		1,56	SKC	Khánh Bình	Thửa 604, tờ 39	Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của UBND tỉnh	2024		Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
5	Khu đất thu hồi của công ty TNHH KS và XD Bình Dương	6,80		6,80	SKC	Tân Hiệp	Thửa 1235, 1238 và một phần thửa 1236 tờ số 21; thửa 829 tờ 28	Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh Bình Dương v/v ban hành KH thực hiện khai thác quỹ đất, tạo nguồn thu từ đất phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh Bình Dương GP năm 2024-2025	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
6	Khu đất thuộc thửa 05, 24 tờ bản đồ 35 (Đất của Thành ủy Tân Uyên)	4,71		4,71	CLN	Uyên Hưng	Thửa 5, 24; tờ bản đồ số 35		2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
V	Công trình, dự án để lập thủ tục giao, thuê đất, cấp GCNQSDĐ										
1	Khu dân cư áp 4 Vĩnh Tân	3,35		3,35	CLN	Vĩnh Tân	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 6, 15		2024		Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
2	Khu dân cư áp 5 Vĩnh Tân	7,13		7,13	CLN	Vĩnh Tân	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 10, 16, 20, 21, 26		2024		Dự án chưa quá 02 năm triển khai thực hiện, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định
3	Mở rộng Trường THCS Vĩnh Tân	0,69		0,69	DTT	Vĩnh Tân	Thửa 536, 537 tờ 21		2025	Giao đất theo hiện trạng	Công trình đăng ký mới năm 2025
4	Công trình Trạm biến áp 110kV Khánh Vân và đường dây đầu nối	0,55		0,55	LUA, HNK, CLN, ODT	Khánh Bình, Tân Phước Khánh	Công trình dạng tuyến, đi qua các thửa đất thuộc tờ 48 (phường Khánh Bình) và tờ 03 (phường Tân Phước Khánh)	Điền lục Tân Uyên đăng ký dự án để thực hiện công tác giao, thuê đất trong năm 2025	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
5	Khu tái định cư Tân Phước Khánh	3,65		3,65	HNK, CLN	Tân Phước Khánh	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 5, 10	Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND Tp. Tân Uyên v/v Nhiệm vụ điều chỉnh QHCT 1/500 Khu TĐC phường Tân Phước Khánh	2025		Công trình đăng ký mới năm 2025
VI	Chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân										
VI.1	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	76,50		76,50							
1	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	7,00		7,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Uyên Hưng			2025		
2	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	7,00		7,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Tân Phước Khánh			2025		
3	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	5,50		5,50	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Thái Hòa			2025		
4	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	5,50		5,50	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Thạnh Phước			2025		
5	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	7,00		7,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Khánh Bình			2025		
6	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	14,00		14,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Tân Hiệp			2025		
7	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	7,00		7,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Tân Vĩnh Hiệp			2025		
8	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	7,00		7,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Bạch Đằng			2025		
9	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	1,00		1,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS, NKH	Thanh Hội			2025		
10	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	5,00		5,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Hội Nghĩa			2025		
11	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	5,50		5,50	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Phú Chánh			2025		
12	Đất nông nghiệp chuyển đất ở	5,00		5,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Vĩnh Tân			2025		
VI.2	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC	55,73		55,73							
1	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC	2,00		2,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Uyên Hưng			2025		
2	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC	3,00		3,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Tân Phước Khánh			2025		
3	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC	2,00		2,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Thái Hòa			2025		
4	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC	4,00		4,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Thạnh Phước			2025		

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
5	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC	3,00		3,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Khánh Bình			2025		
6	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC	15,00		15,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Tân Hiệp			2025		
7	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC	2,00		2,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Tân Vĩnh Hiệp			2025		
8	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC	3,00		3,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Hội Nghĩa			2025		
9	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC	1,73		1,73	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Phú Chánh			2025		
10	Đất nông nghiệp chuyển đất SKC	20,00		20,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Vĩnh Tân			2025		
VI.2	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD	34,50		34,50							
1	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD	1,00		1,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Uyên Hưng			2025		
2	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD	3,00		3,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Tân Phước Khánh			2025		
3	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD	5,00		5,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Thái Hòa			2025		
4	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD	3,50		3,50	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Thanh Phước			2025		
5	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD	3,00		3,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Khánh Bình			2025		
6	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD	6,00		6,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Tân Hiệp			2025		
7	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD	2,00		2,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Tân Vĩnh Hiệp			2025		
8	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD	2,00		2,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Hội Nghĩa			2025		
9	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD	3,00		3,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Phú Chánh			2025		
10	Đất nông nghiệp chuyển đất TMD	6,00		6,00	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS	Vĩnh Tân			2025		
VI.4	Đất SKC chuyển đất ở	10,00		10,00							
1	Đất SKC chuyển đất ở	1,00		1,00	SKC	Uyên Hưng			2025		
2	Đất SKC chuyển đất ở	1,00		1,00	SKC	Tân Phước Khánh			2025		
3	Đất SKC chuyển đất ở	1,00		1,00	SKC	Thái Hòa			2025		
4	Đất SKC chuyển đất ở	1,00		1,00	SKC	Thanh Phước			2025		
5	Đất SKC chuyển đất ở	1,00		1,00	SKC	Khánh Bình			2025		
6	Đất SKC chuyển đất ở	1,00		1,00	SKC	Tân Hiệp			2025		
7	Đất SKC chuyển đất ở	1,00		1,00	SKC	Tân Vĩnh Hiệp			2025		
8	Đất SKC chuyển đất ở	1,00		1,00	SKC	Hội Nghĩa			2025		
9	Đất SKC chuyển đất ở	1,00		1,00	SKC	Phú Chánh			2025		
10	Đất SKC chuyển đất ở	1,00		1,00	SKC	Vĩnh Tân			2025		
VI.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	21,60		21,60							
1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	2,00		2,00	LUA	Tân Phước Khánh			2025		
2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	2,00		2,00	LUA	Thái Hòa			2025		
3	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	3,60		3,60	LUA	Tân Hiệp			2025		
4	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	5,00		5,00	LUA	Tân Vĩnh Hiệp			2025		
5	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	5,50		5,50	LUA	Bach Đằng			2025		
6	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	3,50		3,50	LUA	Thanh Hội			2025		

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, phường	Vị trí: Số tờ, số thửa	Pháp lý dự án	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
VI.4	Chuyển mục đích từ đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản (trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện là đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản nhưng thực tế không thuộc diện tích quy hoạch 03 loại rừng hay quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản, từ trước đến nay người dân chỉ sản xuất nông nghiệp, không có trồng rừng hay nuôi trồng thủy sản và đã được thống kê, kiểm kê vào loại đất khác) phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không tính vào chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất và không phải xin chủ trương HDND tỉnh	13,50		13,50	RSX, NTS	Các xã, phường			2025		

Ngoài ra, đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa và được thống kê là loại đất khác nhưng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện mục đích là đất trồng lúa thì cho phép lập, chỉnh lý thủ tục đất đai theo hiện trạng thực tế, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt (chỉ trừ quy hoạch đất lúa) và không tính vào chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất.

